

U
L
Y
S
S
E
S

NGÔI NHÀ GƯƠNG

M
O
O
R
E



Il presente volume è stato tradotto grazie ad un contributo alla traduzione concesso dal Ministero degli Affari Esteri della Repubblica Italiana.

Cuốn sách này được chuyển ngữ với sự tài trợ của Bộ Ngoại giao Italia – Cộng hòa Italia.

ULYSSES MOORE

Ngôi nhà gương

Đôi lời cùng độc giả

Cộng tác viên của chúng tôi cuối cùng cũng dịch xong cuốn thứ hai của Ulysses Moore, sau khi giải được những mật mã đã khiến tác phẩm trở nên khó đọc. Nhưng lớp màn bí ẩn về Kilmore Cove và những cư dân của nó vẫn còn dày đặc... Do đó, anh ấy đã quyết định lưu lại ở Cornovaglia thêm một chút để điều tra. Nếu các bạn tò mò muốn biết điều gì đã xảy ra tới thời điểm hiện tại, trước khi đắm mình vào chuyến phiêu lưu mới này, hãy lướt qua phần cuối của cuốn sách...

Ban biên tập

BẢN DỊCH BẢN THẢO THỨ BA

Từ: Pierdomenico Baccalario

Tiêu đề: Bản dịch bản thảo thứ ba

Ngày: 14 tháng 7 năm 2005 01:56:13

Tới: Ban biên tập

Chào các bạn!

Đây là bản dịch cuốn nhật ký thứ ba của ngài Ulysses Moore!

Những gì tôi khám phá được thật đáng kinh ngạc, nhưng tôi không muốn bật mí trước điều gì... Trước khi các bạn bắt đầu đắm chìm vào cuốn nhật ký, hãy để tôi kể cho các bạn nghe điều đã xảy ra với tôi tuần trước.

Các bạn phải biết rằng tôi đã phát hiện ở Ermington, một thị trấn nhỏ cách nhà nghỉ B&B của tôi chừng vài cây số, có một cửa hàng sách chuyên về du lịch. Tôi bèn đến đó với ý định tìm thêm một vài chỉ dẫn về Kilmore Cove.

Tôi lướt qua những cuốn sách, bản đồ lớn và bản đồ nhỏ, sơ đồ những con đường mòn, những truyền thuyết và những câu chuyện về Cornovaglia mà chẳng khám phá được điều gì. Bực mình, tôi nhờ người bán sách giúp. Chúng tôi đã dành cả buổi chiều để lục lọi tất cả những cuốn sách bụi bặm và lâu đời nhất trong cửa hàng, nhưng cũng chẳng thu được kết quả gì.

Để thay đổi suy nghĩ, tôi quyết định đi uống gì đó. Tôi vào một quán cà phê ngoài trời. Ở quảng trường làng, dòng người đông đúc qua lại, vì thế ban đầu tôi không để ý thấy một quý ông lịch lãm ngồi ở bàn bên cạnh. Lúc này dù có cố nhớ, tôi vẫn không tài nào hình dung ra điều gì khác ngoài một bộ ria và chiếc áo sơ-mi vải lanh trắng. Tôi đã gọi một ly nước bạc hà, sau đó bước vào quán để trả tiền. Lúc ra, tôi thấy trên bàn mình cuốn sách này:

NGƯỜI LỮ HÀNH TÒ MÒ

Sách hướng dẫn du lịch bỏ túi
tại Kilmore Cove và khu vực lân cận

Tôi run run mở cuốn sách vì xúc động. Ở trang đầu tiên có một dòng chú thích với nét chữ viết tay giờ đã quá quen thuộc với tôi:

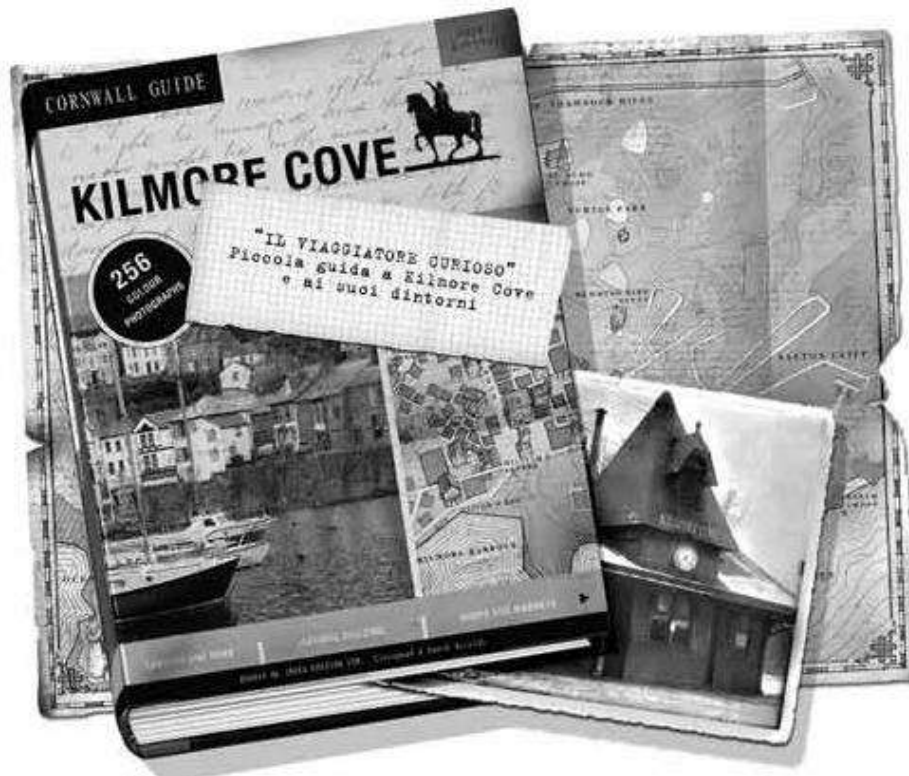
THƯ VIỆN CÁ NHÂN MOORE
Biệt thự Argo, Kilmore Cove

Chỉ đến lúc đó tôi mới phát hiện ra người đàn ông ngồi cạnh mình đã biến mất. Tôi ngờ ngợ... có thể đó chính là ngài Ulysses Moore bằng xương bằng thịt! Chỉ cách tôi có một mét! Tiếc là ông ấy đã tuột khỏi tay tôi...

Tôi gửi cho các bạn một bức ảnh về cuốn sách, để các bạn làm chứng cho tôi rằng tất cả những việc này đang thực sự xảy ra. Bên trong cuốn sách còn có một bức ảnh chụp nhà ga xe lửa cũ của Kilmore Cove...

Cuốn sách chính là minh chứng cho sự tồn tại của Kilmore Cove! Nó hẳn ở đâu đó quanh đây thôi! Tôi đảm bảo với các bạn rằng nếu cần tôi sẽ xới tung cả Cornovaglia để tìm ra nó...

Các bạn sẽ sớm nhận được tin của tôi,
Pierdomenico



Chương 1. Bữa sáng

Tỏa đi thật chậm rãi, mùi thơm ngon của thịt lợn hun khói rán với trứng lan dần vào không khí. Julia trở mình, khịt khịt mũi trong chăn. Cô bé mỉm cười, vẫn còn ngái ngủ và vùi mặt vào chiếc gối mềm mại. Nằm im thêm vài phút, đến khi mùi thơm tán hết, cô hé một mắt nhìn ra xung quanh.

Cô đang ở đâu?

Những ký ức từ từ hiện về, theo một trật tự nhất định. Cô đang ở Kilmore Cove, trong một căn phòng ở Biệt thự Argo.

Làm thế nào cô đến được đây nhỉ?

Julia nhìn lướt khắp căn phòng, tim cô bé đập rộn lên.

Mùi thịt lợn hun khói rán với trứng thơm nức.

Dưới chân giường chất đống toàn quần áo ướt. Liếc mắt qua, Julia đã nhận ra chính là quần áo của mình.

Những hình ảnh khác cũng ùa về rất nhanh trong đầu cô: cơn bão, cuộc viếng thăm bất ngờ của Manfred, mòm đá, và cuối cùng là cú ngã xuống khoảng không khiến gã tay sai của Oblivia Newton bị đại dương nuốt chửng...

Julia bật dậy như lò xo.

“Jaaason!” Cô hét lên.

Dưới đôi chân trần là sự êm ái dễ chịu của tấm thảm khiến cô bé nhận ra mình đang mặc một bộ đồ ngủ mà cô chưa từng mặc trước đó. Julia với lấy cái quần mặc hôm trước rồi lục túi quần: bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian vẫn còn ở đó, chưa ai đụng tới.

Cô cầm lấy chúng rồi đặt lên giường, cố đoán xem bây giờ là mấy giờ.

Mùi thịt lợn hun khói rán với trứng thơm lừng.

Qua khe cửa chớp, những tia sáng chói lóa lọt vào căn phòng. Là buổi sáng. Hay buổi chiều nhỉ? Quá nôn nóng và căng thẳng, Julia mặc nguyên pyjama bước ra khỏi phòng ngủ.

“Jason ơi?”

Tiếng gọi của cô vang vọng trong hành lang trống vắng.

Cả tầng vẫn còn tối om, ngoại trừ một phòng ngủ đã được mở cửa chớp. Julia rón rén nhón bước trên đầu mũi chân trần tiến lại gần cánh cửa và liếc nhìn vào bên trong. Có một chiếc giường chưa hề được thu dọn, mấy đôi giày tập thể dục vương vãi trên sàn và một núi áo phông chất đống trên một cái bàn con hình tròn.

Có nhắm mắt cô bé cũng nhận ra cái cảnh bừa bộn đó: đích thị là tác phẩm của Jason.

Tim Julia bỗng thót lên khi nghe thấy, qua ô cửa sổ mở toang, tiếng của cậu em trai cất lên từ phòng bếp.

“Chính nó rồi!” Sung sướng đến phát điên, cô bé reo lên. “Em trai mình về rồi!”

Cô quay ngoắt lại, băng nhanh qua hành lang, lao xuống cầu thang và phóng thẳng vào bếp.

Jason và Rick đang lóng ngóng bên bếp.

“Jason! Rick!” Julia vừa reo lên vừa nhảy bổ lại ôm lấy chúng rồi ghì thật chặt. “Hai người đã trở về! Hai người đã trở về! Ôi, mình đã rất lo lắng...”

“Ô, chị gái yêu quý, bình tĩnh nào!” Jason mỉm cười, đột ngột lùi lại. “Dĩ nhiên là bọn em đã quay về... Và mọi việc đều ổn cả!”

Còn Rick thì thích thú đón nhận vòng tay cô bé, cậu cũng ôm siết lấy cô và còn kèm cả một nụ hôn lên má. Lúc bắt gặp ánh mắt của Julia, hai chân cậu bủn rủn hết cả, cậu cuống cuống quay mặt đi để giấu đôi má đang ửng đỏ.

Julia chăm chú nhìn hai đứa cứ như chúng đã xa cách hai mươi năm rồi, như thể qua trang phục của chúng, cô có thể biết được điều gì đã xảy ra phía bên kia Cánh cửa Thời gian vậy. Nhưng cô chẳng kiếm được nhiều thông tin: Rick vẫn mặc như ngày hôm trước, trong khi Jason đã kịp lôi từ trong vali một chiếc áo phông và quần bò mới, hoàn toàn chẳng ăn nhập với nhau.

“Thế nào?” Cô cất tiếng hỏi sau cái nhìn dò xét đầu tiên. “Hai người đều an toàn, mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Không, bọn em đang phát điên đây này!” Jason trả lời.

“Sao vậy?”

“Bọn mình không tài nào căn được thời gian để làm chín thịt hun khói. Vừa mới bỏ lên chảo thôi mà nó đã cháy thành than rồi!” Rick vừa thốt lên vừa dùng

một cái thìa gỗ lật các dải thịt hun khói. “Chỉ còn nước cứ ăn như thế này đi.”

Julia vẫn chưa rời mắt khỏi hai cậu, như để đảm bảo rằng đó đúng là chúng. Cô bé vừa cười vừa theo chúng bước ra vườn, nơi Rick đang trút từ chảo cho cả bọn món thịt lợn xông khói với trứng bác. Tuy nhiên, Julia sẵn lòng nhường phần của mình cho cậu em trai song sinh bởi bụng dạ cô bé vẫn còn đầy do căng thẳng.

“Mình có thể biết chuyện gì đã xảy ra với các cậu đằng sau cánh cửa ấy không?”

Jason nhún vai. Cậu ngồi lên chiếc ghế sắt uốn màu đen và ăn món thịt lợn hun khói.

“Không thể nào xơi nổi, Rick ạ! Đúng là không thể nào xơi nổi!”

Khi nhận ra vẻ mặt đã mất hết kiên nhẫn của bà chị, cậu nói tiếp, chỉ phút chốc trước khi cô bé phát hỏa:

“Ôi, chị Julia, chuyện dài lắm, nếu mà kể hết cho chị nghe thì trứng sẽ nguội mất!”

Rồi cậu bắt đầu ăn ngẫu nhiên, mà chẳng nói thêm lời nào.

“Bọn mình đã phát hiện ra một chỗ rất khó tin.” Rick lúng búng nói trong lúc cố nuốt chửng một miếng to đang nghẹn trong cổ.

“Chúng ta sẽ tìm ra nó, cái bản đồ chết tiệt đó!” Jason nói thêm, trong khi cậu bạn đang nhảy tưng tưng xung quanh bàn vì mắc nghẹn. Cậu vét cái đĩa bằng mẩu bánh mỳ ngày hôm trước, rót một cốc sữa lớn và tu ừng ực hết cả cốc chỉ trong vài ngụm. “Phải không, Rick?”

“Kể cả có phải xới tung cái làng này lên!” Cậu bạn nói chắc nịch, mặt vẫn còn đỏ gay và tóc tai thì bù xù.

Julia hít một hơi thật sâu. Không khí còn ấm và mát mẻ. Cô cho rằng lúc này không nên hỏi gì nữa thì hơn, và cứ đợi đến lúc chúng tự khắc muốn kể. Cô với ngón tay lấy chiếc cốc để rót một chút sữa, và chợt nhận ra hai bàn tay mình đang run.

“Có gì không ổn ư?” Rick lo lắng hỏi.

Julia lắc đầu.

“Không, chỉ là mình rất vui được gặp lại các cậu.”

“Bọn mình cũng vậy,” Rick nói. “Thật sự là như thế đấy! Mọi chuyện thật điên rồ... Nhưng nhìn cảnh tan hoang trong hoa viên, mình đoán là ở đây mọi người chắc cũng không hề rỗi rãi.”

“Trông như một cơn lốc vừa quét qua vậy!” Jason thốt lên.

Julia ngó xung quanh: hoa, cây cảnh, những cây cổ thụ dường như đã bị cơn bão quét cho tơi tả. Dường như có một nỗi đau đớn khó tả trong những chiếc lá, những cành cây nhỏ gãy rụng vương khắp bãi cỏ và những con đường nhỏ rải sỏi. Ở giữa sân vẫn còn thấy rõ dấu vết chiếc ô tô của Manfred.

Julia cảm thấy tim mình đập dồn dập khi nhìn chăm chăm vào những dấu vết đó, từng lúc từng lúc một, cô nhớ lại khoảnh khắc ngáng chân Manfred và chộp lấy chiếc chìa khóa từ hắt. Cô nhìn hướng ra mép vách đá, mặt biển xanh dương đầy mê muội và hình dáng xa xôi của ngọn hải đăng.

Cô bé nhắm mắt lại.

“Chuyện gì xảy ra với chị vậy, Julia?” Jason hỏi khi nhận ra gương mặt chị mình đột nhiên tái nhợt.

“Không phải lỗi của mình nếu hắt rơi xuống dưới kia...” Cô bé lẩm bẩm.

“Ai rơi xuống dưới kia?” Jason hỏi, dưới mũi vừa xuất hiện một hàng ria mép bằng sữa.

Julia kể lại tất cả những gì đã xảy ra ở Biệt thự Argo bằng một giọng đều đều chậm rãi, như thể đang trả bài. Cô bé kể lại những lời thú nhận của Nestor về người chủ cũ và những chuyến du hành của ông trên con tàu Metis. Kể về ý đồ đột nhập vào nhà của Manfred và việc cô cùng Nestor đã chống đỡ với hắt ra sao, cho đến bi kịch cuối cùng kia.

“Mình rất tiếc...” Julia khép lại câu chuyện, cô bé tự hỏi vì lý do gì mình lại quyết định quẳng xuống biển chiếc chìa khóa mà Manfred đã muốn có bằng mọi giá.

“Đáng đời hắt!” Jason sung sướng nói.

“Xét cho cùng, hắt cũng là một tên trộm y như bà chủ của hắt thôi,” Rick bồi thêm vào, trong lòng dấy lên nỗi căm ghét càng lúc càng tăng đối với Oblivia Newton, có lẽ còn bởi lần đầu nhìn thấy cô ta, cậu đã thấy cô ta tuyệt... đẹp. Và điều đó làm cậu nuốt không trôi.

Julia tự trấn an mình một chút và cuối cùng cũng uống xong ly sữa. Rồi cô chờ được nghe câu chuyện của hai cậu con trai.

Jason và Rick tranh nhau kể, chúng kể về Ngôi nhà Sự sống, về Maruk và về việc chúng tìm thấy hốc Bốn Chiếc Gậy ngay trước khi Oblivia tìm thấy.

“Oblivia Newton cũng ở đó ư?” Julia kinh ngạc hỏi. “Sao... lại có thể như vậy?”

“Thôi bỏ đi. Chị không thể hình dung bọn em bất ngờ thế nào khi nhìn thấy cô ta ở đó đâu, ở Ai Cập ấy... hay ở bất cứ đâu bọn em có mặt.”

“Sáng nay Jason nói với mình về một giả thuyết mới,” Rick giải thích. “Cậu ấy không tin bọn mình thực sự đã du hành xuyên thời gian.”

“Đúng vậy,” Jason khẳng định. “Một lần mình đọc được một cuốn truyện tranh của Tiến sĩ Mesomero nói về chuyện tương tự: đó không gọi là du hành xuyên thời gian, mà là du hành trong trường liên tục của không gian gì đó... giờ mình chẳng nhớ rõ lắm, nhưng mình biết chắc điều đó có trong tập mười lăm.”

“Tại sao không phải là em đã du hành xuyên thời gian?”

Jason nhăn mặt, giống như một học giả trước một câu hỏi mơ hồ:

“Đó chỉ là cảm giác thôi, nhưng... lúc ấy em không cảm thấy ở trong một thời đại hoàn toàn khác biệt so với thời của chúng ta. Em thấy mình gần như đang ở nhà...”

“Đừng có phóng đại chứ!”

“Chị không hình dung được đâu, bọn em đâu chỉ nói thứ ngôn ngữ giống những người đó, mà Rick và em thậm chí còn đọc được chữ tượng hình.”

Julia tròn tròn mắt.

Rick lấy từ trên bàn cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*, một cuốn sách to bự đã khá nát, với lớp bìa ố bẩn và các mép sần rách. Cậu mở trang về các ngôn ngữ Ai Cập cổ đại, dùng ngón trỏ phải lướt qua những ký tự tượng hình và nói:

“Trong khi đó, nếu bây giờ bọn mình thử đọc nó... thì lại chẳng hiểu gì cả.”

Julia cố không đánh mất mạch câu chuyện.

“Còn Oblivia? Cô ta có nhận ra các cậu không?” Cô bé hỏi Jason.

“Không biết nữa. Lúc ấy bọn em đã kịp nấp đi. Nhưng đúng lúc đó cô ta nhắc đến cái tên Ulysses Moore...”

“Và tấm bản đồ.”

“Bản đồ nào?”

“Tấm bản đồ mà cô ta đánh cắp của bọn mình.”

“Bản đồ nào cơ?” Julia hỏi lại.

“Tấm bản đồ chính xác đầu tiên và duy nhất về làng Kilmore Cove ở Cornovaglia,” Rick thuật lại theo trí nhớ. “Của Thos Bowen. Luân Đôn, một nghìn...”

Một tiếng hắt xì dữ dội cắt ngang câu chuyện của bọn trẻ, tiếng động vọng thẳng lên từ phía mỏm đá.

“Ra là các cháu đã dậy cả rồi!” Nestor thốt lên lúc bước lên khỏi những bậc thang và dừng lại để thở.

“Ông Nestor!” Bọn trẻ chào. “Ông từ đâu về vậy?”

Người làm vườn bước khập khiễng tới trước mặt bọn trẻ và không trả lời.

“Còn các cháu từ đâu về? Chẳng còn chỗ nào cho ông lão tội nghiệp này... HẮTTTT XỈỈ... ngôi sao?”

“Ông bị cảm mất rồi,” Jason nói.

“Tại cơn mưa, ông Nestor lấm bầm và nhìn Julia với một nụ cười đầy ẩn ý. Mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Các cậu ấy đang kể cho cháu nghe về Oblivia Newton và tấm bản đồ.”

Ánh mắt của Nestor bỗng tối sầm lại.

“À, phải rồi. Cái vụ ăn cắp đó!” Ông nói và ngồi xuống bên cái bàn.

Jason và Rick lại kể tiếp, chúng mô tả chi tiết từng chân tơ kẽ tóc Căn phòng không tồn tại và cái bệ thờ với tấm bản đồ được giấu bên dưới.

“Giá mà chị nhìn thấy bọn rằn, Julia!”

“Cậu sẽ ngất ngay tức khắc!”

Câu chuyện cứ tiếp tục, Nestor bỗng trở nên trầm lặng.

“Lẽ ra chúng ta phải lường trước điều đó,” cuối cùng ông nói. “Người phụ nữ đó nguy hiểm và thông minh hơn rất nhiều so với những gì chúng ta nghĩ.”

“Nhưng tại sao tấm bản đồ lại quan trọng đến vậy hả ông Nestor?”

“Ta chẳng biết nữa,” người làm vườn lẩm bầm.

“Nhưng người chủ cũ thì biết,” Jason đáp lại. “Nếu ông ấy gửi chúng ta đến đó để tìm nó, ắt hẳn phải có lý do. Mình chắc rằng ông ấy tin chúng ta sẽ tìm ra nó trước ả Oblivia Newton.”

“Về lý thuyết đúng là chúng ta đã tìm thấy nó trước ả,” Rick nói rõ. “Nhưng sự thật là cô ta đã lừa được bọn mình ngay sau đó.”

“Nghĩa là sao?” Julia hỏi.

Jason cúi rạp người trên chiếc bàn ăn sáng thì thầm:

“Có lẽ bây giờ ông chủ cũ không còn tin chúng ta nữa.”

“Làm sao cậu dám chắc ông ấy vẫn còn sống?”

“Rất đơn giản, có hai trường hợp: hoặc ông ấy vẫn đang sống ở Biệt thự Argo, trong một căn phòng bí mật... hoặc là ông ấy đã để lại cho chúng ta những manh mối để tìm thấy ông ấy. Và trong trường hợp này, không có tấm bản đồ có lẽ sẽ khó lần theo chúng...”

“Làm thế nào để biết nhỉ?” Julia hỏi.

Cả ba đưa quay lại nhìn Nestor, ông lão làm vườn ngay lập tức tìm cách lẩn tránh câu hỏi.

“Ta phải đi đây. Ta phải dọn dẹp lại khu vườn.”

“Làm gì có chuyện, ông không được rời khỏi đây!” Jason phản ứng ngay tức thì.

“Không ư? Thế cháu nghĩ sẽ ngăn ta như thế nào?”

Nestor cương quyết đứng dậy, ông xoa bóp cái lưng đau của mình, thở thành tiếng và hít đầy ôxy vào phổi.

“Ông phải giúp chúng cháu!” Jason van nài. “Ông ấy vẫn ở đây phải không ạ?”

Nestor bật cười.

“Này cậu bé, cháu đọc quá nhiều truyện rồi đấy. Ông chủ cũ...”

Rồi ông lại hắt xì.

“Ông hãy thề đi! Ông hãy thề là ông ấy không còn ở đây nữa.”

Người làm vườn chống tay lên hông, ưỡn người ra phía sau. Gương mặt ông trông mệt mỏi hơn cả ngày hôm trước với đôi mắt thâm quầng và mọng nước, như mắt người đang hâm hấp sốt.

“Nghe này, Jason...,” Julia nói chen vào. “Chị không nghĩ giờ là lúc thích hợp để...”

“Ngược lại, đây chính là lúc thích hợp, cậu em cắt ngang. Chúng ta phải biết phần nào đó sự thật nếu muốn hiểu điều gì đang diễn ra! Có quá nhiều thứ chúng ta không biết! Quá nhiều điều bí ẩn về ngôi nhà này, về ông chủ của nó, bạn bè và kẻ thù của ông ta! Ví dụ, chúng ta là ai? Bạn hay thù của ngài Ulysses Moore khó hiểu?”

Nestor nhìn căn nhà phụ ở giữa khu vườn, rồi nhìn bọn trẻ. Jason có lý: chúng đang mò mẫm giữa quá nhiều điều không rõ ràng. Thế là ông lầm rầm.

“Nếu có thể giúp cháu điều gì đó, chàng trai, vậy thì... ta thề là chẳng có ông Moore nào còn sống tại Biệt thự Argo. Giờ thì cháu hài lòng chưa?”

Nói xong, ông vừa khập khiễng bước khỏi chỗ bọn trẻ, vừa xì mũi vào chiếc khăn vải bông thô ráp.

“Về lý thuyết mà nói,” sau một lúc, Rick phân tích, “ông ấy không hề bảo chúng ta là ông Moore đã chết.”

Mười lăm phút sau, bọn trẻ mang đĩa và cốc trở lại phòng bếp và cùng quyết định xem hôm nay sẽ làm gì.

Rick lại chỗ mấy bậc thang trên mỏm đá ngắm nhìn cảnh biển, để mặc mái tóc cho làn gió nhẹ vuốt ve. Julia đã quay về phòng, mặc quần jeans, mang theo bốn chiếc chìa khóa có tay cầm hình con thú. Khi trở xuống nhà, cô thấy Jason ngồi viết rất chăm chú trên chính chiếc ghế lúc này.

“Em chưa biết bắt đầu từ đâu,” cậu giải thích.

“Chúng ta biết Oblivia Newton sống ở đâu chứ?” Julia hỏi to và đọc tờ giấy cậu em trai đang cầm trong tay.

“Có hai chiếc tàu đánh cá đang quay về,” Rick quay lại báo cho chúng biết. “Bọn mình có thể xuống bến để mua tôm cho bữa trưa.”

Nghĩ đến việc phải leo lên dốc Salton Cliff bằng hai chiếc xe đạp nặng trĩch của ông bà Moore, Jason liền lắc đầu.

“Không phải lúc này, mình xin cậu. Cậu có biết Oblivia sống ở đâu không?”

“Không, mà sao?”

Jason cho bạn xem những gì mình đã viết.

1. Tìm lại tấm bản đồ đã bị Oblivia đánh cắp.

2. Tìm ra có cái gì trên tấm bản đồ (ngay cả trước khi tìm thấy nó).
3. Cố tìm hiểu *MỌI THỨ* về Cánh cửa Thời gian.
4. Khám phá *TẤT TẦN TẬT* về Biệt thự Argo, từ mái nhà xuống tới tầng hầm.

“Chị chưa bao giờ thấy em chần chừ như vậy đấy,” cô chị nhận xét. “Chuyến du hành đến Ai Cập đã khiến em thay đổi.”

Rick kéo chiếc ghế sắt và ngồi xuống cạnh chúng.

“Chúng mình có bao nhiêu thời gian để làm tất cả những việc này?”

“Chỉ hôm nay thôi.”

“Vì sao vậy?” Julia muốn biết.

“Vì tối nay bố mẹ sẽ về. Và Rick cũng sẽ phải về nhà cậu ấy.”

Cậu nhóc ở Kilmore Cove bỗng sầm mặt lại, như thể chưa từng cân nhắc đến việc sẽ phải rời khỏi Biệt thự Argo.

“Vẫn còn thiếu thứ gì đó,” Julia lẩm bẩm trong khi quan sát danh sách những việc cần làm.

Jason rầu rĩ ngược mắt nhìn trời.

“Đấy, tới lượt chị tôi rồi đấy! Nghe xem nào, chúng ta thiếu điều gì vậy?”

“Chúng ta không biết điều gì đã xảy ra với...” Julia chỉ chỉ tay ra chỗ những bậc thang hy vọng hai cậu nhóc sẽ hiểu.

Rick gật đầu và thật tế nhị khi không nói gì, trong khi đó Jason thêm vào cuối danh sách:

5. Tìm *XÁC* của *Manfred*

“Em thật tinh ý...” Cô chị lí nhí.

Lúc ấy chúng nghe thấy tiếng một cơn ho dồn dập. Nestor khập khiễng tiến lại chỗ chúng, kéo lê theo sau mình một chiếc cào màu đỏ làm dấu vết của bánh xe biến mất trên nền sỏi.

“Ta chẳng nhìn thấy gì ở bãi biển dưới kia,” người làm vườn lắp bắp trả lời câu hỏi của bọn trẻ. “Trên những mỏm đá cũng không có. Ta đã nói với các cháu rồi, những kẻ như hẳn có tới bảy mạng sống đấy.”

Và ông hắt xì.

“Em hãy thêm cả cái này vào: *Mua một lọ si-rô cho ông Nestor,*” Julia nói to.

“Hôm nay là Chủ nhật,” Rick nhắc cô bé. “Hiệu thuốc của bác sĩ Bowen đóng cửa.”

“Ta chẳng cần si-rô gì hết,” ông Nestor làu bàu. “Chỉ là cảm lạnh xoàng thôi.”

“Ông đừng bao giờ coi thường cơn cảm lạnh,” Julia la lớn. “Nhất là ở tuổi của ông.”

“Cậu vừa nói gì nhỉ?” Cậu em trai quay sang hỏi Rick.

“Rằng hôm nay là Chủ nhật,” cậu bạn nhắc lại. “Và rằng...”

“Bác sĩ Bowen ư? Cậu nói bác sĩ Bowen phải không? Chẳng phải người vẽ tấm bản đồ mà Oblivia lấy đi cũng mang họ đó sao?”

“Sống được đến tuổi này,” ông Nestor xen vào trả lời Julia, “cũng chỉ vì cả đời ta không động đến thuốc. Và ta không có ý định bắt đầu việc đó vào lúc này đâu.”

“*Tấm bản đồ chính xác đầu tiên và duy nhất về làng Kilmore Cove ở Cornovaglia. Có thể là vậy không nhỉ?!*” Rick sừng sốt nhắc lại.

“Mình nhắc cậu nhớ rằng, chúng ta đã có một bài học đắt giá là không có gì tình cờ trong chuyện này...” Jason nói.

“Các cậu!” Julia nói xen vào. “Các cậu này, sao các cậu không năn nỉ ông Nestor để ông ấy...”

Rick và Jason nhảy bật khỏi ghế, phấn khích như những chú dế.

“Thos Bowen có thể là ông của bác sĩ Bowen.”

“Hoặc là cụ.”

“Hoặc là cụ cố! Ông ấy sống ở đâu? Máy cái xe đạp đâu rồi nhỉ?”

“Máy gì rồi? Có thể chúng ta sẽ đến được đó trước bữa trưa...”

“Này các cậu!” Julia đột ngột cắt ngang lời chúng.

“Lại gì vậy?”

“Điện thoại,” ông Nestor vừa nói vừa chỉ tay về phía bên trong Biệt thự Argo. “Nó đang reo!”

Chương 2. Cuộc điện thoại từ Luân Đôn

Jason khom lưng nói chuyện trên điện thoại như thể cái tai nghe nặng tới một tấn.

“Vâng, thưa mẹ... Không, thưa mẹ... Dĩ nhiên, thưa mẹ... Không, bọn con không đi xa đâu... Không ạ... Dĩ nhiên ạ...”

Nó ngược ánh mắt thỉnh cầu về phía chị gái, người đang dùng cử chỉ để khuyên nó kể thêm một số chi tiết.

“Các bà mẹ đều giống nhau cả,” Rick thì thào bình luận, “nếu không kể gì là họ nghi ngờ ngay. Ngược lại, nếu cậu dài dòng kể lể các chi tiết thì mẹ cũng sẽ chẳng thèm nghe đâu.”

“À. À. Không có gì đâu ạ. Khôôông có gì mà mẹ!” Jason vẫn tiếp tục.

Cậu nhắm mắt vô vọng, đứng yên hứng chịu cơn thịnh nộ của mẹ.

“Không, mẹ nghe này, lúc này con đùa đấy...,” cậu nhóc nói thêm. “Thật ra bọn con đi Ai Cập và bị lạc trong một mê cung. Và suýt nữa Rick bị một con cá sấu xé xác. Rick, cậu bạn ở Kilmore Cove của bọn con ấy! Giá mà mẹ nhìn thấy mặt cậu ta khi bọn con vào căn phòng đầy rắn rơi từ trần nhà xuống...”

Jason nín thình trong ba giây rồi nói tiếp:

“Vâng, con sẽ chuyển máy cho chị Julia.”

“Con chào mẹ!” Cô bé reo lên đầy hài lòng. “Ồ, vâng ạ, bọn con rất khỏe. Mưa nhỏ ư? Có hẳn một cơn bão cơ đấy ạ! Cho nên bọn con ở trong nhà chơi thôi... Rồi sau đó...”

“Chị lao xuống từ vách đá!” Jason gợi ý.

Cậu né được cú đá của cô chị đang ra dấu im lặng chỉ trong gang tấc.

Jason gợi ý với Rick rằng chúng không nên mất thời gian mà nên vào gara lấy xe đạp.

Chúng rời khỏi chỗ cái điện thoại nhưng thay vì đi ra ngoài, chúng hướng thẳng đến căn phòng bằng đá có Cánh cửa Thời gian.

Cánh cửa ở đó, bất động và im lìm, nhưng vẫn hiện hữu một cách hãi hùng. Phần gỗ bị cháy đen và bị cào xước để lộ ra bốn cái ổ khóa như đang cười nhạo chúng.

“Khi nào chúng mình quay trở vào bên trong đó?” Rick hỏi, mê mẩn nhìn cánh cửa.

“Ngay khi chúng ta làm xong những việc này,” Jason nói.

Và cậu chìa cho bạn xem mẫu giấy sau khi viết thêm vào:

6. Đến chỗ bác sĩ Bowen ngay lập tức

Phía chân cầu thang, bức chân dung một trong những chủ nhân cũ của Biệt thự Argo dường như đang quan sát chúng với nụ cười nhạo hả hê và kỳ lạ.

“Cậu có nghe thấy không?” Jason nắm lấy cánh tay Rick và hỏi.

“Nghe thấy gì cơ?”

Jason đi đến chân cầu thang và dỏng tai lên nghe. Nó nghe rõ mồn một tiếng bước chân khe khẽ phát ra từ tầng trên của ngôi nhà.

“Những tiếng này này.”

“Quý tha ma bắt, có, mình có nghe thấy.”

Chậm rãi, từng bậc một, Jason bắt đầu leo lên cầu thang, thận trọng như người đi thăng bằng trên dây.

“... Sau đó bọn con chơi một ván cờ vua. Mình con chơi với Rick và Jason. Dĩ nhiên là con thắng rồi!” Julia đang kể trên điện thoại.

Thật từ từ, Jason lên cầu thang và tiến gần tới nơi phát ra tiếng những bước chân bí ẩn, giọng của cô chị ngày một xa xăm.

Những bước chân ma quý.

Thịch. Thịch. Thịch.

Lẽ nào là của ngài Ulysses Moore?

Áp sát vào tường, Jason lướt qua những khung ảnh dát vàng bao quanh chân dung những người chủ cũ, cho đến khi tới chỗ tường trống, chỗ lẽ ra phải có ảnh của ngài Ulysses Moore.

Thịch. Thịch. Thịch.

Những tiếng động phát ra từ phòng tắm, căn phòng đầu tiên bên phải cầu thang. Căn phòng đầu tiên của hành lang dẫn tới dãy phòng ngủ. Jason vẫn lắng nghe, để chắc chắn rằng chúng phát ra từ đó. Bên trái căn phòng là thư viện và cánh cửa gương dẫn đến phòng tháp.

Jason liếc xuống phía dưới, qua tay vịn cầu thang cậu nhìn thấy Rick đang đứng bất động ở tầng trệt nhìn mình chăm chăm vẻ lo lắng. Cậu gật đầu trấn an bạn. Xa xa, cậu nghe thấy văng vẳng tiếng cười của Julia trên điện thoại.

Thịch. Thịch. Thịch.

Kẻ lạ mặt sau cánh cửa phòng tắm gây tiếng động.

Jason hít một hơi thật sâu rồi nhảy lên phía trước, chộp lấy tay nắm cửa bằng đồng thau.

“Á À, NGƯỜI ĐÂY RỒI!” Cậu hét lên và mở toang cánh cửa.

Lúc đầu cậu không nhìn thấy ai và chẳng phát hiện ra điều gì lạ thường, trừ cửa sổ phòng vệ sinh đang mở. Vài giây sau, một con chuột đồng bự chẳng cống quít tìm đường thoát giữa những chai nước hoa của bà Covenant xếp trên giá bồn rửa mặt, nó nhảy xuống sàn và chạy vọt qua giữa hai chân Jason đầy khiếp sợ.

“Á!” Jason hét lên, nhảy lùi lại.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Rick gào to đồng thời chạy lên cầu thang để hỗ trợ bạn.

Con chuột vội vã phóng xuống cầu thang.

“Ôi, chết tiệt!” Rick thốt lên khi chúng chạm mặt nhau giữa cầu thang. “Sao mà nó bự thế!”

Con vật còn khiếp đảm hơn cả bọn trẻ, nó lao mình trượt dài trên những thanh sắt của tay vịn cầu thang. Mất thăng bằng, nó quắn quại giữa không trung, rồi rơi xuống sàn tầng trệt với một tiếng ụcch chắc nịch, nằm đo ván.

Julia ngừng nói chuyện điện thoại một lát, hỏi vọng lên:

“Này các cậu? Cái gì bự cơ?”

Con chuột ngộ nguậy cái đầu nhưng rõ ràng nó vẫn còn choáng váng và chọn cách tiếp tục cuộc đào tẩu của mình trong chính căn phòng để điện thoại.

Một lát sau, đến lượt Julia cũng bắt đầu hét lên.

“Vâng ạ... Không đâu mẹ... Dĩ nhiên là con không cố tình làm việc đó rồi ạ.” Jason nói trên điện thoại, cậu cố gắng tận dụng những khoảng dừng ít ỏi của mẹ để giải thích cho bà chuyện vừa xảy ra.

“Không đâu ạ, đó không phải là một trò đùa ngu ngốc... Là một con chuột... Con làm sao biết được một con chuột lại làm gì trong phòng tắm... Không, con không nghĩ bố có thể biết chuyện đó. Chắc nó đã chui vào qua lối cửa sổ ạ. Ất phải thế vì lúc ấy cửa sổ đang mở. Trước đó chị Julia có vào phòng vệ sinh... Con thấy nó giữa đồng nước hoa của mẹ. Không mẹ ạ... Con biết ạ... Chúng không bị vỡ đâu ạ...”

Trong khi Jason nói chuyện, Julia và Rick khám xét khắp phòng khách với hai cái chổi dài làm từ cây cao lương để đảm bảo con vật xấu xí kia đã bỏ đi. Về mặt của chúng trái ngược hẳn với nhau: Rick khoái chí, còn Julia thì ghê sợ.

“À, à. Vâng. Được ạ. Con chào bố.” Jason đột nhiên chăm chú.

“Bố nói THẬT ạ?!” Cậu giơ bàn tay trái lên làm dấu chiến thắng. “Nghĩa là, con muốn nói là: ồ, tiếc thật, bố nói thật ạ?”

Rick đã dừng lại với cây chổi trong tay.

“Không, không, không có vấn đề gì đâu ạ!” Jason nói tiếp. “Bọn con sẽ lo liệu. Con sẽ không gọi ông Nestor vì ông ấy đang ở tận cuối vườn và nếu ông ấy tập tễnh vào được đến đây thì bố sẽ phải chờ điện thoại cả sáng mất. Nhưng nếu bố gọi lại vào bữa trưa chắc chắn bố sẽ gặp được ông ấy. Cứ để con lo. Con sẽ nói với ông ấy. Vâng, dĩ nhiên ạ. Được ạ. Con hiểu ạ. Bọn con sẽ không đi đâu cả. Con chào bố!”

Cạch, cậu gác ống nghe nóng ran lên hộp đế điện thoại.

Rồi Jason bắt đầu nhảy nhót khắp phòng.

“Tuyệt! Tuyệt! Có khi bố mẹ không thể về trong ngày hôm nay! Việc chuyển nhà hình như kéo dài hơn so với dự kiến... Tuyệt vời! Chúng ta có cả ngày Chủ nhật tự do. Chúng ta sẽ làm được các cậu ạ!”

Lần thứ ba trong vòng ít phút, trên tay nó lại xuất hiện mẫu giấy với danh sách những việc cần làm.

“Chúng mình mau đến chỗ bác sĩ Bowen đi!”

“Chưa được đi đâu trước khi biết đích xác con chuột đã ra khỏi nhà!” Julia ra lệnh trong khi dùng chổi càn quét gầm tủ bếp.

Lúc ra khỏi nhà, chúng thấy Nestor đang bận rộn cào sỏi, chất lá và cành cây lên xe cút kít.

“Này? Sao các cháu không dùng thời gian của mình để làm điều gì đó có ích, ví dụ như giúp ta dọn dẹp lại khu vườn cho sạch chẳng hạn?”

“Chúng cháu xin lỗi, ông Nestor, nhưng có một việc khẩn cấp ạ!” Jason hỗn hển giải thích. “Bố mẹ cháu gặp vấn đề với việc chuyển nhà và có lẽ sáng mai họ mới về được. Bây giờ bọn cháu phải đi. Nếu điện thoại reo thì nó là của ông đấy ạ. Ông hãy nói rằng bọn cháu đã xuống bãi biển nhé!”

“Thế các cháu định đi đâu?” Người làm vườn hỏi lại một cách đầy châm biếm.

“Đến chỗ bác sĩ Bowen ạ.” Julia xuất hiện sau cùng trên ngưỡng cửa bếp, tay cầm chổi với vẻ mặt hài lòng.

“Thế các cháu định đến đó bằng gì?”

“Xe đạp ạ.” Jason trả lời.

“Ta chẳng tin.” Nestor cúi xuống với cái cào và tiếp tục công việc của mình.

Julia bước xuống các bậc thang và lại gần ông, trong khi đó cậu em trai và Rick mất hút trong nhà kho.

“Ông bị đau lưng ạ?”

“Tinh thần ta còn tệ hơn,” Nestor trả lời cô bé, mắt ánh lên một tia sáng.

Rõ ràng ông đang rất ủ rũ và vẫn mãi miết nghĩ về chuyện xảy ra tối hôm trước.

“Chỉ mấy năm trước thôi, mọi chuyện chắc sẽ diễn ra theo cách khác rồi. Theo mọi nghĩa, tin ta đi.”

“Ông đã rất cừ,” Julia an ủi và đặt chụm lên má ông một nụ hôn bất ngờ. “Ông không nên tức giận như vậy ạ.”

Ông Nestor tựa người vào cái cào.

“Không ư? Vậy ta nên thế nào? Vui vẻ ư?”

Từ nhà kho vang lên âm thanh của những mảnh sắt vụn, sau đó là lời ta thán.

“KHÔNG!” Rick hét lên đầu tiên. “Chết tiệt!”

“Ôi khôngggg!” Jason hưởng ứng.

Julia nhìn về hướng gara, trong khi Nestor vẫn bình thản cào cành cây gãy.

Rick và Jason đẩy hai chiếc xe đạp của chúng ra ngoài.

“Là ai nhỉ?” Rick hỏi, giọng nó gần như lạc đi vì tức giận. Tay lái xe đạp bị vẹo vọ, xích xe giờ chỉ còn là một chuỗi lòng thòng.

Julia thở dài, ngay lập tức nó đoán được câu trả lời. Sau đó cô bé kể cho tụi kia nghe về buổi tối hôm trước, việc Manfred loanh quanh khắp khu vườn và đập phá mọi thứ hẵn có thể đập, chỉ để xả cơn điên.

“Mình và ông Nestor chẳng thể làm gì. Bọn mình quá sợ hãi...” Cô bé phân trần. “Bọn mình chỉ dám quan sát hẵn từ trên kia, sau ô cửa sổ đó...”

Chương 3. Những thợ săn bí mật

Rick ngả xe đạp của mình xuống mặt sỏi giống như một bệnh nhân cần phải phẫu thuật. Cậu bày khắp xung quanh một loạt những dụng cụ được Nestor cung cấp: tuốc-nơ-vít, búa, vít sáu cạnh và kìm.

“Ừmmm..., sau khi khám toàn diện cho bệnh nhân đặc biệt,” Rick phán. “Tệ hơn những gì mình nghĩ.”

“Nó hỏng nặng lắm à?” Julia hỏi.

Hai chị em nhà Covenant đứng bất lực hoàn toàn sau cậu bạn. Năng lực thực hành của Jason chấm dứt ở đó, những gì cậu đọc được trong những cuốn truyện tranh cũng dừng lại ở đó, trong khi Julia chưa từng lo lắng chăm chú quan sát chức năng hoạt động của một chiếc xe đạp đến như thế.

Rick cầm dây xích, thử lắp nó vào hộp số.

“Mình nghĩ là vậy: có lẽ mình cần một giờ, hoặc nhiều hơn thế.”

Jason gật đầu bí xị. Sự bế tắc đó đã làm thay đổi cơ bản chương trình của chúng...

“Bọn mình có thể giúp cậu không?”

“Bây giờ thì chưa. Nhưng lát nữa các cậu có thể giúp mình sửa những cái kia...,” Rick chỉ vào hai chiếc xe đạp cũ của ông bà Moore mà ông Nestor đưa

cho chúng chiều hôm trước. “Những chiếc xe đó chỉ gặp vấn đề nhỏ với cái khung. Nhưng để nắn cho nó thẳng phải cần ít nhất ba người.”

Jason bắt đầu lục lọi các túi.

“Mình để tờ giấy ghi danh sách những việc cần làm ở đâu ấy nhỉ?”

Nó lộn trái hết túi này đến túi khác, nhưng mảnh giấy đã không cánh mà bay, cứ như ai đó đã lấy cắp nó. Julia nghĩ sẽ là khôn ngoan nếu không bình luận gì về nỗ lực đáng thương của cậu em trai khi cố nhớ lại đã để mẫu giấy ở đâu.

Nestor, đứng cách chúng không xa, dốc ngược xe cút kít đầy lá và cành cây khô thành đồng rồi khó nhọc cúi xuống châm lửa.

Rick chọn cái tuốc-nơ-vít bốn cạnh và dùng nó để giữ cho sợi xích cố định trên bánh răng của hộp số.

“Như bố mình vẫn thường nói, khi không biết phải bắt đầu từ đâu, hãy bắt đầu từ chỗ mình muốn.”

Hộp số phát ra một tiếng kêu khùng khiếp, nhưng Rick không hề nao núng.

“Chúng mình hy vọng là bố cậu đã đúng...,” Jason lầm bầm.

Biệt thự Argo sừng sững phía trên chúng với những cánh cửa chớp mở tung và những căn phòng đầy ắp đủ loại đồ đạc.

“Trong khi cậu xử lý những chiếc xe đạp, Julia và mình có thể đi khám phá những căn phòng của ngôi nhà mà bọn mình vẫn chưa kịp xem.”

“Còn xe đạp?” Rick càu nhàu. “Phải nói rõ là mình sẽ sửa cái của mình, còn hai cậu sẽ giúp mình sửa những cái còn lại!”

“Chính xác,” Jason đồng tình. “Trong lúc đó bọn mình sẽ lục từng phòng một để xem có tìm thêm được manh mối nào khác có ích cho chúng ta không. Đi thôi chứ, chị gái?”

Julia chẳng muốn quay trở vào trong lăm. Cô bé vẫn còn run rẩy khi nghĩ tới người đàn ông mà cô tin là đã nhìn thấy, đang đứng tựa người bên cửa sổ ở phòng áp mái. Lần đầu tiên kể từ khi đến Kilmore Cove, ý nghĩ đi khám phá ngôi nhà làm cô hoảng sợ.

Julia định trả lời rằng thích ở lại giúp Rick hơn, nhưng sau đó cô buộc mình phải thừa nhận: chính Jason mới là đứa khùng, đứa đọc truyện tranh và nhìn

thấy ma sau mỗi cánh cửa. Trên thực tế, cô tự nhủ, mình không nhìn thấy ai cả. Cửa sổ phòng áp mái ở tít trên cao, nên chỉ cần một cái bóng, một trò đùa của ánh sáng, một tia nắng chói chang cũng đủ để khiến nhầm tưởng rằng có ai đó sau cánh cửa đang rình rập chúng.

“Vấn đề là hãn đội mũ,” Julia nhớ lại và thốt lên thành tiếng.

“Ai đội mũ cơ?” Jason hỏi.

“Các cậu chuyển cho mình cây vít sáu cạnh số năm được không?” Rick lý nhí hỏi, hai bàn tay cậu nhóc dính đầy dầu.

Hai chị em sinh đôi đi vào bếp, rồi từ đó chúng vào phòng ăn. Jason vén những tấm rèm hoa lên và nhìn những bức tranh treo trên tường. Đó là bốn bản in từ thế kỷ 19 mô phỏng những cảnh trong cuốn *Kinh Cựu ước*. Nó mở một cái lò sưởi cũ: trống trơn. Trong ngăn kéo của chiếc tủ duy nhất cũng chỉ có mỗi khăn trải bàn và khăn ăn.

“Em thấy ở đây chẳng có thứ gì bí mật.”

Julia vặn lại.

“Chúng ta đang tìm kiếm điều gì bí mật ư?”

“Hiển nhiên rồi.”

Jason cũng sục sạo tìm kiếm ở phòng khách liền kề. Nó chui hãn vào bên trong lò sưởi, xê dịch mấy chồng sách và tìm kiếm bên dưới bức tượng một chú chó đua màu đen như mực. Cuối cùng cậu nhóc miễn cưỡng quyết định rằng trong căn phòng đó chẳng có gì bí mật.

Julia hỏi lại lần thứ hai:

“Theo em chúng ta phải tìm thứ gì?”

“Một chi tiết mà chúng ta đã bỏ sót,” Jason ngẫm nghĩ. “Có gì đó không ổn. Có gì đó không khớp. Một bằng chứng giúp chúng ta hiểu thêm về những hành trình của ông chủ cũ, về cánh cửa và vai trò của Oblivia trong tất cả chuyện này.”

Trong lúc cùng lục soát phòng ăn thứ hai rồi phòng điện thoại, Julia tua lại tất cả những gì ông Nestor kể cho cô bé về những chuyến đi của ngài Ulysses Moore và vợ.

“Ông ấy nói rằng ông bà Moore đã mắc sai lầm trầm trọng khi mời Oblivia Newton đến nhà. Nhưng chị không nghĩ ông ấy biết gì hơn thế.”

Chúng vào căn phòng bằng đá và dừng lại trước Cánh cửa Thời gian.

“Nếu em tìm kiếm một bí mật, chắc chắn nó sẽ ở đây,” Julia nói, cố kìm một cơn rùng mình.

Jason cúi xuống bốc một nắm cát rồi xòe tay để chúng lọt xuống qua kẽ ngón tay.

“Những hạt cát này chứng tỏ rằng chúng ta không hề điên rồ...,” cậu thầm thì.

Rồi quay sang phía chị gái, cậu nói:

“Chị có mang chìa khóa không?”

Julia ra hiệu là có.

“Em muốn làm gì?”

Jason bảo chị đưa chìa khóa.

“Ông Nestor nói cánh cửa chỉ có thể mở ra lần nữa khi người bước vào đó đã quay trở về... Hoặc không thể quay về được nữa.”

Jason cắm vào ổ khóa trên cao chiếc chìa khóa đầu tiên: chiếc hình mèo rùng.

“Điều em tự hỏi là: liệu có ai đó trở về thay cho em và Rick không nhỉ?”

Nó cắm chìa khóa thứ hai và thứ ba: chiếc hình ốc sên và rắn.

“Jason... Chúng ta không nên...”

“Gì cơ?”

Cuối cùng là chìa khóa của ổ khóa thấp nhất: chiếc hình ác là.

“Ý chị là việc mở cánh cửa ra lần nữa.”

Cạch, cạch, cạch, cạch, tiếng ổ khoá vang lên... Cánh cửa Thời gian mở toang.

Jason và Julia đứng lặng trên ngưỡng cửa. Ánh sáng từ căn phòng khách nhỏ rọi sáng căn phòng hình tròn. Dưới sàn là một dòng chữ đọc xuôi và ngược đều giống nhau đang chạy quanh. Nếu quan sát kỹ có thể nhìn thấy ba lối đi với những hành lang dẫn xuống bên dưới, trong số đó có cả hành lang, phía sau con dốc dẫn đến hang động nằm dưới lòng đất, nơi con tàu Metis đang neo đậu.

“Manfred có trong tay một chiếc chìa khóa giống của chúng ta,” đột nhiên Julia nói.

Cô bé lấy lại mấy chiếc chìa khóa từ tay em trai và vuốt ve chuôi của chúng.

“Thế nhưng chị không nhìn rõ... Lúc ấy trời mưa, và chị quá hoảng sợ.”

“Một chiếc chìa khóa,” Jason lẩm bẩm. “Hắn muốn vào Biệt thự Argo để sử dụng nó ư?”

“Có vẻ như vậy,” Julia đồng tình.

“Còn ông Nestor?”

“Ông ấy nói với chị đó là bản sao chìa khóa của Biệt thự Argo.”

Jason gật gù. Nó suy đoán là Manfred vào trong nhà phụ của người làm vườn, ăn trộm chiếc chìa khóa để mở cửa vào Biệt thự Argo, và cố đột nhập vào bên trong ngôi nhà.

“Thế chị có tin ông ấy không?”

“Có.”

“Em có cảm giác hôm qua chị không tin ông ấy lắm.”

“Em làm gì có nhà, Jason! Ông Nestor đã liều mạng để bảo vệ ngôi nhà. Manfred giống như một kẻ điên, hắn quá nguy hiểm... Ông Nestor tính tình hơi khó chịu nhưng là người tốt. Và tất cả những gì ông ấy kể cho chúng ta đến giờ đều là thật.”

“Vậy thì kể cả việc ông Ulysses Moore không còn ở đây nữa cũng là thật,” Jason thở dài. “Chúng ta phải tìm ông ấy, chị Julia... Giờ bọn mình chẳng có manh mối nào. Sau khi đánh mất tấm bản đồ, bọn mình chẳng còn dấu vết nào để lần theo, như thế mối liên hệ giữa chúng ta và người chủ cũ bị đứt đoạn đột ngột.”

Cậu nhóc nghiên cứu kỹ lưỡng không gian tối tăm của căn phòng hình tròn.

“Em tò mò không biết liệu con tàu có quay trở lại phía bên này bến tàu không nhỉ? Và liệu bọn đom đóm có còn đang bay quanh hang...”

Cô chị chặn cậu em lại trước khi nó kịp bước tiếp:

“Dừng lại. Nếu chúng ta bước qua ngưỡng cửa này, chúng ta sẽ buộc phải lên con tàu Metis.”

“Làm sao chị dám chắc điều đó?”

“Ông Nestor đã giải thích cho chị,” Julia nói dối, đơn giản là vì cô bé không muốn Jason lại phiêu lưu lần nữa trong hang. “Nếu em vào trong, em sẽ phải đi đến cùng.”

Jason nhích mũi giày lên ngưỡng cửa và thêm vào:

“Như vậy đây chính là giới hạn của việc di chuyển xuyên thời gian. Chỉ cần thêm một bước nữa thì...”

Julia tựa người vào Cánh cửa Thời gian và khép nó lại nhẹ nhàng trước mặt em trai.

“Giờ vẫn chưa được,” cô bé nói. “Bọn mình còn nhiều việc phải làm ở Kilmore Cove.”

Hai đứa lên tầng trên, vừa đi vừa xem xét thật cẩn thận ảnh chân dung của những người chủ cũ được treo trên tường bằng rất nhiều sợi dây nhỏ. Đến đầu cầu thang, thay vì đi ngay vào phòng tháp chúng chọn đi một vòng trong thư viện.

Mặc dù cửa chớp đã mở to, căn phòng vẫn chìm trong thứ ánh sáng lờ mờ. Có lẽ những giá sách và màu sơn trên trần khiến nơi này có vẻ hơi ngọt ngào. Thế nhưng, từ một trong hai ô cửa sổ có thể nhìn thấy những ngọn cây trong hoa viên, trong khi từ ô cửa còn lại có thể trông thấy khoảng sân lát sỏi và cánh cổng ra vào.

Các bức tường bị những giá sách bằng gỗ tối màu án ngữ, vài giá sách còn bị một tấm lưới đồng che đi khiến người ta có cảm giác căn phòng nhỏ và ngọt ngào. Những tấm biển nhỏ bằng đồng thau phân chia các tủ sách theo nhiều chủ đề.

Ở chính giữa căn phòng, treo một chùm đèn bằng đồng hình chim diệc, chiếu ánh sáng xuống chiếc bàn nhỏ bằng pha lê và một cái đi-văng bọc da. Chưa kể còn có một cặp ghế bành nhỏ xinh có thể xoay tròn và một chiếc đàn piano cánh đứng.

Trong khi Julia say sưa chiêm ngưỡng những cuốn sách cũ kỹ mạ vàng trên giá đựng những quyển quý giá nhất, thì Jason nhắc nắp đàn bằng gỗ lên định dạo vài phím ngẫu nhiên khiến một âm thanh chói tai phát lên làm cả hai đứa đều sợ hãi.

“Em đừng bao giờ thử chơi đàn nữa!” Cô chị nửa đùa nửa than phiền.

“Tuân lệnh!” Cậu nhóc trả lời.

Trên giá sách được đánh dấu bởi tấm biển *Cổ tự học*, có một chỗ trống đáng kể, chính là nơi bọn trẻ lấy cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*.

“Để hiểu rõ về lịch sử nơi này,” Jason gợi ý, “chúng ta cần biết cận kề về chủ nhân cuối cùng của nó.”

“Ông Nestor nói với chị trong phòng này chắc phải có gia phả của dòng họ Moore...” Julia nói. “Nhưng chị chẳng tìm thấy gì cả.”

Chúng tìm kiếm trên các giá sách vì cứ đình ninh sẽ phải đi tìm một cuốn sách dày cộp bám đầy bụi. Nhưng sau khi tìm qua một lượt, chúng mở tấm lưới đồng che chắn một hàng sách được buộc với nhau trong vải bạt màu đen. Trên gáy mỗi cuốn sách đều có khắc những con số bằng ký tự mạ vàng.

“Có thể là những cuốn này...” Julia phỏng đoán trong khi cầm quyển sách trông có vẻ mới nhất lên.

Trên trang bìa chẳng có một dòng chữ nào.

Bên trong, sau vài trang trắng, có hình vẽ phác thảo một cây phả hệ, kế tiếp là bức hình đen trắng của một người đàn ông có ánh mắt nghiêm nghị, với hai hàng tóc mai dày và bạc trắng, mặc bộ quân phục hoàng gia Anh và một chiếc ngà voi ở hậu cảnh.

Dòng chữ bên dưới tấm ảnh xác định danh tính của ông là Mercury Malcom Moore cùng ngày sinh và ngày mất vào đầu thế kỷ trước.

Kèm theo tấm ảnh là những bức thư và tài liệu đủ loại buộc chung với nhau để khỏi bị thất lạc và đặt cách nhau bằng những tờ giấy pơ-luya, loại thường dùng để bảo quản ảnh. Có những bức thư được đóng dấu bưu điện cũ kỹ, và có cả những con tem nước ngoài.

“Chị nghĩ ông Mercury này từng sống ở Ấn Độ, hoặc đâu đó xa hơn...” Julia đoán mò trong lúc giở nhanh qua các trang.

Sau Mercury Malcolm Moore và thư từ của ông là ảnh của Thomas và Annabelle Moore, trong trang phục đi săn. Cả họ cũng có riêng một tập ảnh, thư và tài liệu được bảo quản cẩn thận.

Jason lấy từ giá sách xuống một cuốn khác trong số những cuốn màu đen và bắt đầu lật xem.

Cậu nhóc tìm thấy những cái tên và tài liệu khác, tất cả đều được buộc lại và sắp xếp theo thứ tự.

Hai chị em sinh đôi ngồi xuống đi-văng để đọc kỹ hơn.

“Không biết ông ấy tốn bao nhiêu thời gian để sắp xếp những thứ này...,” Jason lẩm bẩm.

Rồi cậu gấp quyển sách lại và nói thêm:

“Nhưng cái này không phải là gia phả! Nó giống một bộ sưu tập bút tích và thư từ của tổ tiên dòng họ hơn...”

“Em nghĩ vậy sao?” Julia nói chen vào. “Thế thì thử ngược lên nhìn đi!”

Jason nhìn lên trần nhà sơn màu của thư viện.

Năm tấm mẽ đay lớn được nối với nhau bằng những cành nhánh của một cái cây lớn vẽ trên trần nhà. Trên cành cây là hình vẽ những con thú và quả trái kỳ lạ nhất trên đời, tất cả đều kèm theo một cái tên.

“Ôi trời, một cây gia phả hẳn hoi!” Jason thốt lên ngay khi nhận ra. “Cantarellus Moore... Tiberius và Adriana Moore... Xavier Moore...”

Hai đứa bắt đầu đọc những cái tên, hết cành này đến cành kia, cho đến cành cao hơn tất thảy, trên đó chỉ thấy đề hai cái tên: hai con chim mòng biển trắng tên Ulysses và Penelope, những đại diện cuối cùng của dòng họ.

“Thật kỳ diệu!” Julia vừa thốt lên vừa há hốc miệng dõi theo những con thú đang quay quần trên cái cây kỳ lạ kia.

“Em không tài nào hiểu nổi sao chị em mình lại không nhận ra cái cây này từ trước...” Jason thầm thì.

“Tại bọn mình chưa từng ngược lên nhìn.”

Julia và Jason nhanh chóng tìm thấy trên cây phả hệ tên của những người có chân dung trong những cuốn sách nhỏ màu đen và chúng phát hiện ra rằng có thể dùng cái cây vẽ trên trần nhà như một manh mối quan trọng để tra cứu những tập sách kia.

“Nhìn kìa!” Đột nhiên Jason la lên khi đang quan sát bộ rễ ăn sâu vào một trong số những cái mẽ đay. “Cây phả hệ nhà họ Moore ra đời từ lưng của ba con rùa! Lại là biểu tượng đó...”

“Lại à?”

“Đó là biểu tượng trên cánh cửa trong hang đá ấy. Và nó còn có cả ở Xứ Punt nữa, trong Căn phòng không tồn tại, dưới chân bức tượng những Người Sáng Lập.”

Jason say mê ngắm nghía hình vẽ trên trần. Rồi nó quan sát kỹ hơn những chiếc mê đay: bên trong chúng đều có hình những con thú có mặt trên bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian.

“Cuối cùng cũng có một manh mối!”

Julia cũng tin là vậy, dù cô không hình dung nổi nó sẽ dẫn chúng tới điều gì.

Jason nhận ra trong bức bích họa đường nét của con tàu Metis và một chiếc giống như là thuyền buồm. Bất chợt cậu nhớ tới những mô hình đồ chơi bằng gỗ trong phòng tháp. Cậu sực tỉnh và vội ra khỏi thư viện.

Cậu mở cánh cửa gương và bước vào căn phòng mà từ đó có thể thấy toàn cảnh vịnh Kilmore Cove.

Ngọn tháp vẫn nguyên si như lúc Nestor bỏ lại tối hôm trước. Ông lão làm vườn già đã tìm cách bịt ô cửa sổ bị hỏng, nhưng gió vẫn lùa được vào trong. Những cuốn nhật ký và sách vở chất đống trên mặt đất, còn các mô hình thuyền được đặt trên chiếc rương. Jason cầm lên mô hình chiếc Con mắt của Nefertiti và nghĩ về Thuyền trưởng Scriba vĩ đại, người đã đóng nên tàu đó, rồi cậu chuyển qua xem xét những chiếc khác: một chiếc thuyền độc mộc, một chiếc thuyền gondola¹, một chiếc thuyền buồm nhỏ, một con tàu chiến... Tại sao một số trong những chiếc thuyền kia lại được vẽ trên gia phả?

Julia đã bắt kịp em trai, cô dạo một vòng quanh những ô cửa sổ. Rick trông thấy cô từ dưới sân: cậu nhóc giơ cánh tay lên vẫy chào và gọi:

“Mình sửa xong xe của mình rồi! Các cậu xuống giúp mình sửa những cái còn lại chứ?”

Cô ra hiệu đồng ý rồi gọi em trai.

“Rick gần xong rồi đó!”

Jason lắc đầu.

“Có lẽ em đã nhầm. Có lẽ chúng ta đã khám phá ra tất cả những thứ cần phải khám phá ở Biệt thự Argo.”

Julia ngạc nhiên. Chính lúc này câu chuyện về ngôi nhà đang càng lúc càng cuốn hút cô...

“Nghe lạ nhỉ, điều này lại do em thốt ra cơ đấy. Vẫn còn hàng trăm cuốn sách cần phải đọc... những cuốn nhật ký và những cuốn sổ tay.”

“Chúng ta không có thời gian để đọc tất cả chỗ đó.”

“Vậy thì bây giờ em muốn làm gì?”

“Đạp xe!”

1. Một loại thuyền đáy bằng, biểu tượng của thành phố Venice (Ý).

Chương 4. Hồng phanh

Mặt trời giờ đã lên cao và hai chiếc xe đạp ít nhiều cũng đã được sửa đầu vào đó. Từ vịnh Kilmore Cove vang lên những tràng cười ngày Chủ nhật nhờ cơn gió nhẹ đưa tới và những con chim mòng biển đang đậu trên khe nứt của vách đá để tận hưởng làn gió.

Dưới ánh mắt cau có của ông Nestor đang vừa đẩy qua lại chiếc xe cút kít vừa thở phì phò, bọn trẻ sửa nốt chiếc cuối cùng, chiếc xe đạp của bà Moore, nó bị vênh càng trước. Khi bánh xe đã quay tròn tru trở, Rick thông báo nó đã hoàn toàn khỏi bệnh.

Mấy đứa chạy thử vài vòng trong sân: phanh không ăn lắm nhưng Jason vẫn chấp nhận lái nó.

Sau đó, chúng leo cả lên yên xe.

“Ông Nestor ơi,” Jason hét lớn, “bọn cháu đi đây!”

“Đừng có mơ! Ta sẽ không để các cháu rời khỏi đây với đồng sắt thép cộc cạch đó đâu.”

Ông lão làm vườn mệt lử hạ chiếc xe cút kít xuống. Mắt ông lộ rõ dấu hiệu của cơn sốt, hơi thở hỗn hển, thi thoảng bị đứt quãng bởi những cơn ho.

“Ông không nên làm việc nhiều như vậy,” Julia nhắc nhở ông.

“Chẳng có đứa nào giúp ta cả...”

“Nhưng hôm nay là Chủ nhật mà ông!”

“Cháu hãy giải thích điều đó cho lũ cây cối cứ tự do mọc ấy.”

“Ông có biết bác sĩ Bowen sống ở đâu không?”

“Không.”

“Còn Oblivia Newton?”

“Cũng không.”

“Chẳng phải ông từng nói quen biết tất cả người dân Kilmore Cove sao?”

“Ta chưa bao giờ nói vậy,” Nestor ho và quay lưng lại với bọn trẻ.

Rick thở dài, nó ngã chiếc xe đạp xuống đất rồi quay vào trong Biệt thự Argo. Sau vài phút, cậu trở ra, thấy Julia và Jason giờ đã bỏ mặc những chiếc xe để tìm mọi cách moi được vài thông tin từ người làm vườn.

“Bác sĩ Bowen ở gần đây thôi,” Rick nói. “Ông ấy sống trong một ngôi nhà gỗ ở Hẻm Chim ruồi. Thực tế là ở cuối Salton Cliff, bên tay phải.”

Nestor giậm chân bực bội.

“Làm sao cháu biết được?”

“Cháu gọi điện cho mẹ.”

“Ôi, mấy cái thứ công nghệ! Không tài nào giữ kín được điều gì...” Ông lão làm vườn than thở.

“Thế tại sao ông lại không muốn cho bọn cháu biết địa chỉ của bác sĩ Bowen?”

Nestor im lặng trong vài giây, như thể đang kiểm tìm câu trả lời xác đáng cho bọn trẻ. Sau đó ông giậm dừ càu nhàu:

“Các cháu đừng hòng nghĩ đến việc đó, rõ chưa? Ta chẳng cần thuốc thang gì hết.”

“Giờ thì cháu hiểu rồi!” Jason cười lớn. “Nhưng việc này sẽ do bác sĩ quyết định ông ạ...”

Cậu nhóc lại trèo lên chiếc xe đạp của bà Moore và hướng ra phía cánh cổng, hai đứa còn lại đạp theo phía sau.

“CÁC CHÁU ĐỪNG HÒNG!” Nestor hét lên. “TA CHƯA BAO GIỜ UỐNG...”

Ông ho một tràng đến mức gập cả người lại.

Khi ông ngược mắt lên, bọn trẻ đã đi khuất.

“Ồiiiiiii! Áááááá!” Jason hò hét, lao như tên bắn phía trước hai đứa kia, dọc con đường Salton Cliff. “MÌNH KHÔÔNG THỂ PHAANH ĐƯỢCCCC!”

Julia cười lớn, cô đang điều chỉnh cực kỳ chuẩn tốc độ của chiếc xe lắc lư nặng trịch trịch. Biết rõ những cạm bẫy trên con đường này, Rick vừa cố đuổi cho kịp Jason, vừa hét lên với bạn từ đằng sau rằng hãy dùng chân phanh lại.

“NẾU LÀM VẬYYY CHÂÂN MÌNH SẼ GÃYYY MẮTTT!” Jason trả lời, cậu cố lái xe theo hình dích dắc qua phải rồi qua trái để giảm tốc độ.

Cậu rẽ vào khúc ngoặt hình chữ chi nhanh như một tia chớp.

Phía đằng sau, Rick thấy con đường rải nhựa màu đen lướt qua vèo vèo dưới bánh xe. Cậu càng lúc càng khó điều khiển xe: tay lái rung mạnh hơn mọi khi và cảm giác như bánh trước có thể long ra bất cứ lúc nào.

Khi Rick mới tới chỗ rẽ đầu tiên thì Jason đã đến khúc ngoặt chữ chi thứ hai. Cậu cua vòng rộng để rẽ và biến mất sau khúc cua trong tiếng la hét. May mắn cho cậu là không gặp phải cái ô tô nào đi ngược chiều.

Rick yên trí là Julia không gặp vấn đề gì với xe đạp của mình, rồi cậu ra hiệu với cô rằng mình sẽ cố đuổi theo Jason. Rick gò lưng xuống đạp cật lực. Mỏm đá trắng và yên tĩnh dần khuất xa sau lưng, còn những ngôi nhà ở Kilmore Cove đang tiến lại gần hơn sau những khúc cua.

Khi qua được khúc ngoặt chữ chi thứ hai, cậu nhóc tóc đỏ bực bội khi thấy Jason vẫn vượt trước quá xa. Tốc độ của cậu bạn giờ không thua gì một cua-rơ chuyên nghiệp và tiếng hét vọng từ xa lại của cậu nhóc là sự pha trộn giữa cơn phẫn khích và nỗi sợ hãi bản năng.

Rick nghiêng răng chịu đựng. Cái ý nghĩ phải tăng tốc thêm nữa khiến cậu thấy sợ. Dẫu vậy cậu chẳng còn lựa chọn nào khác và chiếc áo phông của cậu căng phồng lên vì gió thổi.

Cậu nhắm tịt mắt mất một lúc khi chứng kiến cảnh Jason liều lĩnh rẽ vào khúc ngoặt chữ chi thứ ba. Khi mở mắt ra, chính cậu cũng đang lao như tên bắn tới gần khúc cua, gió thổi bạt đi khiến cho khung xe rung lên bần bật, bên phải là một thảm cỏ trải dài còn bên trái là biển. Cậu quyết định giảm tốc độ bằng cách bóp phanh ken két và chờ Julia đuổi kịp mình. Cậu bỏ hai tay khỏi tay lái và hét lên với cô bạn:

“Nhà của bác sĩ Bowen ở ngay sau khúc ngoặt kia. Hẻm Chim ruồi, ở ngay bên tay phải!”

Julia gật đầu và nắm chặt tay lái.

“Hy vọng Jason đã trông thấy nó rồi!”

Rick và Julia đang đầu với khúc ngoặt thứ ba và ngay khi rẽ vào đó, cả hai nhìn thấy khung chiếc xe đạp của Jason nhô lên trên một cái hố với hai bánh xe chống ngược lên trời.

“Ôi không!” Rick thốt lên đồng thời nhảy khỏi yên xe.

Bánh sau xe đạp của Jason vẫn đang quay mòng mòng, trong khi phần còn lại đã biến thành một đồng hỗn độn. Jason thì đang ngồi xồm trên bãi cỏ cách đó một đoạn.

“JASON! CHUYỆN GÌ XẢY RA VẬY?!” Cô chị hét lên thảng thốt, quăng xe đạp xuống đất để chạy đến bên đứa em.

Jason rùng mình. Rồi cậu quay lại.

“Em đã bóp phanh!” Cậu vừa cười vừa reo lên. Quần áo Jason bị bết đầy nhựa cỏ nhưng xem ra cậu vẫn hoàn toàn bình yên vô sự dù bị ngã. Thậm chí cậu còn chỉ cho hai đứa kia cánh cổng gần nơi bị ngã xe. Đó là một cánh cổng gỗ sơn màu xanh da trời, trên đỉnh là một chữ “B” to bự với họa tiết hoa cỏ.

“Xin giới thiệu đây là nhà của bác sĩ Bowen!” Cậu vênh vang tuyên bố .

Chương 5. Chiếc điện thoại nhựa Bakelit màu đen

Nestor kiểm tra xem bọn trẻ đã đi xa chưa rồi bỏ cái xe cút kít ở giữa sân đi vào nhà phụ. Ông cẩn thận khóa trái cửa lại, hạ rèm cửa sổ xuống và tiến lại gần chiếc điện thoại bằng nhựa bakelit màu đen. Ông có một nỗi sợ thần thánh đối với đồ vật đó. Nhìn chung, ông ghét tất cả những đồ vật nối với một cái dây và cái dây đó lại chui xuống chỗ nào trong lòng đất mà chẳng ai biết.

Dù sao cũng đến lúc phải gọi điện. Tình hình đang có nguy cơ trở nên xấu đi. Thời gian càng trôi, ông càng có cảm giác mình đang mắc sai lầm. Một sai lầm không thể vãn hồi.

Sau khi nghe câu chuyện của Jason và Rick, hiểu ra mụ phù thủy Oblivia đã thó được chiếc bản đồ như thế nào, ông lại càng không thể loại khỏi đầu ý nghĩ đó.

Có nhiều chi tiết ông không thấy thuyết phục trong lời kể của bọn trẻ. Ví dụ, tại sao tấm bản đồ không còn ở đúng chỗ của nó? Ai đã dịch chuyển Căn phòng không tồn tại? Và tại sao lối đi vào Cánh cửa Thời gian bị một bức tường chặn lại?

Chẳng ai cảnh báo với ông điều đó.

Ông không hề biết.

Chỉ có một câu trả lời duy nhất, dĩ nhiên là ả Oblivia.

Nhưng nghe Jason và Rick kể lại, có vẻ chính Oblivia cũng bối rối khi mụ phát hiện ra hốc Bốn Chiếc Ghế trống trơn. Vậy là sao nhỉ?

Vậy là mọi thứ đều không ổn. Có điều gì đó đã thay đổi. Và chẳng ai báo cho ông biết.

“Ta sẽ gọi điện,” ông nói lớn tiếng, “cứ như để xin phép ai đó đang ở cùng ông trong căn nhà phụ.”

Ông chạm vào chiếc điện thoại, do dự không biết nên đứng hay ngồi. Những ngón tay như có kiến bò, cuối cùng ông cầm lấy ống nghe và bấm số.

“Công ty chuyển nhà Homer & Homer xin nghe,” giọng một cô thư ký trả lời.

“Chào cô! Tôi muốn nói chuyện với ông chủ.”

“Ông chủ không có ở đây thưa ông. Lúc này ông ấy đang bận ở trong một...”

“Cô nói giúp với ông ấy có anh trai gọi đến.”

“Xin ông chờ một lát...,” cô thư ký đầu hàng.

Sau vài phút ống nghe phát mấy bản nhạc khó chịu, ông Homer trả lời điện thoại.

“Chào anh trai.”

“Chào. Không còn cách nào khác để qua mặt cô thư ký của chú à?”

“Cô ấy phải lọc giúp tôi những kẻ thích làm phiền. Anh nói đi. À không. Tôi nói trước: ông bà Covenant đang giận lắm. Nếu chúng ta cứ thế này họ sẽ không thuê nữa và tìm đến công ty chuyển nhà khác đấy.”

“Thế thì chú đừng như thế nữa. Nhưng hãy giữ họ ở Luân Đôn thêm cả ngày mai nữa nhé.”

“Không biết tôi có lo liệu được không...”

“Tôi sẽ trả thêm cho chú 300 bảng Anh.”

“Thống nhất vậy nhé.”

“Nếu chú thấy họ muốn quay về, hãy gọi cho tôi nhé, chú hiểu chứ?”

“Hiểu rồi. Anh là sếp mà.”

“Và cũng đừng gọi tôi như vậy.”

“Tùy ý anh, anh trai.”

“Thôi ngay cái kiểu xưng hô nực cười đó đi!”

Nestor đập máy thẳng thừng. Người ở đầu máy bên kia thấy khó chịu, nhưng cũng đủ tinh ranh để hiểu không nên đặt quá nhiều câu hỏi phiền phức. Xét cho cùng, làm gì có ai đi trả tiền cho một công ty chuyển nhà để khiến công việc chuyển nhà diễn ra càng chậm càng tốt đâu?

Nestor đi một vòng quanh căn phòng, sau đó trở lại đứng đầu lần nữa với chiếc điện thoại, ông nhắc nó lên và bắt đầu bấm số. Ông nhớ rõ mồn một. Dù cho bao nhiêu thời gian đã trôi qua.

Điện thoại đổ chuông rất dài.

“Không ai nghe máy...,” ông lão làm vờn vừa lẩm bẫm vừa gõ gõ tay lên mặt bàn.

Ông vén rèm nhìn ra ngoài, rồi lại buông rèm xuống.

Đúng lúc ông chuẩn bị gác máy thì một giọng đàn ông trầm ấm trả lời ông từ phía đầu dây bên kia.

“A lô, ai gọi vậy?”

“Chào anh, Leonard.” Nestor vừa nói vừa đổi chân trụ liên tục vì căng thẳng.

Người ở đầu máy bên kia giữ im lặng một lúc.

“Lâu rồi tôi chưa liên lạc.” Ông lão làm vờn nói tiếp.

“Tôi cũng chỉ biết nói như vậy”. Leonard Minaxo, người gác ngọn hải đăng ở Kilmore Cove trả lời. “Vậy cơn gió nào khiến ông lại làm việc đó?”

“Những chiếc chìa khóa đã hoạt động trở lại.”

Lại một lần nữa, một khoảng lặng dài.

“Bao nhiêu chiếc?”

“Bốn cộng thêm một. Có lẽ là thêm hai chiếc.”

“Ai đã lấy chúng ra?”

“Tôi không biết. Nhưng chúng đang ở Kilmore Cove.”

“Ai đang giữ chúng?”

“Ba đứa trẻ. Và ả trộm kia.”

“Vậy bọn trẻ đang ở đâu?”

“Chúng đang đi tìm hiểu chuyện đó...”

Chương 6. Lăn theo dấu vết tấm bản đồ

Một giọng nữ lạnh lạnh trả lời từ bộ đàm gắn trên cửa. Khi ba đứa trẻ hỏi xem liệu chúng có thể nói chuyện với bác sĩ Bowen không thì một âm thanh điện tử bzzz phát ra và cánh cổng cửa mở ra cho chúng bước vào một con đường nhỏ lát sỏi trắng.

“Nhà này thích người lùn, tớ đảm bảo đấy!” Julia nhận xét khi nhận ra trong vườn nhà ông bác sĩ xuất hiện đầy những bức tượng chú lùn bằng xi-măng.

Và còn có cả một chiếc xích đu gắn những chiếc nơ nhỏ xinh trên dây, một cái giếng tròn có chiếc gầu nhỏ nối với sợi xích và một xe cút kít giả bằng gỗ đầy ắp hoa dứa cạn.

“Ôi, ôi, các cháu, phía này!” Từ cánh cửa ra vào ngân lên chính giọng nói lạnh lạnh đã trả lời qua bộ đàm lúc trước.

Con đường nhỏ lát sỏi trắng muốt chuyển thành một con đường mòn ngay gần lát gạch hình chữ nhật. Từ cánh cửa khép hờ văng lại tiếng chuông gió kiểu Á Đông tinh tế, xuất hiện một người phụ nữ xanh xao và hốc hác, mái tóc bông bênh được uốn cầu kỳ trông như mũ của phi hành gia. Cầm trên tay hai đôi dép vải màu xanh da trời để đi trong nhà, bà reo lên ngay khi nhìn thấy bọn trẻ:

“Ôi!”

Và quay đi rồi quay lại chớp nhoáng, bà lấy thêm đôi thứ ba.

Jason và Rick lùi lại một bước nhỏ, nhường nhiệm vụ tự giới thiệu cho Julia.

“Cháu chào bác,” cô chị mở đầu cuộc trò chuyện. “Xin bác thứ lỗi vì sự quấy rầy của bọn cháu. Bọn cháu đang tìm bác trai để...”

“Có quấy rầy gì đâu, các cháu yêu...,” người phụ nữ trả lời lãnh lút. “Các cháu có phiền không nếu chỉ được đi dép vải vào trong nhà? Ta vừa đánh bóng sàn nhà.”

“Đương nhiên là không rồi ạ!”

Bà Bowen vẫn đứng đó, xem ba đứa trẻ cởi giày thể thao rồi xỏ đôi dép vải vào.

“Cháu có chuyện gì vậy cưng?” Bà vừa nhìn Jason đầy lo lắng vừa hỏi, đúng hơn là nhìn cái quần với chiếc áo phông bột dính của cậu nhóc.

Jason giải thích ngắn gọn với bà về cú ngã xe. Bà Bowen lắc đầu buồn phiền rồi thốt lên:

“Ôi trời ơi! Vậy thì chờ ta một lát!”

Rồi bà quay vào nhà.

“Cậu thấy kiểu đầu của bà ấy không, trông như một cây nấm ấy nhỉ,” Jason nói với Rick và nhận ngay lại một cú huých cùi chỏ.

“Mình nghĩ bà ấy ưa sạch sẽ,” Julia thì thầm, cô bé đã kịp liếc nhìn vào bên trong ngôi nhà. Sàn nhà bóng đến mức soi gương được ý.

Bà Bowen trở lại với một chiếc áo choàng tắm bằng vải bông trắng và đưa cho Jason.

“Cháu ngồi xuống và mặc cái này vào nhé.”

Cậu cầm lấy chiếc áo choàng và mặc nó vào với vẻ cẩn trọng như thể đó là áo của người mắc bệnh truyền nhiễm. Sau đó Jason đi theo chủ nhà cùng hai

đưa kia vào bên trong ngôi nhà gỗ của gia đình Bowen. Vừa đi cậu vừa lẩm bẩm:

“Dù sao cháu cũng không bị chảy máu. Cháu cảm ơn vì bác đã quan tâm...”

Bên trong ngôi nhà trắng toát và sạch sẽ đến mức chói cả mắt. Bọn trẻ, giờ đã quá quen với những căn phòng ở Biệt thự Argo, với trần nhà ốp đá, ốp gạch hay có vẽ tranh trang trí, thực sự bị choáng ngợp trước những bức tường trắng sáng như ở phòng khám và sàn nhà bằng gỗ cũng sáng bóng chẳng kém.

Có rất ít đồ đạc và tất cả chúng đều mang một vẻ lạc lõng so với khung cảnh. Những chiếc ghế thô kệch với họa tiết hoa lá như được lôi thẳng về từ một ngôi nhà gỗ trên núi. Những chiếc bàn nếu không phải mặt kính thì cũng bằng nhôm sáng choang, càng làm tăng cảm giác bọn trẻ đang lạc vào một bệnh viện nào đó. Còn về đèn đóm, thay vì những chao và chùm đèn bằng pha lê hay đồng thau như ở Biệt thự Argo, ở đây chỉ toàn những ngọn đèn nhỏ màu trắng lạnh lẽo, như những người ngoài hành tinh nhỏ bé nhô ra từ bốn góc nhà.

Bác sĩ Bowen đang ở trong phòng khách. Yên vị trên một chiếc ghế bành kiểu vùng Ti-rôn, ông đang mê mải đọc một cuốn tạp chí chuyên về ô chữ. Đó là một quý ông trung niên với ánh mắt cam chịu của một đứa trẻ chưa từng được vầy bừa với đám bạn bao giờ.

Ít ra đây là tất cả những gì Jason nghĩ.

“Chào các cháu,” ông niềm nở chào bọn trẻ. “Ngọn gió lành nào mang các cháu đến đây vậy?”

Bà Bowen tóm tắt lại chi tiết mọi việc mà không cho chúng cơ hội nào để mở mồm. Rồi bà nhìn chúng như thể chờ đợi một lời khen cho việc bà đã kể giỏi thế nào.

“Thế xe đạp của cháu giờ sao rồi?” Ông bác sĩ hỏi Jason, mắt ánh lên vẻ hiếu kỳ.

“Nó bị rơi xuống hồ, ngay trước cổng nhà. Giờ thì cháu không dùng nó được nữa rồi.”

“Tệ thật, tiếc quá.”

“Nhưng quan trọng là cháu không bị thương!” Jason nhắc tất cả mọi người.

“Ồ, điều này thì ta thấy rất rõ! Edna ơi?” Ông bác sĩ hỏi vợ. “Nhà mình còn giữ chiếc xe đạp cũ của con gái không nhỉ?”

Giọng nói của bà Edna lộ rõ vẻ lo lắng.

“Dĩ nhiên là còn! Nó ở trong gara. Em đã đóng nó vào thùng cẩn thận để cất đi mà.”

“Con gái ta 40 tuổi rồi và nó đang sống ở London,” ông bác sĩ giải thích. “Ta không nghĩ nó sẽ dùng đến chiếc xe đó nữa đâu.”

Ông quay sang phía vợ mình gợi ý:

“Chúng ta có thể cho mấy bạn trẻ này mượn xe, em thấy sao?”

“À!” Người vợ chỉ nói chừng ấy, nhưng rõ ràng ý tưởng đó không làm bà thích thú chút nào.

“Sao em không đi lấy nó ra đây nhỉ? Đằng nào nó ở trong gara cũng chỉ tổ bám bụi.”

Bà Bowen cố tỏ thái độ ngập ngừng lần cuối, nhưng ông chồng không hề lay chuyển. Sau khi liếc nhìn ông với ánh mắt kiêu: “Ngay khi chỉ còn lại chúng ta, tôi sẽ cho ông biết tay,” bà Bowen quay người bỏ đi. Mái tóc bự chẳng của bà rung rinh như cái bánh put-đinh.

Ông Bowen chờ nghe tiếng hai cánh cửa đóng sầm, rồi trở lại nói chuyện với bọn trẻ.

“Các cháu bảo ông Nestor không khỏe, ông ấy ốm sao?”

“Chính xác ạ! Ông ấy ho liên tục, hắt xì và nước mắt lúc nào cũng chực trào ra.”

“Có khi ông phải lên đó để khám cho ông ấy ạ...”

Bác sĩ Bowen cười.

“Khám à? Các cháu đùa ư! Chưa có bác sĩ nào từng lại gần được ông ấy. Ta không nhớ đã từng bán một viên aspirin nào cho những người sống ở Biệt thự Argo. À, không...” Ông bác sĩ chữa lại. “Một lần Nestor có đến mua kem chống nắng. Ông ấy bảo là mua cho bà chủ.”

Một lần nữa, ông lại khúc khích cười.

“Ta còn nhớ ông ấy lấy loại mạnh nhất, có thể chống chọi với ánh nắng trên sa mạc Sahara. Bà Moore hẳn là có một làn da cực kỳ mẫn cảm thì mới có thể bị cháy nắng dưới ánh mặt trời của Kilmore Cove.”

“Thực sự là vậy...” Jason và Rick cười căng thẳng.

“Và một lần khác ông ấy lấy một lọ huyết thanh phòng nọc rắn. Đúng vậy rồi! Nhưng, ngoài những thứ đó ra thì chẳng còn gì khác. Cho nên ta nghĩ khó có thể đưa thứ gì mà ông ấy sẽ chấp nhận dùng cả. Tâm trạng ông ấy thế nào? Ông ấy vốn đã cứng đầu cứng cổ từ hồi còn ông bà chủ... Ta cũng chẳng muốn hình dung giờ ông ta thế nào.”

“Chỉ cần biết làm đúng cách là được...” Julia thanh minh cho ông.

“Lão Nestor đó là kiểu người cổ hủ,” ông bác sĩ nói tiếp. “Ông ấy không tin vào thuốc men và bác sĩ. Ta nghĩ ông ấy giận họ vì cái chân. Các cháu thấy ông ấy đi khập khiễng phải không? Đó là kiểu khập khiễng điển hình của những người từng trải qua một cuộc phẫu thuật gãy xương không thành công. Dù vậy điều này cũng không cản trở ông ấy chăm nom vườn tược suốt ngàn ấy năm, kể cả việc đạp xe vào làng để đi chợ và thông báo tin tức của gia đình Moore, bởi vì chẳng có ai lui tới chỗ họ bao giờ.”

“Bác chưa từng lên Biệt thự Argo ạ?”

“Ồ, thỉnh thoảng cũng có, nhưng ta chưa từng vào bên trong. Khi Edna còn ham mê trekking... các cháu biết đấy, cái trò mà giống như đi dạo, nhưng sẽ phải mua một loại giày đặc biệt... Chúng ta thường đi dạo dọc theo mỏm đá và thỉnh thoảng cũng thấy cổng Biệt thự Argo để mở. Lúc đó chúng ta cũng nói dăm ba câu chuyện với Nestor về thời tiết hoặc về thời điểm tốt nhất để trồng dưa cạn. Đôi khi ta chào ông bà Moore từ xa khi họ xuống bãi biển riêng của nhà mình.”

“Họ là những người như thế nào ạ?” Rick hỏi han.

“Cực kỳ kín tiếng và rất gắn bó với nhau. Nếu không có Nestor xuống làng đi chợ mua sắm cho cả ba người thì cứ như thể họ chưa từng sống ở Kilmore Cove này vậy.”

Khi nghe câu đó, Jason đột nhiên cảm thấy cổ họng khô khốc. Cậu cảm thấy không thoải mái trong chiếc áo choàng tắm bằng vải bông và di di đôi dép trên sàn gỗ.

Trong khi bác sĩ Bowen kể một vài chi tiết về sự kín tiếng đến cực đoan của gia đình Moore, cậu nhìn xung quanh, cố tìm trên những bức tường một vài manh mối có thể kết nối vị bác sĩ điềm tĩnh ngồi lún sâu trong chiếc ghế bành Ti-rôn với tác giả của tấm bản đồ bí ẩn mà chúng tìm lại được ở Xứ Punt.

Nhưng dù có nhìn đâu đi nữa, những bức tranh duy nhất mà nó thấy chỉ là các tác phẩm móc sợi được đóng khung.

“Thực ra thì còn một lý do nữa khiến chúng cháu đến tận đây tìm bác vào ngày Chủ nhật...” Cậu nhóc thú nhận sau khi ngó qua ngó lại tìm kiếm vô ích không biết bao nhiêu lần.

“Lý do gì vậy?”

“Cái tên Thos Bowen có nói lên điều gì với bác không ạ?”

“Thos Bowen ư?”

Bác sĩ ngẫm nghĩ một lúc, sau đó ông trả lời:

“À, một cụ tổ nhà ta cũng có tên như vậy.”

Bọn trẻ nhìn nhau thêm vững tin.

“Ông cụ là kiểu người lập dị, làm nghề vẽ bản đồ.”

“Đúng là ông ấy rồi!” Đến lúc ấy Jason không kiềm chế được nữa, nó reo lên.

Bác sĩ Bowen nhìn nó, rất đỗi ngạc nhiên.

“Ta có thể hỏi vì sao các cháu lại biết cụ tổ nhà ta không? Mà thực ra, đây chính là nhà cụ ngày xưa đấy...”

“Tuyệt quá!” Rick thốt lên.

“Bác có lưu giữ một vài công trình nào của cụ không ạ... một vài tấm bản đồ chẳng hạn?” Jason đánh liều hỏi.

“Ồ không. Tất nhiên là không,” vị bác sĩ trả lời nhanh gọn. “Khi chúng ta chuyển đến đây, Edna không muốn sống trong một ngôi nhà cũ kỹ bụi bặm, toàn côn trùng và đôi khi có cả những con vật lạ lùng.”

“Nhưng... nếu đây là nhà của cụ Thos Bowen...”

“Dĩ nhiên, nhưng kể từ khi cụ sống ở đây thì đã quá nhiều năm trôi qua rồi. Các cháu nghe nhé: ngôi nhà này được xây dựng vào thời Napoléon Bonaparte. Chính là Hoàng đế Napoléon đẩy các cháu! Giờ thì ông ấy chỉ còn xuất hiện trong các cuốn sách lịch sử thôi. Khi vợ chồng ta chuyển tới đây, chúng ta đã san phẳng ngôi nhà sụp xụp và xây ngôi biệt thự mới này, với tất cả tiện nghi của thế giới hiện đại. À, thực ra thì gần như tất cả, bởi chẳng ai ở Kilmore Cove này biết cách làm cho một chiếc vô tuyến vệ tinh hoạt động...”

Jason ngồi phịch xuống đi-văng.

Nó nghe thấy tiếng sột soạt của vải bông.

“Ý bác muốn nói là ở đây chẳng còn thứ gì thuộc về cụ Thos Bowen sao?”

“Thật may là không! Có đến vài tạ giấy vụn và tài liệu bụi bặm. Những chiếc rương, quần áo cũ và đủ thứ kính khùng. Edna thậm chí còn không muốn đụng vào chúng, kể cả có đeo găng tay. Chúng ta đã dọn sạch đi rồi.”

“ÁAAAAA!” Jason rên rỉ kêu lên rồi đổ phịch xuống mấy chiếc gối tựa. Không thể tin nổi! Cháu cảm thấy khó ở quá!

Ánh mắt lãnh đạm của ông bác sĩ nhìn Jason ngất lịm đi như thể đó chỉ là một hành động cường điệu đơn thuần.

“Ta có thể biết cậu bạn của các cháu có vấn đề gì không?”

“Cũng hơi khó để giải thích ạ...” Julia đánh liều. Là vì bọn cháu hy vọng có được vài thông tin về một tấm bản đồ do cụ tổ nhà bác vẽ.

“Một tấm bản đồ về Kilmore Cove,” Rick nói thêm.

“À, cái tấm bản đồ treo trong bếp!” Lúc này ông bác sĩ mới thốt lên.

Jason đột nhiên mở mắt thao láo:

“Ở trong bếp ạ?”

Ông bác sĩ khó nhọc nhắc mình khỏi chiếc ghế bành Ti-rôn để dẫn bọn trẻ vào phòng bếp, một không gian sáng choang và được khử trùng đến mức tường như mới được lôi ra từ trong cuốn catalog về trang trí nội thất. Đồ vật duy nhất lạc lõng ở đó là một bức tranh màu nước vẽ cảnh vịnh Kilmore Cove lồng trong chiếc khung thanh lịch bằng vàng treo phía trên bàn ăn sáng.

“Nó từng được treo ở chỗ bức tranh này...” Ông giải thích. “Ta còn nhớ rất rõ tấm bản đồ đó. Từ trên cao có thể nhìn thấy tất cả bờ biển và những ngôi nhà cũ ở Kilmore Cove.”

“Chính là nó,” Jason nghĩ thầm.

“Còn bây giờ nó ở đâu ạ?”

“À, chuyện này xưa lắm rồi. Ta cũng chẳng còn nhớ nữa...”

“Cháu xin bác, có thể điều đó sẽ rất quan trọng đối với chúng cháu!”

Đúng lúc đó, bà Edna Bowen bước vào phòng bếp.

“Ta đã chuẩn bị xong xuôi chiếc xe đạp rồi đấy... nó ở ngoài kia rồi,” bà gắt gỏng nói.

Rồi bà đi rửa tay, giặt dũ kỳ cọ chúng bằng xà phòng.

“Đây rồi, Edna này, em đến thật đúng lúc. Em còn nhớ tấm bản đồ mình từng treo trong bếp đâu rồi không?”

“Cái bức vẽ cũ kỹ khó hiểu đó hả? Dĩ nhiên rồi! Vài năm trước chúng ta đã tặng nó cho người gác ngọn hải đăng. À không, cho bà Penelope Moore chứ!”

“À, phải rồi! Sự kiện cá sấu cắn người! Đầu óc anh giờ lơ đãng quá, anh đã quên mất điều đó...”

Bọn trẻ nuốt từng lời của họ.

“Chuyện ít nhiều là như vậy đó, các cháu có biết người gác ngọn hải đăng không?”

“Hai cậu ấy không biết đâu ạ,” Rick trả lời. “Họ mới đến Kilmore Cove. Nhưng cháu thì có, là bác Minaxo.”

“Ra thế, thảo nào mà ta không nhận ra chúng!” bà Edna thầm thì.

Sau đó, một ý nghĩ chợt lóe lên, bà hỏi:

“Các cháu là hai chị em sinh đôi người London phải không?”

“Chính xác ạ,” Julia trả lời.

“Anh hiểu ra chưa, Roger? Hai đứa trẻ này là con của những người đã mua Biệt thự Argo. Gwendaline đã nói với em hôm qua lúc cô ấy đến cắt tóc cho em...”

“Nếu các cháu muốn biết bất cứ điều gì về ngôi làng, hãy hỏi cô thợ cắt tóc ấy!” Bác sĩ Bowen trêu chọc, rồi ông mở lời khen ngợi ngôi nhà mới của Julia và Jason.

Bọn trẻ cười trừ rồi trở lại với chủ đề chúng quan tâm hơn.

“Hai bác kể về người gác ngọn hải đăng đi ạ...”

Bà Edna lau tay rồi nói tiếp:

“Ông ấy từng bị thương nặng ở một cánh tay, do cá mập cắn.”

“Thực ra vết thương đó ở mắt,” ông bác sĩ nói rõ.

“Mà hôm đó còn là Chủ nhật, nhưng Roger vẫn đến chữa cho ông ấy.”

“Lúc đó ông ta có nguy cơ mất cả con mắt còn lại! Máu chảy khắp nơi và... các cháu có đoán được không: chính bà Moore đã đưa ông ta tới đây. Họ đến bằng một chiếc xe thung, từ tận dưới mỏm đá. Bà ấy kể với ta... à... bà ấy kể gì với ta nhỉ? Rằng họ tìm thấy ông ta trên bãi biển. Đó là một ca phẫu thuật vô cùng khó, nhưng ta đã cứu được con mắt còn lại cho ông ấy. Và ta đã khâu má cho ông ấy một cách khéo léo nhất có thể. Dĩ nhiên đó không phải một tác phẩm hoàn mỹ, nhưng ít ra ông ấy đã sống sót.”

“Và Roger cũng không bắt họ phải trả tiền. Ông ấy là vậy đấy. Ông ấy hào phóng cả khi không cần thiết.”

Bà Edna vừa nói vậy vừa nhìn chiếc xe đạp sáng bóng đang dựng trong khu vườn cạnh bức tượng nhỏ Brontolo.

“Nhưng ông bà Moore rất tử tế. Tuần sau đó, họ quay lại đây trên chiếc xe thung. Ulysses ở ngoài, quàng chiếc khăn trắng che kín tới tận mũi và đội một chiếc mũ bảo hiểm kỳ cục dành cho người đi mô tô, trông như vừa bước ra từ Thế chiến thứ hai vậy. Còn Penelope thì vào trong nhà, mang cho ta bức tranh các cháu đang thấy ở trên tường, cả ta và Edna đều không biết phải treo nó ở đâu.”

Bà Edna giải thích:

“Tranh xấu thì chỉ tổ bám bụi. Còn tranh đẹp thì khác nào mời lũ đầu trộm đuôi cướp đến đập phá để cuỗm nó đi. Mẹ ta từng gặp chuyện như thế đó, hồi chúng ta còn ở Clonakilty.”

Rồi bà thở dài:

“Nhưng chúng ta đành lòng phải treo nó thôi, bởi chính bà Moore đã vẽ nó.”

Julia nhảy lên phía trước nhìn kỹ bức tranh màu nước vẽ vịnh Kilmore Cove.

“Hai bác bảo là chính bà Penelope Moore đã vẽ nó ư?”

“Ồ phải. Không tệ phải không?” Ông bác sĩ nhìn bức vẽ thoáng chút u sầu. Bà ấy thật giỏi giang... và họ yêu thương nhau nhiều biết nhường nào! Chà, chuyện của họ thật là một câu chuyện không may!

“Còn tấm bản đồ thì sao ạ?” Jason nhất định hỏi thêm.

“Phải rồi, tấm bản đồ! Chúng ta đã tặng nó cho Penelope, để đáp lại bức tranh,” bà Edna giải bày. “Như vậy, ít nhất ta đã bỏ được một trong hai thứ!”

Ba đứa trẻ nhìn nhau, há hốc mồm.

“Dù rằng món quà này chẳng phải ngẫu nhiên mà có. Bà Moore đã nhìn thấy tấm bản đồ treo trong bếp lúc Roger phẫu thuật cho người gác ngọn hải đăng. Bà ấy đã hỏi ta cả đống câu hỏi về tấm bản đồ đó. Có thể thấy bà ấy quan tâm đến nó... Cho nên, khi bà ấy đến tặng vợ chồng ta bức tranh kia... ta đã tận dụng luôn cơ hội đó.”

“Đổi một thứ gì đó của gia đình ấy lấy thứ gì đó của gia đình ta,” ông bác sĩ nói.

Jason lắc đầu. Nó không hiểu. Nó hoàn toàn không hiểu có sự liên quan nào giữa tấm bản đồ, bà Penelope Moore và... à Oblivia Newton.

“Sao ai cũng chăm chăm quan tâm đến một tấm bản đồ đơn giản về Kilmore Cove như vậy nhỉ?” Nó vừa lẩm bẫm vừa suy nghĩ miên man.

“Chính ta cũng luôn tự hỏi mình câu đó,” bác sĩ Bowen nói. “Một lần chúng ta cũng nói như vậy với cô đó. Cái cô... Cô ấy tên gì mình nhỉ?”

“Gwendaline gọi cô ấy là Quý cô Precisini! Một cô nàng tỷ phú,” bà Edna tiết lộ. “Rõ ràng là chẳng có gì đáng nói, nhưng...”

“Là Oblivia Newton ư?” Julia hỏi.

“Các cháu cũng biết cô ấy à?”

“Oblivia Newton từng đến đây ạ?! Khi nào ạ?”

“Lúc ấy là khi nào Edna nhỉ?”

Bà Edna kiểm tra trong quyển lịch treo phía trên tủ lạnh.

“Ta nghĩ là... tháng trước.”

“Cháu cợt là cô ta cũng hỏi hai bác về tấm bản đồ.”

“Đúng vậy.”

Bà Edna còn nói thêm:

“Vợ chồng ta mà biết trước nó quan trọng đến thế, có thể chúng ta đã giữ nó lại. Có lẽ nó đáng giá cả đống tiền ấy chứ.”

“Cô Newton nói với chúng ta đó là bản độc nhất vô nhị,” bác sĩ Bowen đùa.

“Cô ấy kể là không thể tìm được tấm bản đồ nào khác về Kilmore Cove ở nước Anh. Chẳng ở đâu có, kể cả ở London. Dù có trả cả triệu bảng Anh cũng chẳng mua nổi đâu! Nhưng rõ ràng lúc đó cô ấy chỉ đùa thôi,” ông nói thêm.

“Biết đâu là không...” Jason lầm rầm trong lúc miên man miên man suy nghĩ.

Nó xỏ một tay vào túi áo choàng tắm thì sờ thấy một cái lô uốn tóc.

“Bác có biết cô Newton sống ở đâu không ạ?” Lúc ấy Rick mới lên tiếng hỏi, trước đó nó chỉ toàn im lặng.

“Ta ư?” bà Bowen nói. “Ồ, không. Ta không biết. Nhưng các cháu có thể hỏi Gwendaline, thợ làm tóc trong làng. Cô ta vẫn thường đến đó cắt tóc.”

“Vậy thì cô Oblivia sống ở Kilmore Cove phải không ạ?”

“Không hẳn vậy. Nhưng chắc cũng ở đâu đây không xa lắm. Đúng không anh Roger?”

“Hình như vậy,” ông bác sĩ mỉm cười thân thiện, có vẻ muốn quay lại với tờ báo yêu thích càng sớm càng tốt. “Dù sao cũng chẳng thể biết được một người có sống ở Kilmore Cove hay không. Các cháu đã bao giờ nhìn thấy tấm biển nào có đề: Ở đây là địa phận Kilmore Cove hay chưa?”

“Cái đó thì...” Rick lưỡng lự. “Thực ra là chưa ạ.”

“Đương nhiên là không hề có. Nhưng cũng có vấn đề gì đâu... Quan trọng là có một con đường!”

“Vậy chúng cháu có thể tìm cô Gwendaline ở đâu ạ?” Jason hỏi.

“Cái này thì mình biết,” Rick trả lời.

“Cô ấy có một tiệm uốn tóc trong làng tên là *Uốn Tóc Thượng Hạng*,” bà Bowen vừa nói xen vào vừa lúc lắc bộ tóc. “Tiệm đó mở cửa cả Chủ nhật đấy.”

“Cháu có thể ngắm bức tranh gần hơn một chút được không ạ?” Julia hỏi, khi cuộc nói chuyện có vẻ đã đi đến hồi kết.

“Dĩ nhiên là được rồi!”

Trong khi Rick và Jason vẫn tiếp tục trò chuyện với ông bà Bowen, Julia tiến lại gần bức tranh màu nước của bà Penelope. Bà chủ cũ của ngôi biệt thự đã phác họa vịnh Kilmore Cove bằng những màu sắc nhẹ và êm dịu hòa trộn vào nhau tạo nên một sự hài hòa tuyệt vời. Biển màu lam đậm, sâu thẳm thẳm và lặn tẩn sóng. Bầu trời không có đường chân trời. Những con chim mòng biển nhỏ xíu như những dấu phẩy màu trắng, đường nét những ngôi nhà hiện lên qua những vệt cọ xanh da trời, hồng và vàng hệt như những bông hoa.

Julia cảm giác dường như có một hương thơm đặc biệt tỏa ra từ bức tranh đó. Cô gi mũi sát vào bức tranh.

Nó quả thật là tuyệt đẹp.

Julia đứng nhìn nó một lúc lâu, nán lại nhìn hai chữ cái của chữ ký viết nghiêng: *P.S.*

“P.S. là ai thế ạ?” Cô hỏi lớn.

“Penelope Sauri,” bà Bowen trả lời ngay. “Đó là tên thời con gái của bà Moore. Bà ấy là người Ý.”

Julia gật đầu, vẫn bị mê hoặc bởi bức tranh.

“Cháu có thể không ạ?” Cô bé hỏi, như được trực giác mách bảo.

Julia từ từ nhấc khung tranh ra khỏi tường.

Trống ngực đập thình thịch, cô bé nhận ra có thứ gì đó dính vào sau mặt toan của bức tranh, một đồ vật nhỏ được giữ cố định bằng băng dính. Cô gỡ nó ra rất thận trọng.

Những người khác bước lại gần.

“Cậu tìm thấy gì vậy?”

Julia lật lại trong lòng bàn tay một vật trông giống như cái bánh răng, cái bu-lông, hoặc...

“Gì vậy?” bà Edna hỏi.

Rồi bà lấy một chiếc khăn lau từ bồn rửa, và bà bắt đầu lau chùi khung tranh một cách lo lắng.

Vật đó có phần đế bằng nhưng màu xanh lá cây. Nó dài bằng nửa ngón tay, hình xoắn như lò xo và trên cùng là một thứ giống như vương miện nhỏ.

- Theo mình đây là một quân cờ, “Rick quan sát kỹ lưỡng rồi nói.”

“Có thể lắm,” Jason khẳng định. “Một quân cờ làm từ một chi tiết của ô tô.”

“Mình nghĩ là một quân hậu. Một quân hậu trong cờ vua.”

Jason trầm ngâm gãi mũi.

“Một quân hậu trong cờ vua giấu sau tấm vải vẽ của bức tranh mà bà Penelope Moore đã tặng để cảm ơn ca phẫu thuật cho người gác ngọn hải đăng. Hừmm...”

“Vậy thì tất cả những điều này dẫn chúng ta tới đâu?” Rick hỏi.

“Chỉ một nơi thôi: ngôi làng đó.”

Bọn chúng mượn quân cờ của ông bà Bowen rồi đi ra theo lối khu vườn.

Chương 7. Làm đẹp

Julia hét lên với em trai:

“Nhanh lên, đằng nào cũng chẳng có ai đâu!”

Jason thở hỗn hển, nó đạp thêm một vòng nữa, khiến chiếc xe đạp mới kêu leng keng.

Chiếc xe mang đậm phong cách nhà Bowen với màu hồng rực, tay lái có hình con bướm và chi tiết trang trí cuối cùng là một loạt chuông nhỏ ồn ào treo lủng lẳng trên bàn đạp.

Vừa đến những ngôi nhà đầu tiên của Kilmore Cove, Jason đã nhảy phắt xuống đất.

“Chúng ta đến nơi rồi,” cậu nhóc quả quyết. “Mình sẽ đi bộ dẫn đường!”

Nhìn nó nhăn nhó như vậy, Julia phì cười.

“Nghiêm túc đấy!” Cậu em trai trả lời. “Em không thể để mọi người trông thấy em trên cái xe đạp này! Chị không thể đi nó sao? Đây là xe của BỌN CON GÁI!”

“Người làm hỏng xe là em. Vì thế cái xe của nhà Bowen dành cho em. Phải không, Rick?”

Cậu nhóc tóc đỏ khúc khích cười đồng tình với lý lẽ của Julia. Rick đã cầm chắc một chỗ trong sổ đen những người bạn phản bội của Jason Covenant.

Chúng đi qua một nhóm ngư dân đang ngồi chơi trên những chiếc ghế xếp xiêu vẹo tán chuyện phiếm với nhau. Jason cố bước đi với vẻ đường hoàng trước mặt họ, cậu tinh bơ đấy chiếc xe đạp nữ, nhưng không sao tìm được ý nghĩ rằng tất cả những nụ cười phía sau đều hướng về mình.

Để Rick dẫn đường, hai chị em sinh đôi bỏ lại đại dương phía sau lưng, tiến vào một trong những con ngõ dẫn tới trung tâm ngôi làng.

Mặt đường lát đá, những ngôi nhà trắng với cửa sổ được trang trí bằng khung cửa sơn màu xanh da trời và vàng, những ban công tràn ngập các loại hoa thơm nức.

Chúng đi qua một cửa hàng bánh ngọt ngào ngạt một mùi hương khó cưỡng, rồi một cửa hàng bán rau quả với bà chủ đang ngồi bên ngoài phơi nắng. Bà nồng nhiệt chào Rick, cô bạn gái và cả thằng nhóc dắt cái xe đạp màu hồng nực cười...

Con đường nhỏ chia thành hai ngã đều dẫn đến bức tượng vua William Đệ Ngũ cưỡi trên lưng ngựa. Đó là một công trình uy nghi tráng lệ, khắc họa hình ảnh vị vua đang cưỡi ngựa phi ra biển. Jason và Julia, vốn chưa từng nhìn thấy bức tượng trước đó, thấy nó đặc biệt cuốn hút và thân quen đến lạ kỳ.

Rick dẫn chúng đi tiếp rồi dừng lại ở một quảng trường, nơi có những chiếc bàn xinh xắn của một quán trọ nhỏ. Sau khi định hướng xong, cậu bé lại tiếp tục đi.

“Đây rồi! Gwendaline Mainoff, hẳn là đây rồi,” bỗng cậu thốt lên khi dừng lại trước một cửa hàng với hai tấm biển.

Một tấm biển ghi: *Uốn Tóc Thượng Hạng*. Tấm còn lại là: *Cạo râu và cắt tóc dành riêng cho nam giới*.

Ở cửa hàng đó, dưới mỗi tấm biển có một cửa kính với lối vào riêng.

“Bọn mình vào bên nào trước đây?” Rick hỏi.

“Mình sẽ thử *Uốn Tóc Thượng Hạng*,” Julia nói.

Cô bé dựng xe đạp rồi vén tấm màn cửa được tạo thành từ những chuỗi ngọc trai nhựa.

“Còn mình sẽ thử *Cạo râu và cắt tóc dành riêng cho nam giới*,” Rick quyết định.

Mặt mũi Jason tối sầm lại, vì phải ở bên ngoài trông xe.

“Xin chào quý bà!” Gwendaline bật dậy khi Julia vừa mới đặt chân vào bên trong cửa hàng. “À, chào cô em.”

Đó là một cô gái xinh đẹp, có nụ cười tươi và đôi mắt to. Mái tóc màu đen tuyệt đẹp rủ xuống hai bên má một cách hài hòa.

“Chào chị,” Julia chào đáp lại.

“Em ngồi đi,” cô thợ uốn tóc chỉ cho Julia một chiếc ghế bành loại nhỏ đặt trước một tấm gương. - Xin lỗi, em chờ một lát nhé...

Gwendaline biến mất phía sau cánh cửa hậu và xuất hiện ở cửa hàng liền kề, trước mặt Rick.

“Xin chào!” cô cất tiếng chào.

Sau khi nhìn cậu nhóc rồi suy xét một lát, cô nói:

“Chẳng phải em là con trai bà Banner sao?”

“Vâng, em đúng là...”

“À, mẹ em lúc nào cũng nói em là cục cưng của bà và em học rất giỏi! Em vui lòng ngồi chờ một lát được không? Chị đang có một khách hàng ở bên kia.”

Lúc ấy, Rick nhanh nhẩu giải thích rằng nó và Julia đến cùng nhau. Ấy vậy mà Gwendaline lại hiểu nhầm thông tin đó và cất luôn nó vào kho những chuyện ngời lê đôi mách của mình với tựa đề “đôi tình nhân nhỏ tuổi mới nổi”.

“Thế à... Vậy thì đi theo chị nào!” Cô nói rồi dẫn đường cho nó sang bên cửa hàng *Uốn Tóc Thượng Hạng*.

Khi tất cả đã ở đó, Rick mới hỏi cô:

“Sao chị lại mở đến hai cửa hàng làm gì ạ?”

Gwendaline bật cười:

“Đơn giản thôi, vì các quý bà không bao giờ chấp nhận để cánh đàn ông nhìn thấy họ trong bộ dạng còn nguyên những chiếc lô trên đầu, còn đàn ông thì không đời nào để một thợ uốn tóc nữ cạo râu cho mình cả.”

“Chị nói chí lý!” Julia đồng tình.

Gwendaline đã truyền cho cô cảm giác dễ mến ngay tức thì.

“Chị bắt đầu từ ai trong hai đứa nhỉ?” Gwendaline hỏi, tay đã cầm sẵn lược và kéo.

“Thực ra bọn em...”

Cô thợ uốn tóc gõ hai nhíp chân xuống đất rồi ngắm nghía kỹ nữ khách hàng trẻ tuổi của mình:

“Xin lỗi, nhưng em... chẳng phải em là một trong hai chị em sinh đôi người London ư?”

“Em là Julia Covenant, rất hân hạnh!”

Vừa bắt tay cô bé thật chặt, Gwendaline vừa quay ra nháy mắt với Rick đầy ẩn ý như để nói với nó “Cửa giới đấy, anh bạn trẻ ạ!”

“Còn em trai em đâu?”

“Em ấy đang ở ngoài ạ.”

Gwendaline vén tấm rèm mời cậu nhóc vào trong. Cho đến lúc đó, Jason vẫn còn tỏ ra miễn cưỡng dù chỉ là thò mặt vào một cửa hiệu uốn tóc nữ, nhưng ngay khi trông thấy vẻ xinh đẹp của cô thợ làm đầu, cậu đã bật dậy như một cái lò xo.

“Chỗ này dễ thương thật...,” cậu nhóc thăm thò với Rick khi bước vào trong.

Một lúc sau cậu đã yên vị trên chiếc ghế bành, với một chiếc khăn trắng quàng quanh cổ còn cây kéo của Gwendaline Mainoff đang nhảy múa trên mái tóc.

“Oblivia Newton ư?” Cô thợ uốn tóc hỏi, sau đó mười lăm phút, trong lúc nhét vào túi chỗ tiền công cắt tóc nhận từ Julia. “Tất nhiên là chị biết. Cô ấy là khách hàng của chị.”

“Ôi! Ôi!” Trong lúc đó Jason cứ nhắc đi nhắc lại rồi thì làm dáng trước gương.

Trên đầu cậu là một tác phẩm điêu khắc kỳ quặc bằng tóc và keo vuốt tóc.

“Vậy chị có thể cho bọn em biết cô ấy sống ở đâu không?”

“Đương nhiên rồi,” Gwendaline vừa trả lời vừa bước ra khỏi cửa hàng. “Các em đi bộ hay...?”

“Xe đạp ạ.”

“Tuyệt, bởi vì nhà cô ấy khá xa. Đầu tiên các em phải quay trở lại con đường ven biển, phía sau bến cảng ấy. Hoặc là các em đi lên theo lối trên này rồi rẽ vào trước cửa hàng sách của chị Calypso...”

“Tốt hơn là không ạ! Bọn em nên tránh gặp cô Calypso...” Rick nhanh miệng nói khi nghĩ lại lời hứa với người thủ thư ngày hôm trước cốt để cô mở cửa Bưu điện cho chúng vào.

“Sao lại phải tránh mặt người phụ nữ nhỏ bé hiền lành như Calypso nhỉ?” Cô thợ uốn tóc tò mò hỏi.

“Vì bọn em đã hứa với cô ấy sẽ đọc ba cuốn sách trong vòng một tuần, nhưng đến giờ bọn em vẫn chưa bắt đầu.”

“Trong trường hợp này...” Gwendaline mỉm cười, “các em hãy quay lại quảng trường có tượng đức vua ấy. Rồi đâm thẳng ra con đường dọc bờ biển. Đến chỗ đó, các em rẽ phải. Dễ lắm! Chỉ cần đi làm sao cho biển lúc nào cũng nằm bên tay trái bọn em là được. Các em cứ ra khỏi làng rồi đi vài cây số, băng qua con đường đất Đồng Hồ Cú và đi tiếp thêm bốn, năm cây số nữa. Rồi đến một chỗ các em sẽ thấy một khu rừng nhỏ với những loài cây kỳ lạ. Thật ra chị chưa bao giờ nhớ được tên của chúng, nhưng Oblivia từng nói với chị là cô ấy mang chúng về từ một vài vùng đất ở nước ngoài... Nhà cô ấy đẹp và hiện đại lắm. Nó trông hết như một cái bánh úp ngược, toàn màu tím. Các em không thể nào nhầm được đâu.”

Ba đứa trẻ cảm ơn rồi leo lên xe đạp. Jason hào hứng với diện mạo mới của mình tới mức quên bẵng cả chuyện lắng nghe với cái xe đạp của ông bà Bowen, nó lên xe rồi đạp nhanh như tên, bấm chuông inh ỏi không dứt.

Gwendaline Mainoff nhìn bọn trẻ khuất bóng giữa những con đường làng, sau đó cô quay vào cửa hàng “hai trong một” của mình. Cô ngồi trước tấm gương lớn và bắt đầu đọc cuốn sách gần một nghìn trang về gia đình Buddenbrock².

Rick, Jason và Julia đi qua bức tượng đức vua rồi lao thẳng vào con đường bên phải, một con ngõ nhỏ có những mái nhà gần như chạm vào nhau. Khi chúng tới đoạn đường được mở rộng, nơi có những ngôi nhà cũ kỹ bằng đá trông ra thì một người phụ nữ mặc nguyên đồ ngủ đứng chặn giữa đường ra hiệu cho chúng dừng lại.

“Đi chậm lại!” Bà hét lên. “Các cháu sẽ đâm phải Marco Aurelio mất thôi!”

“Bác Biggles!” Rick nhanh chóng nhận ra bà cụ, liền xuống xe ngay lập tức. “Chuyện gì xảy ra với bác vậy?”

Người phụ nữ đi loanh quanh khắp con phố trong bộ dạng tóc tai bù xù, mặc áo ngủ và chân vẫn còn xỏ dép lê, bà nhìn ngó xung quanh với vẻ bồn chồn lo lắng.

Rick bước lại gần để bà có thể nhận ra mình nhưng bà không thể tập trung vào cậu nhóc.

“Marco Aurelio sống ra ngoài mất rồi!” Bà rên rĩ đưa hai tay ôm mặt.

“Bà già này chui từ đâu ra ấy nhỉ?” Jason hỏi chị gái.

“Suyt!”

Sau nhiều lần cố gắng giải thích nhưng vô ích, bà Biggles chỉ cho bọn trẻ bóng dáng con mèo đang đứng chơ vơ trên đỉnh một cột đèn cong cong ở lề đường bên kia.

“Nó đang hoảng loạn! Nó chẳng muốn xuống khỏi chỗ đó!”

“Bác cứ yên tâm, để chúng cháu lo chuyện này,” Rick đề nghị giúp đỡ. “Chỉ loáng một cái là bọn cháu mang nó xuống cho bác thôi ạ.”

Trước tình huống chen ngang đột ngột đó, Jason càu nhàu:

“Thực ra bọn cháu phải đến nhà Oblivia Newton!”

Nghe thấy cái tên đó, bà Biggles đột nhiên ngoảnh mặt lại với ánh mắt còn lo lắng hơn lúc nãy.

“Cô Newton à?! Vậy thì các cháu đi đi, lẹ lên!”

“Bác biết Oblivia Newton à?” Julia tò mò hỏi.

“Tất nhiên là ta biết cô ta! Ta biết cô ta, ta biết cô ta chứ...” Bà Cleopatra Biggles lẩm bẩm.

Bà bịt hai tai lại rồi chạy nhanh về nhà.

Lúc về đến cửa ngôi nhà cũ bằng đá, bà quay mặt lại phía bọn trẻ và hét lên:

“Chính cô ta đã khiến Marco Aurelio và mấy cục cưng của ta hoảng sợ đến vậy! Là lỗi của cô ta và gã đàn ông đen sì ướm nhẹp!”

Thế rồi bà mở toang cánh cửa. Hàng chục con mèo kêu meo meo chạy tóa ra, rối rít cọ cọ người vào chân rồi cào cào gấu váy ngủ của bà.

“Ngoan nào, ngoan nào!” Bà vuốt ve lần lượt từng con. “Rồi các con xem, Marco Aurelio sẽ quay về sớm thôi!”

“Nói lúc nào cũng dễ...” Rick giờ đã ở dưới chân cột đèn, hõn hển nói.

Con mèo đang bám vào tay đèn nhìn xuống nó với vẻ lãnh đạm và trịch thượng.

Nó không hề mắc bẫy trước những lời đường mật hay những mệnh lệnh kiên quyết và cũng chẳng thêm bận tâm khi Rick quyết định liều mạng trèo lên cột đèn.

Cuối cùng, trong khi bà Cleopatra Biggles còn đang bận thủ thủ mấy lời dỗ dành với Cesare và Antonio, còn Rick với Julia đang cố thuyết phục Marco Aurelio leo xuống, thì Jason mất hết kiên nhẫn, cậu nhóc tung luôn một cú đá vào cột đèn.

Sợ hãi vì tiếng động bất ngờ, Marco Aurelio mất thăng bằng, dúm về phía trước, rơi xuống đất trong những tiếng gầm gừ đe dọa. Một lát sau nó chạy biến về nhà, luồn qua chân bà Biggles rồi chui tọt vào bên trong.

“Marco Aurelio!” Bà hân hoan nói. “Mày về rồi!”

“Đến lúc rồi đó...” Jason thêm vào.

Bà Biggles cứ khăng khăng mời bọn trẻ vào nhà và cảm ơn chúng bằng vài chiếc bánh quy. Mặc dù cả ba đứa đều từ chối nhưng người phụ nữ ấy vẫn kiên quyết mời bằng được.

“Lại đây nào các cháu! Hãy vào bếp nào!” Bà nói và dẫn đường cho bọn trẻ. “Ta còn bánh quy ngon lắm...”

Julia là đứa đầu tiên bước theo bà, cô tò mò muốn biết Oblivia Newton thì có liên quan gì đến việc con mèo chạy trốn. Rick, đứa không bao giờ biết từ chối bất cứ người nào lịch sự yêu cầu cậu làm việc gì đó, cũng bước vào ngay sau đó. Jason là đứa cuối cùng di chuyển, nó thở hắt ra thành tiếng.

Rồi cậu nhóc nghĩ, xét cho cùng cũng đã sắp đến giờ ăn trưa, và theo kế hoạch chúng sẽ còn phải đạp xe một quãng đường dài ra khỏi Kilmore Cove, nên có gì đó bỏ vào miệng cũng không phải là một ý tồi.

Chúng bước vào phòng khách, rồi đi qua hành lang ngăn giữa phòng khách và phòng bếp.

Đến giữa hành lang, Jason cảm thấy có những hạt cát lạo xạo dưới đế giày.

Ban đầu cậu nhóc chẳng để ý lắm. Rồi gần như vô thức, nó ngoảnh lại xem chúng từ đâu ra.

Bà Cleopatra Biggles vào bếp mở một chiếc hộp thiếc in hoa.

“Đây rồi! Bánh quy bơ nào!”

“Chết tiệt,” Jason nghĩ, tay vuốt mái tóc phủ đầy keo.

Nó quay gót bước trở lại và cúi xuống chạm vào lớp cát mỏng phủ trên sàn nhà. Những hạt pha lê bé xíu dính vào ngón tay nó, giống y hệt những hạt nó thấy trong căn phòng bằng đá ở Biệt thự Argo.

Cũng là loại cát mịn, gần như không thể sờ thấy đó.

Cát sa mạc. Và nó rơi ra từ khe của một cánh cửa cũ.

“Chết tiệt,” Jason ngẫm nghĩ và lại vò đầu bứt tóc “trông như là Cánh Cửa Thời Gian ở Biệt thự Argo!” Thế rồi nó bật dậy và hét lên:

“RIIIIIICK! JUUUUUUUULIA!”

Cánh cửa trong hành lang nhà bà Cleopatra Biggles đã cũ rích, nó được làm bằng gỗ đã mòn và có hình dáng thô kệch. Cánh cửa bị đóng chặt và bà Biggles không nhớ đã từng mở nó ra bao giờ chưa hay đã từng sở hữu chiếc chìa khóa nào để mở nó không. Nhưng bà nhớ nó dẫn xuống tầng hầm, dù cho đó chắc hẳn là một căn hầm rất lạ lùng vì thi thoảng từ dưới khe cửa phụt ra những luồng cát và dòng khí nóng.

Bà Biggles chưa từng nghĩ đến việc xuống tầng hầm: có một thời gian, thậm chí bà từng che cánh cửa ấy sau một món đồ nội thất bằng gỗ. Nhưng lũ mèo cứ dùng nó để mài móng nên bà đành mang món đồ ấy đi phục chế.

Những điểm tương đồng với cánh cửa ở Biệt thự Argo thật đáng kinh ngạc: đặc biệt là những cái đinh cũ trên mặt trái ổ khóa đồ sộ giống hệt những cái đinh cố định bốn ổ khóa trên Cánh cửa Thời gian.

Khi Rick và Julia nhìn thấy nó, chúng như ngừng thở.

“Bác Biggles... Cháu không biết bác có thể giải thích rõ hơn cho bọn cháu điều gì đã xảy ra ngày hôm qua không ạ?” Rick lí nhí đầy lễ phép.

Bà chủ nhà bối rối kể lại chuyến viếng thăm lúc nửa đêm của Oblivia Newton và gã đàn ông đen sì ướn nhẹp.

“Là Manfred.” Julia đoán.

Có vẻ như Oblivia đã ngay lập tức tiến thẳng đến cánh cửa đó rồi nói gì đó mà bà Biggles không nhớ rõ, bà quá hoảng loạn nên chẳng thể hiểu được điều gì. Lúc ấy đang có một cơn bão lớn và lũ mèo thì hoảng loạn chạy tứ tán. Bà hoàn toàn không nhớ nổi những gì xảy ra sau đó. Khi bà tỉnh lại thì đã là giữa trưa. Bọn mèo dường như phát điên còn Marco Aurelio cả ngày cứ đứng trên cột đèn, như thể riêng cái ý nghĩ trở về nhà thôi cũng đã khiến nó hoảng sợ lắm rồi.

“Thậm chí có ai đó đã mở cửa kính trong phòng khách nhà ta!” Bà than phiền. “Thật may là hẳn không lấy cắp gì cả...”

“Nhưng bác Biggles ơi, sao bác lại để hai người đó vào nhà vào giữa đêm hôm khuya khoắt vậy?” Julia hỏi.

“Ừ thì, cô Newton thì lúc nào mà chả... khó đoán trước như vậy!”

“Vậy là bác có quen biết cô ta ạ?”

“À, ừ. Dù ta chưa bao giờ quý cô ta cả. Trái với một số người khác...”

“Ý bác là những ai ạ?”

“Chị gái ta. Cô ta là học trò cưng của chị ấy,” bà Biggles giải bày.

“Học trò ạ? Cháu không hiểu rõ lắm...”

“Chị gái ta từng là giáo viên tiểu học... Ở Cheddar, nơi nổi tiếng với món phô-mai ấy!”

Bà Cleopatra Biggles đi ra phòng khách lấy một bức ảnh cũ được đóng khung, chụp chân dung hai cô bé ngồi cạnh nhau.

“Người trẻ hơn chính là ta. Còn người này... là chị gái Clio của ta. Tên đầy đủ của chị ấy là Clitennestra Biggles. Chị ấy là người thông minh nhất trong gia đình, phải công nhận là như thế. Chị Clio thích đọc sách: những cuốn sách trong tủ kính đều do chị ấy tặng cả đấy. Và chị ấy còn muốn du ngoạn, khám phá thế giới. Vì thế chị ấy rời Kilmore Cove đến dạy học ở Cheddar. Oblivia Newton hồi ấy là một cô bé rất giỏi giang và đầy triển vọng. Đó chính là nơi họ quen nhau.”

“Rồi sao nữa ạ?”

“Chị gái ta vẫn luôn nhớ nhung Kilmore Cove. Sau nhiều năm, cuối cùng chị ấy cũng quyết định quay về. Vài năm trước, chị ấy thấy trên báo đăng một tấm hình của cô gái mà chị ấy quen biết ở Cheddar và được biết cô ấy đã tạo dựng nên sự nghiệp và trở thành một phụ nữ thành đạt. Clio rất hài lòng về cô học trò. Chị ấy là một người rất giàu tình cảm... Có lẽ chị ấy tin phần nào thành công của cô học trò yêu quý kia cũng có phần công lao của chị ấy... của cô giáo mà cô ta yêu mến! Thế rồi chị ấy gửi cho cô ta một món quà nhỏ. Một hôm Oblivia đã đến nhà cảm ơn chị ấy mà không hề báo trước. Kể từ bấy đến nay cô ta chưa hề ngừng làm như thế, ngay cả sau khi chị gái tội nghiệp của ta qua đời.”

Suốt thời gian bà Biggles kể cho Julia và Rick nghe về thành tích học tập của Oblivia Newton, Jason chỉ ngây người nhìn chăm chăm cánh cửa ở giữa

hành lang, như thể bị thôi miên.

“Một Cánh Cửa Thời Gian khác... Thật quá bất ngờ!” Cậu vừa lẩm bẩm vừa vuốt ve mặt gỗ xù xì.

Cậu cảm thấy tim mình đập điên loạn và không còn biết mình đang nghĩ gì nữa. Một mặt cậu rất háo hức với điều vừa khám phá ra, mặt khác cậu lại thấy thất vọng khi biết còn tồn tại một cách cửa thứ hai như vậy ở ngoài nhà mình.

Khi hai đứa kia quay vào thuật lại những thông tin về Oblivia, hầu như Jason chẳng nghe nổi gì. Cậu cứ mãi mê nghĩ về cánh cửa, và làm sao để mở được nó.

“Ý em là cánh cửa này cũng dẫn xuống một cái hang và một con tàu như dưới vách Salton Cliff ư? - Julia hỏi.”

“Em nghĩ là vậy.”

“Điều này ít ra cũng giải thích được vì sao Oblivia Newton cũng có mặt ở Ai Cập cổ đại...” Rick lẩm bẩm.

Bà Biggles nhìn bọn trẻ như bị thôi miên. Sau đó, bà lắc đầu buông lời nhận xét:

“Ôi, lũ trẻ thời nay! Tưởng tượng mới phong phú làm sao!”

Rồi bà rời đi để vào cất mấy cái bánh quy khỏi sự chú ý của lũ mèo.

Bà Biggles vừa đi khỏi, Julia liền rút từ trong túi ra những chiếc chìa khóa của Cánh Cửa Thời Gian.

“Bọn mình thử nhé?”

Cả bốn chiếc đều dứt lọt ổ khóa nhưng khi chúng xoay vòng thì chẳng có điều gì xảy ra. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm.

“Không ăn thua.” Rick nói.

“Mình nghĩ những chiếc này không phải chìa của cánh cửa ở đây.”

“Mình dám cược là Oblivia đang giữ chiếc chìa có thể mở được cánh cửa này.”

Dù rất chậm chạp nhưng mọi thứ đang bắt đầu được xâu chuỗi lại.

“Bọn mình nhất định phải tìm ra cô ta. Giờ này chắc hẳn cô ta đã quay về rồi!”

“Sao em dám chắc điều đó?” Julia xen vào. “Có thể cô ta vẫn đang ở đó. Chẳng phải mọi người nói là cô ta đang tìm kiếm thứ gì đó sao?”

“Đúng, nhưng cô ta đã tìm thấy rồi: chính là tấm bản đồ!”

“Chính xác. Nhưng giờ cô ta đã tìm được nó, có thể cô ta đang chuyển qua tìm thứ gì đó khác ở dưới đó thì sao.”

Rick gật gù.

“Cũng có thể là vậy... Tại sao lại không nhỉ?”

Ngược lại, Jason xem ra rất băn khoăn.

“Mình nhắc các cậu nhớ rằng đó chính là tấm bản đồ đầu tiên và duy nhất về Kilmore Cove, chứng minh nơi này có tồn tại. Nó thuộc về ông bà Moore, và chính ông bà Moore đã mang nó đến Ai Cập để cất giấu nó trong Bộ Sưu Tập. Giờ chúng ta đã có thể chắc chắn về điều đó.”

“Nếu như em nói vậy...” Cô chị lẩm bẩm.

“Tấm bản đồ đó chẳng có tác dụng gì ở Ai Cập cổ đại. Chỉ có ở đây, ở thời đại này, thì nó mới hữu dụng,” Jason vừa nói vừa chỉ vào cánh cửa gỗ. Có đến hai cánh cửa cũ kỹ trong cùng một ngôi làng cổ. Theo mình thì đây không phải là chuyện trùng hợp ngẫu nhiên.

Rồi cậu bỏ lửng những suy nghĩ khác của mình.

“Vậy theo ý cậu là... có thể còn những cánh cửa khác?”

“Tại sao lại không cơ chứ?”

“Trong trường hợp đó thì tấm bản đồ có lẽ mang một ý nghĩa đặc biệt,” Rick khẳng định.

“Điều đó có thể lý giải cho giá trị và niên đại của nó.”

“Thú thật là mình không biết đâu...”

“Cậu còn nhớ nó được vẽ vào ngày nào không, Rick?”

“Năm một nghìn bảy trăm gì đó, nếu mình nhớ không nhầm,” Rick trả lời.

“Các cậu không thấy chuyện đó rất kỳ lạ sao? Ở đây cái gì cũng cổ xưa: ngôi làng cổ, những cánh cửa cũ kỹ, tấm bản đồ lâu năm, và cả... người chủ cũ của Biệt thự Argo!” Jason cười, nó gần như sợ hãi với điều mình đang nghĩ.

“Một vòng tròn tròn vẹn.”

“Các cháu có muốn uống một tách trà không, mấy đứa?” Bà Biggles ngó ra từ căn bếp mời chào. “Hay các cháu vẫn muốn tưởng tượng tiếp về Ai Cập cổ đại?”

Mười lăm phút sau, ba đứa rời nhà bà Biggles. Bất chấp những lời từ chối rất buồn cười của bà Cleopatra, rốt cuộc bọn trẻ vẫn thuyết phục được bà kê một cái tủ ngăn kéo trước cửa tầng hầm và chặn không để nó mở ra.

“Chỉ vài ngày thôi ạ,” Rick năn nỉ bà. “Rồi bọn cháu sẽ đến khênh nó ra.”

“Ý tưởng mới kỳ cục làm sao!” Bà vừa cười vừa vuốt ve Marco Aurelio và Cesare, chúng đang ganh với nhau để tranh giành sự quan tâm của bà.

“Và bác nhớ đừng nói chuyện này với ai nhé, bác hiểu ý bọn cháu chứ ạ?” Julia nhắc bà.

Bà Biggles đứng ở cửa chào chúng, sau đó quay trở vào dọn dẹp căn bếp, xếp vào bồn rửa mấy tách trà để đến chiều sẽ rửa, rồi đặt lại hộp bánh quy vào chính giữa cái bàn.

Xong xuôi mọi việc, bà đi qua hành lang và dừng lại một lát trước cái tủ ngăn kéo. Dù tin chắc là nó không hợp với vị trí này, bà vẫn quyết định làm theo lời khuyên của mấy đứa trẻ để mền kia.

Trong lúc bước lên tầng trên, giữa âm thanh huyền ảo của lũ mèo, bà nghĩ bụng cô bé với cái cậu có mái tóc đỏ trông rất giống nhau.

“Có thể chúng là anh em,” bà tự nhủ. “Dù mình không nhớ là nhà Banner có đến hai đứa con...”

Bà đi về phía phòng tắm, mở toang cánh cửa chớp và bắt Nerone và Caracalla ra khỏi bồn tắm:

“Chúng mày đã tắm hôm qua rồi! Mèo gì mà ứa nước như cá ấy!”

Khi ngược mắt lên tấm gương, bà nhăn mặt lại. Bà bật hết cả hàng bóng đèn bao quanh tấm gương và lơ dểnh chải tóc: nhưng cứ mỗi một lần chải, chiếc lược lại bị mắc kẹt như ở trong bụi rậm. Rồi bà cứ để nó vướng vào tóc như vậy mà đi vào phòng ngủ để thay đồ. Bà phát hiện mình vui vẻ một cách khác thường. Giống như sau cơn sốc và nỗi hoảng sợ tối hôm trước, chuyến viếng thăm của mấy đứa trẻ cuối cùng cũng khiến bà bình tâm trở lại. Thái độ lễ phép của chúng và những câu chuyện kỳ lạ tuổi mới lớn luôn kiếm tìm những cuộc phiêu lưu khiến bà cảm thấy khá hơn.

Và cả cái kiểu làm ra vẻ bí ẩn...

“Bác nhớ đừng nói chuyện này với ai nhé!” Bà Cleopatra Biggles nhại lại giọng nói lo lắng của Julia.

Cô bé đó thật là đáng yêu: Julia khiến cho bà nhớ lại mình hồi bằng tuổi cô bé.

“Mình biết mình cần gì rồi!” Bà Biggles bất chợt thốt lên trong lúc đang mặc váy. “Một kiểu tóc uốn thật đẹp ở chỗ Gwendaline!”

Khi bà chuẩn bị ra khỏi nhà thì điện thoại đổ chuông. Lâu lắm rồi bà không nghe thấy nó kêu, nên ngay khi tiếng chuông đầu tiên cất lên, bà Cleopatra Biggles đã nhảy dựng lên. Bà thậm chí còn mất khá lâu mới nhớ ra đã đặt điện thoại ở đâu.

“Tới đây! Tới đây!” Bà nói với cái điện thoại bằng nhựa màu đen dường như vẫn chưa ngừng đổ chuông. “Alô? Ai đấy?”

Bà nhăn trán một lúc lâu trước khi nở một nụ cười tươi.

“À, anh Nestor! Tất nhiên là tôi còn nhớ anh!” Bà thốt lên. “Thật vinh hạnh được nói chuyện với anh! Không, có chi đâu, anh không hề quấy rầy gì cả...”

2. Tiểu thuyết *Gia đình Buddenbrock* của Thomas Mann (1875-1955).

Chương 8. Trên con đường ven biển

Mặt trời lên cao chiếu ánh nắng chói chang trên bầu trời bồng bênh mây trắng như những trang nhật ký đang chờ được viết. Trong bầu không khí thoáng mùi đồng cỏ hòa lẫn với mùi muối biển mặn mòi. Giờ đã là giữa trưa. Jason, Julia và Rick đi trên con đường lớn duy nhất ven bờ biển. Con đường chạy dọc vịnh Kilmore Cove và dốc ngược lên mỏm Salton Cliff, men theo một đoạn đường dốc hơn nhiều so với đoạn chúng đi xuống lúc trước. Chẳng phải gấp gáp gì, chúng đạp xe cạnh nhau, và háo hức tranh nhau bình luận về những thông tin chúng vừa khám phá. Jason đi giữa, đang gò mình trên ghi-đông xe,

cứ mỗi lần dấn bàn đạp, quân cờ trong túi cậu lại nhô lên. Julia thì liên tục đặt câu hỏi, cô bé đang cố dựng lại cuộc đời của bà Penelope, ông Ulysses, bác sĩ Bowen, người gác ngọn hải đăng và Oblivia Newton. Những mảnh ghép trong cuộc tìm kiếm Ulysses Moore cứ hòa trộn với nhau, dẫn dắt bọn trẻ tới việc phải cân nhắc những khả năng hoàn toàn mới.

Mới chỉ vài ngày mà hai chị em song sinh cảm thấy như mình đã ở Kilmore Cove đã từ lâu lắm. Chưa đầy hai mươi tư giờ kể từ lúc chúng giải mã được thông điệp bí mật đầu tiên và bắt đầu hành trình trên một con đường khó khăn đến mức, Jason tin chắc có người đã cố tình bày sẵn cho chúng. Nhưng ngày Chủ nhật hôm đó trò chơi trở nên rắc rối hơn nhiều. Chẳng có lấy một dấu vết rõ ràng nào để lần theo, cũng không có một thông điệp bí mật để giải mã. Cứ như là kể từ lúc tấm bản đồ rơi vào tay Oblivia, chuỗi manh mối đã bất ngờ bị đứt đoạn.

“Tớ có điều không hiểu...” Rick nói. “Nếu có Cánh Cửa Thời Gian thứ hai... Và Oblivia biết điều đó, bởi cô ta đã sử dụng nó... Vậy thì tại sao bằng mọi giá cô ta lại muốn vào được cánh cửa trong Biệt thự Argo?”

“Rõ ràng rành thế còn gì, vì cô ta muốn thử cả hai!” Julia trả lời bằng giọng am hiểu. “Các cậu thừa biết phụ nữ bọn mình sẽ thế nào khi quan tâm đến điều gì đó...”

Rick gật gù mỉm cười.

Sau đó cậu nhóc trở nên nghiêm túc và bắt đầu đánh giá tình hình:

“Tuy nhiên... Bọn mình biết cô ta sống ở đâu. Bọn mình biết cô ta có xích mích với ông chủ cũ của ngôi biệt thự và lý do của cuộc tranh giành có thể là chính bọn mình. Bọn mình cũng biết được cô ta từng là học trò cưng của chị gái bác Biggles...”

“Và như ông Nestor đã nói, cô ta đến Kilmore Cove vì một sai lầm nghiêm trọng.”

“Có lẽ sai lầm đó là của bà Clio Biggles?”

Rick lắc đầu.

“Có thể. Nhưng vấn đề là chúng ta không biết cô ta nghĩ gì trong đầu. Đây mới là vấn đề thực sự.”

“Mình nghĩ vấn đề chính là Kilmore Cove,” Jason nói chen vào. “Cả ngôi làng ấy. Trước đây mình nghĩ đó là Biệt thự Argo. Nhưng sau khi nhìn thấy cánh cửa ở nhà bác Biggles mình hoàn toàn tin rằng...”

“Còn có những cánh cửa khác, tất nhiên rồi,” Julia nói giúp nó phần còn lại.

“Không. Mà là có người muốn giấu nhện chúng đi... Cánh Cửa Thời gian ở nhà mình thì bị giấu sau một cái tủ: nếu mình không tình cờ tìm thấy nó thì có lẽ nó vẫn sẽ ở đó trong nhiều năm nữa... Còn bà Biggles nghĩ rằng cánh cửa nhà bà dẫn xuống tầng hầm.”

“Về lý thuyết có thể bác ấy đúng,” Rick nói rõ. “Bọn mình vẫn chưa mở được nó ra mà.”

Julia nói:

“Mở thế nào đây? Cả bốn chiếc chìa khóa đều không hoạt động.”

“Có thể chính cái chìa mà chị vứt xuống biển đêm qua lại mở được...” Jason lặp bập.

“Chị không vứt nó xuống biển! Chị...”

“Các cậu nhìn xem, thật hùng vĩ!” Rick ngắt lời hai đứa và bất ngờ phanh gấp. Bọn trẻ đến đúng nơi con đường ven biển chia thành hai nhánh. Một nhánh chạy dọc theo bờ biển, trong khi nhánh còn lại dẫn ra một mũi đất, tận cùng là ngọn hải đăng, một ngọn tháp màu trắng nằm cô đơn bên đại dương.

Julia ngược lên nhìn dọc theo vách đá trắng Salton Cliff nằm ở phía đối diện của vịnh. Biệt thự Argo chơi vơi trên đó, ngọn tháp cao nhô lên giữa những tầng cây trong vườn. Những bậc thang cắt dọc vách đá thành hai nửa dẫn xuống tận biển khiến cô bé liên tưởng đến hình ảnh một chiếc niềng răng.

“Các cậu có nghĩ rằng trước khi ra khỏi làng bọn mình nên báo với ông Nestor một tiếng không? Mình không muốn ông ấy lo lắng.”

“Bọn mình báo với ông ấy bằng cách nào bây giờ? Ra hiệu bằng khói à? Có vẻ như không có bộ điện thoại quanh đây...”

“Jason có thể...”

“Các cậu quên chuyện ấy đi. Mình không đạp xe về tận Biệt thự Argo chỉ để báo tin với ông ấy như thế đâu. Hơn nữa ông Nestor chắc đang bận lượm lá hoặc ngủ trưa. Chắc chắn ông ấy không phải kiểu người lo lắng cho bọn mình đâu.”

“Chính xác,” Julia nói. “Có lẽ chính chúng ta mới phải lo cho ông ấy. Hôm qua ông bị ngã, mà hơn nữa ông ấy cũng già cả rồi. Em nghe thấy ông ấy ho thế nào rồi chứ?”

“Bác sĩ Bowen bảo ông ấy cứng đầu lắm đó.”

Nhưng Julia vẫn khẳng định:

“Dù khó gần và hay cáu kỉnh, ông ấy vẫn là người duy nhất biết bí mật của bọn mình. Nếu chúng ta có được một người bạn ở Kilmore Cove này thì người đó chính là ông ấy.”

“Hôm qua em có cảm giác ông ấy chẳng dễ mến như chị vừa nói đâu,” cậu em trai nói thêm.

“Hôm qua là hôm qua. Hôm nay là hôm nay.”

“Giờ ta phải đi thôi chị Julia! Nếu khẩn trương lên thì ông Nestor sẽ chẳng phát hiện được chuyện chúng ta đã ra khỏi làng đâu.”

Julia vẫn lặng im. Cô bé thần người ra, không thể rời mắt khỏi vách Salton Cliff.

“Lại chuyện gì nữa đây?” Jason hỏi.

“Chị không biết,” cô bé trả lời. “Cứ gọi nó là linh tính của phụ nữ, hoặc cái gì khác, cứ gọi nó là cái gì em muốn, nhưng chị có cảm giác Biệt thự Argo đang... hoảng sợ.”

“Có được không nếu em gọi nó là ‘điều ngớ ngẩn của chị gái tôi’?”

Julia lè lưỡi với thằng nhỏ.

“Cứ như thế sắp sửa xảy ra chuyện gì đó. Có lẽ bọn mình không nên rời khỏi làng.”

“Vớ vẩn!” Jason chế giễu chị và giậm mạnh lên bàn đạp để phóng nhanh hơn.

Gió lùa vào căng phồng chiếc áo và xới tung mái tóc gọn gàng của nó.

“Chị muốn điều gì sẽ xảy ra chứ?”

Chương 9. Kẻ phá hoại

Trong một ngôi biệt thự bê-tông sơn màu tím cách chỗ bọn trẻ sáu cây số, ở căn phòng được điều chỉnh nhiệt độ hoàn hảo bởi một thiết bị điều hòa không khí giá 100.000 bảng Anh, chuông điện thoại reo lên. Dù cho nhạc chuông là bản *Những nữ chiến binh trên lưng ngựa* ³ của Richard Wagner, một bản nhạc vang dội và hùng tráng, nhưng chẳng ai nghe thấy. Trong không gian đang ngập tràn tiếng nhạc sền ầm ì làm nền cho một bài tập đạp xe cuồng nhiệt.

Ở chính giữa căn phòng là một chiếc xe đạp công nghệ cao, với những bộ phận giống như đám máy móc của phòng tập thể hình. Tay lái tháo rời dùng để luyện tập cánh tay và bả vai, trong khi đó bàn đạp hồi hả quay theo nhịp bản nhạc khiến cho người phụ nữ đang sử dụng nó phải đổ mồ hôi sôi nước mắt, đúng như câu tục ngữ ta hay nghe, mới duy trì được nhịp.

Ấy thế mà xem ra cô ả lại sung sướng vì được vận động quần quật như vậy. Cô ả nhìn chăm chăm về phía trước với ánh mắt quyết đoán và tự tin. Cô ả cao ráo, khỏe khoắn và có vóc dáng như một vận động viên chuyên nghiệp.

Và không có vẻ gì là sẽ trả lời điện thoại.

Đến hồi chuông thứ mười lăm, cánh cửa sơn mài màu trắng hé mở và, ngay lập tức thiết bị điều hòa giảm xuống, nhạc tắt và chiếc xe đạp giảm tốc độ đến khi dừng hẳn.

“MAAAANFREEEED!” Cô ta hét lên bực dọc.

Cô ả đổ gục trên tay lái làm-săn-chắc-cơ và rống lên:

“Ta đã nói với người bao nhiêu lần là đừng có làm phiền trong lúc ta đang ở trong phòng tập hả?”

“Có điện thoại,” Manfred trả lời, với giọng nói đơn điệu qua khe cửa. “Người ta nói có việc gấp. Là người của công ty phá dỡ nhà.”

“À, ra là họ!”

Oblivia Newton bất ngờ ngẩng đầu lên. Một chữ “V” bằng mồ hôi in đậm trên lưng bộ đồ tập thể dục.

“Chuyển máy cho ta ngay.”

“Tôi làm rồi. Nhưng cô đâu có trả lời.”

“Vậy thì chuyển lại đi.”

Cánh cửa màu trắng đóng lại. Oblivia Newton bước xuống khỏi chiếc xe đạp và cầm một chiếc khăn bông màu tím đậm lên, trên đó cô ả cho thêu hai chữ cái đầu tiên của tên mình, to bự và rối rắm: O.N.

“Tôi Newton đây,” cô ả đáp cộc lốc ngay khi những nốt đầu tiên của bản *Những nữ chiến binh trên lưng ngựa* vang lên.

Mới nghe trong chốc lát ả đã trả lời:

“Tôi không quan tâm giá bao nhiêu. Tôi không muốn nghe lời xin lỗi. Ngay hôm nay. Ngay bây giờ. Với tất cả nhân viên mà các anh có. Tôi muốn những người xuất sắc nhất, khỏe mạnh nhất, giỏi nhất. Và một xe ủi có bánh xích và quả cầu kim loại. Tôi không muốn còn sót lại dù chỉ là một bức tường. À, không. Phải để lại một bức tường...”

Ở đầu dây bên kia, vị giám đốc của công ty phá dỡ nhà vẫn cố nói điều gì đó thì lại bị những tiếng la hét của Oblivia tấn công tới tấp:

“Tôi đã giải thích với các anh cả trăm lần làm sao để đến được ngôi nhà đó rồi. Các anh hãy đi con đường đất nhỏ phía ngoài làng. Và đừng có làm tôi bực mình với chuyện xin giấy phép này nọ! Ngôi nhà ấy là của tôi và tôi sẽ làm gì mình muốn! Hẹn gặp lại ở đó sau nửa giờ nữa.”

Oblivia đập máy thô bạo.

Ả lau mồ hôi trên trán rồi ném cái khăn xuống đất. Rồi ả tung một cú đá để mở cánh cửa sơn mài màu trắng của phòng tập và đi tìm Manfred.

Ả tìm thấy gã đang đứng trước bức tường kính nhìn ra ngoài, hai tay đút túi.

“Khởi hành thôi,” ả ra lệnh cho gã. “Khoảng năm phút nữa. Ta đi tắm và thay đồ đã.”

Manfred ngoảnh mặt lại về phía ả. Mũi của gã bị một miếng băng cứu thương hoàn toàn che kín. Đôi mắt gã trũng sâu và thâm tím, dấu hiệu điển hình của việc vừa trải qua một đêm tệ hại. Vết sẹo cũ kéo dài từ cổ xuống tận bên trong áo sơ-mi rõ ràng làm cho diện mạo của gã thêm phần táo tợn.

“Chúng ta đi đâu đây?”

Oblivia Newton khựng lại, bất ngờ vì câu hỏi xác xược kia.

“Từ khi nào người cho mình quyền hỏi lại vậy?”

Manfred cười khùng khục trong miệng, cố bắt chước nụ cười gã từng thấy của Jack Nicholson trong một bộ phim *Gangster*.

“Từ khi tôi liều mạng vì cô.”

Oblivia quay phắt lại, tiến lại gần hẳn, vung bộ móng tay màu tím sắc lẹm như lưỡi dao cạo.

“Người biết rõ ta bực thế nào khi về đến nhà mà không thấy người... vì người còn bận lảng vảng ở Biệt thự Argo... và đi thăm hỏi mấy đứa nhóc kia... khiến cho chiếc xe ô tô nửa triệu bảng của ta tan tành hết cả...”

Manfred gồng mình giữ nguyên nụ cười kiểu Jack Nicholson, trong khi bộ móng của Oblivia chạy dọc vết sẹo và kè sát tĩnh mạch cổ của gã.

“Nhưng mà Manfred này...” Oblivia chọt rứt bộ móng vuốt lại khiến gã loạng choạng ngã về phía sau, ả đổi giọng nói tiếp, “người đã giao cho ta một đồ vật tuyệt vời, thứ mà người đã ăn cắp được... và người nói đã liều mạng sống để lấy bằng được nó về đây... Nên ta quyết định sẽ tha thứ cho người.”

Trong tay Oblivia lóe lên tia sáng từ hai chiếc chìa khóa cũ lồng vào một sợi dây chuyền mà ả đeo trên cổ.

“Manfred tốt bụng của ta... Cho đến hôm qua ta chỉ có chiếc con mèo...” Ả cười và cho hẳn xem chuỗi của từng chiếc chìa khóa. “Và bây giờ ngoài chiếc con mèo ta đã có thêm chiếc sư tử... GRRRRR!”

Manfred nuốt nước miếng và không biết mình sợ một Oblivia Newton giận giữ hay rạng rỡ vui sướng hơn.

“GRRR...” Gã đáp lại lí nhí, vẻ không tự tin lắm.

Rồi gã lấy lại vẻ mặt du côn rẻ tiền thường ngày của mình.

“Giỏi lắm, Manfred!” Oblivia ngợi khen. “Người đi chuẩn bị xe máy đi. Một lúc nữa chúng ta sẽ khởi hành.”

Gã đàn ông thờ người nhìn cô chủ cho đến khi ả biến mất sau một trong cơ man những cánh cửa của ngôi nhà lạnh lẽo đó. Rồi gã quay đi, thọc mạnh tay vào túi quần. Trong lòng gã chất chứa một cơn giận mà không biết rõ phải trút lên ai. Gã ghét công việc của mình, ghét Biệt thự Argo, lão già làm vườn đó và cả con nhỏ dễ bị kích động huyết đã giết chết gã. Rồi đột nhiên gã nhận ra gã bắt đầu ghét chính bà chủ của mình, kẻ đã lợi dụng gã như một con rối, đối xử với gã bằng đúng cái cách khinh rẻ mà ả dành cho những người ở công ty phá dỡ

nhà. Nhưng gã vẫn còn cảm nhận được trên da vết hằn của bộ móng tay màu tím...

Dù thế nào gã vẫn không thể đoán được họ sẽ phải đi đâu.

3. Trích trong tác phẩm *Die Walküre* (Nữ chiến binh) của nhà soạn nhạc người Đức Richard Wagner (1813-1883).

Chương 10. Đồng hồ cú

Sau khi đạp xe được vài cây số, bọn trẻ dừng lại ở ngã tư, chỗ giao với con đường đất nhỏ, để thở. Con đường cái đã bỏ lại bờ biển ở phía sau và kết thúc ở một nhánh rẽ nhỏ về phía đất liền. Từ lúc rời khỏi ngôi làng bọn trẻ vẫn chưa gặp chiếc ô tô nào. Địa hình nơi đây trở nên bằng phẳng hơn với những dải cây bụi thấp và tròn, đá lô nhô, đây đó những bông hoa nhỏ màu trắng và tím rung rinh dù chỉ một làn gió nhẹ thổi qua. Thi thoảng trời lên một thân cây cô độc với những cành cao vươn ra ngược chiều gió.

Chúng dừng xe để đôi chân được nghỉ ngơi một lát và nhìn ngó xung quanh. Phòng xa như mọi khi, ngay từ trong làng Rick đã đổ đầy một bi-đông nước để có thể chia cho hai chị em sinh đôi kia uống cùng.

Lúc này chắc hẳn có một chiếc xe tải hạng nặng đã chạy qua con đường đất nhỏ này vì nó để lại những vết lún sâu trên nền đất và làm gãy tấm biển bằng gỗ chỉ tên đường. Jason lượm nó từ bãi cỏ và đọc dòng chữ viết trên đó: Đồng Hồ Cú.

“Nghe tò mò nhỉ?”

Bên cạnh cái tên có cả hình một con cú màu trắng.

Chợt nhớ lại lời của bác sĩ Bowen lúc trước, Julia quay sang nói với Rick:

“Thực sự cậu chưa bao giờ nhìn thấy tấm biển nào với dòng chữ ‘Kilmore Cove kính chào quý khách’ à? Ngay cả một tấm biển đơn sơ đề ‘Kilmore

Cove', giống như ở những nơi khác vẫn có thể bắt đầu địa phận của một vùng ấy?"

"Ừ thì... mình chưa bao giờ để ý, nhưng... đúng là không. Mình không nghĩ là có tấm biển nào kiểu đó."

"Có bao nhiêu con đường dẫn vào làng?"

"Đường này là độc đạo rồi," Rick chỉ về hướng mà từ đó chúng đến đây. Con đường này chạy dọc bờ biển cho đến tận Biệt thự Argo.

"Thế còn sau Biệt thự Argo?"

"Mình không biết. Mình chưa bao giờ đi đường đó," Rick trả lời hơi ngượng ngùng.

Cậu nhóc tóc đỏ không muốn thừa nhận rằng mình chưa từng rời khỏi Kilmore Cove. Trên thực tế, cậu còn chưa từng có ý định đó trong đầu. Trong làng có tất cả mọi thứ cậu muốn: thậm chí cậu đã hiện thực hóa mơ ước lớn lao được vào bên trong Biệt thự Argo, người lính gác trên vách đá Salton Cliff. Cậu có thể muốn điều gì hơn thế chứ?

Julia nhận ra sự bối rối của Rick và mỉm cười với cậu. Cô bắt đầu cảm mến sự tử tế và chu đáo của Rick, khác hẳn với vẻ nhanh nhẩu thường trực của em trai cô.

"Ừ, ở nhà ga xe lửa ít ra cũng phải có một tấm biển chứ nhỉ?" Cô bé thốt lên.

"Đã từng có," Rick trả lời. "Nhà ga đóng cửa nhiều năm rồi. Thậm chí, nói thật thì mình không nhớ từng nhìn thấy con tàu nào chạy qua đây chưa. Bọn mình... nói thế nào nhỉ? Hơi tách biệt khỏi thế giới bên ngoài phải không?"

"Mình nghĩ là đúng," Jason tán thành. "Bọn mình đi được mấy cây số rồi mà có thấy ngôi nhà nào đâu."

Rick nhận lại chiếc bi-đông, đóng nắp và gài trở lại chiếc xe đạp.

"Các cậu sợ à? Các cậu cảm thấy lạc lõng giữa chốn đồng không mông quạnh đúng không?"

"Ồ, không phải! Mặc dù... ở London đúng là có nhiều người hơn hẳn."

Chúng im lặng mất vài giây cho đến lúc Rick tuôn một tràng:

"Dù thế nào đi nữa, mình vẫn rất thích nơi này. Dù không có tấm biển chào mừng nhưng mình thực sự rất vui vì giờ có cả các cậu."

Rồi nó nắm lấy cái ghi-đông xe đạp kêu cót két rồi bắt đầu đạp xe tiếp.

Đi được có vài mét Rick đã nghĩ giá có thể tự đâm vào mặt mình. “Ngu ngốc, ngu ngốc, ngu ngốc,” Rick nói đi nói lại. “Mày đúng là vừa gây ấn tượng về một kẻ ngu ngốc! Mình thực sự rất vui vì giờ có cả các cậu... khiếp quá!”

Làm thế nào cậu lại nghĩ ra được một câu ngọt như mía lùi như vậy nhỉ? Nghe cứ như câu chúc ngủ ngon trong một câu chuyện cổ tích cho bọn trẻ con! Mà lại còn nói ra nữa chứ!

“Mình chẳng biết gì về thế giới...” Rick lẩm bẩm, cảm nhận làn gió từ biển thổi vào, và lập tức cậu nhóc nghĩ về bố. Bố cậu đã được nhìn thấy thế giới ngoài kia và điều gì ông ấy cũng có thể nói được.

Không biết lúc ấy Jason và Julia đang nghĩ gì nhỉ? Thế nào hai đứa đó chẳng nghĩ Rick chỉ là một đứa dốt nát quần quanh trong làng.

Cậu nghe thấy tiếng hai chị em cười khúc khích với nhau và đau lòng nghĩ rằng chúng đang cười nhạo mình. Tiếp tục đạp xe, cậu ngoái lại hét lên với chúng:

“Này hai cậu thôi đi!”

Lúc đó Jason và Julia đang nói về chuyện hoàn toàn khác, bất chợt chúng nghe thấy một tiếng ù ù trầm trầm như tiếng máy bay trực thăng, rồi thấy từ khúc cua xuất hiện một vật thể sáng choang màu đen đang phóng như điên.

Đó là một chiếc xe đua, chở hai người, đang trong tư thế nghiêng để vào cua.

“RICK! CẦN THẬN!” Chúng hét lên.

Cả Rick cũng nghe thấy tiếng ồn, và khi quay lại nhìn con đường trước mặt nó há hốc mồm kinh ngạc thấy mình sắp bị đâm chết: chiếc xe đã chồm lên nó. Theo bản năng nó lao mình sang bên trái và ngã nhào xuống đất. Chiếc xe máy nghiêng rạp sang phía đối diện làm lóe lên hai chùm tia lửa điện từ bánh xe.

Tay đua thực hiện một loạt những thao tác tuyệt vọng để cố giữ thẳng bằng và tránh được chiếc xe đạp của Rick trong gang tấc. Hấn vọt tới gần chỗ Jason và Julia với hai lốp xe nóng rực do phanh gấp, sau đó giảm dần tốc độ.

Người ngồi sau xe mở kính chắn của mũ bảo hiểm sáng bóng và hét lên bằng một giọng hung dữ:

“Cút về nhà ngay, mấy đứa thò lò mũi xanh kia!”

Sau đó chiếc xe máy rẽ vào con đường đất nhỏ, chỗ bọn trẻ dừng lại lúc nãy, cuốn theo một đồng bụi mù.

Jason lắc đầu khó tin.

Julia vút xe đạp xuống đất và chạy lại chỗ Rick để chắc rằng cậu vẫn ổn.

Cô thấy cậu bạn nằm sõng soài bất động trên mặt đất.

“Mình ổn...” Cậu nhóc tóc đỏ thều thào ngay khi Julia mới chạm vào người. “Mình chỉ bị... rách áo thôi.”

“Nhưng người cậu đầy máu kìa!”

“Không sao đâu,” cậu đáp lại mà chẳng hề quan tâm đến chỗ bị trầy xước và va quệt trên cánh tay. “Các cậu có thấy thứ đó không? Hai kẻ xấu xa đó là ai nhỉ?”

Bóng xe màu đen đang lao vun vút, lờ mờ ẩn hiện dưới ánh nắng qua làn bụi nó vừa cuốn lên.

Jason lại lắc đầu lần nữa.

“Mình chắc đó là bọn chúng.”

“Bọn chúng nào?” Julia hỏi.

“Mình chắc chắn cái ả vừa quát bọn mình chính là Oblivia Newton.”

“Oblivia Newton á? Cô ta đang đi đâu chứ?”

“Mình chẳng quan tâm,” Rick thốt lên đầy tức giận, cậu giật lấy xe đạp với chiếc áo rách toạc rủ xuống cánh tay, “nhưng đến nước này thì mình chán ngấy bị ả tông cho hỏng người rồi!”

Nó leo lên yên xe như một chàng cao bồi sẵn sàng đối mặt với lời thách đấu cuối cùng.

“Cậu định làm gì vậy?”

“Mình sẽ đuổi theo ả, và lần này mình sẽ bắt ả phải trả giá,” cậu quyết định mà chẳng cần tham khảo ý kiến của hai đứa kia.

“Khoan đã, khoan đã! Tôi chưa hiểu rõ lắm...” Một trong ba ngư dân hỏi người gác ngọn hải đăng. “Anh trả cho chúng tôi mỗi người 50 bảng Anh chỉ để đi thả lưới dưới Salton Cliff ư? Đúng là thế ư?”

Hai người còn lại gãi gãi bộ râu dài, họ thấy buồn cười với lời đề nghị quá ư kỳ quặc.

“Anh có còn tinh táo không đấy, Leonard?”

Người gác ngọn hải đăng quay lưng lại phía ngôi làng: ông có vóc dáng lực lưỡng giấu trong chiếc áo phao bằng vải dù màu xanh nước biển. Cơ thể ông răn rỏi, với mái tóc và bộ râu dài hoang dã. Ông chỉ mang một đôi guốc mộc thô ráp xù xì.

“Chính xác,” ông nói, với giọng nói nghe như tiếng nước biển xoáy trong hang.

Một trong ba ngư dân về lại thuyền của mình rồi nói:

“Tôi vừa giữ lưới rồi và muốn tận hưởng phần còn lại của ngày Chủ nhật. Hôm nay cũng là ngày nghỉ đối với chúng tôi cơ mà!”

“Và dù có quăng lưới sâu dưới vách đá, nhiều nhất chúng tôi có thể mò dưới đáy một chút, nhưng cũng chẳng thu được gì đâu, một ngư dân khác nhận định, đồng thời lấy tay che nắng để dỗi nhìn về phía Salton Cliff.”

“Trừ phi thứ anh muốn không phải là cá,” ngư dân thứ ba gãi gãi cái bụng được che vừa đủ bởi một chiếc áo phông có dòng chữ: I AM DAVID BECKHAM.

Leonard Minaxo đổi chân trụ. Ván cầu tàu kêu cọt kẹt. Ông không hề mở miệng nhưng thái độ đầy vẻ hăm dọa.

“50 bảng, như anh nói, là một số tiền không phải nhỏ với ngư dân chúng tôi. Dù vậy, với tư cách là một người bạn, tôi khuyên anh nên quay trở về ngọn hải đăng và kiểm tra xem mọi thứ có hoạt động không.”

“Tất nhiên, Leonard, chúng tôi hiểu: đó là tiền của anh và anh có thể làm gì mình muốn với chúng. Chúng tôi sẽ thả lưới xuống dưới đó và xem có thể kéo được thứ gì lên!”

Ngư dân thứ hai khạc xuống nước.

“Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để kéo lên cái chìa khóa cũ đó, nhưng không thể hứa hẹn bảo đảm với anh điều gì cả.”

Người thứ ba gãi đầu nói thêm:

“Mà cái chìa khóa đó rơi đúng vào giữa những mỏm đá à?”

Chương 11. Ngôi nhà gương

Vệt bụi do chiếc xe máy để lại vẫn còn lơ lửng một quãng dài trên con đường đất Đồng Hồ Cú giúp bọn trẻ lần dấu phi xe đạp bám theo.

Con đường nhỏ ngoằn ngoèo và lên lên xuống xuống giữa những đoạn dốc thoải thoải phủ đầy cỏ, cây cúc gai và những bông hoa nhỏ màu vàng.

Suốt quãng đường đuổi theo chiếc xe máy, ba đứa chẳng hề mở miệng để giữ sức và cũng là để tránh không hít phải quá nhiều bụi.

Thứ đầu tiên mà chúng nhận ra là đồng tàn tích của một cánh cổng cũ kỹ, được xây ở nơi hoang vu không người.

Nó gồm hai cột trụ bằng đá giờ đã bị cỏ dại che mất một nửa. Trên đỉnh cột được trang hoàng bằng những mảnh gương nhỏ, có lẽ đó là những gì còn lại của một kiểu trang trí cổ điển.

Hai cánh cổng bằng kim loại đã hoen gỉ nằm chỏng chơ trên cỏ, như thể có thứ gì đã xô đổ chúng.

“Là mấy cái bánh xích,” Rick nhận định khi nhìn những dấu vết trên mặt đất. “Có vẻ một chiếc xe ủi vừa đi qua đây.”

Jason cúi xuống nhìn kỹ những vết tích còn lại trên đường.

Chị cậu đọc dòng chữ trên tấm biển bằng đồng thau gắn trên cánh cổng:

NGÔI NHÀ GƯƠNG
ĐƯỜNG ĐỒNG HỒ CÚ, KILMORE COVE

“Cái tên này có gợi ra điều gì với cậu không?” Julia hỏi Rick.

“Không,” cậu thừa nhận. “Nhưng dù nó có là gì thì bọn mình cũng sẽ tìm ra.”

Sau cánh cổng, con đường đất quanh co uốn lượn giữa hai đoạn dốc phủ kín cỏ. Trên đỉnh một trong hai ngọn đồi là một dãy những công trình kỳ lạ. Những chiếc cối xay gió cao và hẹp với cánh quạt dài và mảnh vẫn đang uể oải quay đều. Dọc hai bên đường là hai hàng cây tán lá sum sê được trồng cách nhau đều tăm tắp.

“Trên đỉnh đồi là gì thế nhỉ?”

“Hình như là cối xay gió.”

“Mình không chắc thế đâu... Cậu có nghe thấy tiếng ồn đó không?”

Thế nhưng tiếng động đó không đến từ đỉnh đồi kia. Là một chiếc xe tải hạng nặng đang tiến lại gần từ chính hướng mà bọn trẻ vừa đến.

“Nhanh lên các cậu!” Rick kêu lên khi nó nhận ra cái xe.

Chúng kéo lệ những chiếc xe đạp khỏi con đường và nằm bẹp xuống cỏ, nấp sau những thân cây đầu tiên ở đại lộ.

Tiếng ồn tăng dần và một lát sau chúng thấy một chiếc xe tải công kênh chồm đến, với những tấm kính tối màu và một dòng chữ phô trương trên sườn bên phải chiếc xe:



CÔNG TY PHÁ DỠ NHÀ ĐỘC NHÂN & Co.

Chiếc xe lắc lư đi qua cánh cổng rồi âm ỉ chạy cho đến khi biến mất sau ngọn đồi.

“Tốt hơn hết bọn mình nên bám theo thật thận trọng...” Jason thì thào. “Có vẻ sẽ có nhiều người ở đây.”

Chúng bỏ xe đạp lại chỗ cánh cổng, cẩn thận ngụy trang cho chúng bằng những bụi cỏ, sau đó vừa nấp sau các thân cây vừa bám theo. Sau ngọn đồi

chúng bắt đầu nhận ra bóng dáng một ngôi nhà kỳ cục với mái nhà đường như được che phủ hoàn toàn bằng gương.

Ngôi nhà cao, hẹp và rất hài hòa. Những bức tường phủ kín cây leo thường xuân và cửa sổ được tô điểm với những ban công nhỏ có hàng lan can bằng sắt uốn và những nét trang trí bay bướm.

Thế nhưng, khi tiến lại gần hơn, bọn trẻ lại nhận ra tình trạng sập xệ quá mức của ngôi nhà, trông như thể nó đã bị bỏ hoang nhiều năm trời: một vài tấm gương đã bị vỡ và để lại những hố sâu lõm chõm màu đen trên mái, hàng lan can bắt đầu hoen gỉ và rặng thường xuân cũng cần được cắt tỉa.

Trong sân có đến một đồng người và máy móc đi qua đi lại. Bọn trẻ nhận ra cái xe lúc này sém chút nữa đã giết chết Rick đang dựng ở bên lề đường. Xa hơn có một xe ủi đất, với cái cần dài cùng dây xích mang một quả cầu sắt. Chiếc xe tải đến cuối cùng đã đỗ chặn ngang trước ngôi nhà. Quanh đó có bốn người đàn ông to cao vạm vỡ, cơ bắp hằn rõ dưới chiếc áo phông trắng bó sát, quần màu lục lam và mũ loại nhỏ cùng màu, trên đó có hình vẽ một con mắt đang mở.

Bốn người đàn ông đang mãi nói chuyện với hai tay đua xe vẫn bó mình trong bộ đồ màu đen.

Jason, Julia và Rick trườn đi trên cỏ, chúng tiến lại về phía cái sân gần nhất có thể. Khi có thể nhìn rõ hơn, chúng nhận ra Jason đã đứng: hai tay đua đó chính xác là Oblivia Newton và gã Manfred.

Vừa nhận ra tên tài xế của Oblivia, Julia đã cảm thấy nghẹt thở.

“Mọi thứ lại phải làm lại rồi chị Julia...” Cậu em trai thì thầm. “Chị mới chỉ khiến hắn bị dập mũi thôi.”

“Các cậu chờ mình ở đây nhé...” Rick nói và trườn khỏi chỗ nấp.

“Cậu đi đâu đấy?”

“Chỉnh lại cái xe máy của gã kia,” cậu bé người Kilmore Cove trả lời đầy bí ẩn.

Jason và Julia vẫn náu mình trong bụi cỏ.

“Cậu ấy làm gì thế nhỉ? Cậu ấy bị điên à?” Jason thì thào.

“Chị nghĩ đơn giản là cậu ấy đang rất tức giận.”

Trong sân, Manfred bắt đầu bồn chồn, nhìn nháo nhác, như thể gã đã đánh hơi thấy bọn trẻ.

Jason trông thấy bóng Rick biến mất sau một mô đất, rồi một vài giây sau cậu xuất hiện trở lại sau chiếc xe tải của công ty Phá dỡ nhà Độc Nhân.

Hai chị em sinh đôi lo lắng theo dõi nhất cử nhất động của bạn và những kẻ lạ mặt đang nói chuyện với Oblivia. Manfred lại bị cuốn vào cuộc trò chuyện và Rick tranh thủ điều này để chuồn ra chỗ xe máy của Oblivia mà không bị phát hiện. Cậu cúi xuống mấy cái bánh xe và... chỉ trong chốc lát hai cái lốp đã xẹp dí.

Jason và Julia khó khăn lắm mới nhìn được cười: Manfred vẫn đang khua tay múa chân với những người công nhân mà chẳng phát hiện ra điều gì.

Rick phi ra giữa sân rồi trở về chỗ hai chị em sinh đôi.

Nét mặt nó cực kỳ mãn nguyện.

“Bọn mình có thể được biết cậu đã làm thế nào không?” Jason hỏi và vỗ nhẹ vào vai cậu bạn.

“Bí mật nghề nghiệp,” Rick vênh mặt và thích thú với ánh mắt ngưỡng mộ của Julia.

Chúng quay lại quan sát nhóm người kia.

“Bọn chúng đang nói chuyện gì vậy?” Julia hỏi Rick.

“Mình chẳng nghe được gì nhiều,” cậu thừa nhận, nhưng theo mình hiểu ngôi nhà này thuộc sở hữu của Oblivia.

“Ừm... Bọn mình phải khám phá ra điều gì hơn thế chứ,” Jason lẩm bẩm.

“Bằng cách nào đây? Sẽ là quá nguy hiểm nếu tiến lại gần họ như Rick vừa làm,” Julia nói.

Cậu nhóc tóc đỏ chỉ vào chỗ mình biến mất lúc nãy.

“Mình phát hiện ra từ chỗ đó có một lối mòn quanh ngôi nhà. Nếu áp sát từ phía sau, bọn mình có thể nghe họ nói chuyện mà không bị phát hiện.”

Chúng chỉ cần một giây để suy nghĩ trong im lặng.

“Được. Chúng ta thử xem.”

Dưới con đường, ngọn đồi dốc thoải xuống một đồng cỏ um tùm rộng lớn, cỏ cao tận đầu gối.

Xung quanh bọn trẻ trải dài một thung lũng rộng lớn xanh tươi vẫn còn nguyên vẻ đẹp hoang dã, ở đó chỉ có mỗi Ngôi Nhà Gương và những cối xay gió kỳ lạ nằm trên đỉnh đồi. Con đường mòn chạy một vòng rộng xung quanh ngôi nhà rồi đi dọc theo bãi cỏ phía sau lưng nó.

Nhìn từ phía sau, tòa nhà quái lạ ấy dường như không có nóc. Và kỳ quặc hơn, dường như nó được xây dựng trên một bệ đỡ hình tròn được chống bởi những cột trụ kiên cố bằng sắt, khiến tòa nhà trông giống một cái nhà sàn. Tổng thể ngôi nhà giống một cỗ máy bằng sắt, gương, dây leo thường xuân và gỗ hơn là một ngôi nhà theo đúng nghĩa.

Như bị thôi miên, bọn trẻ tiến lại gần ngôi nhà. Vài con chim lớn làm tổ giữa rặng dây leo, ẩn nấp sau tán lá tò mò quan sát ba đứa trẻ.

Rick thấy ngôi nhà và bệ đỡ hình tròn của nó được gắn với nhau bởi những tấm ván bằng sắt và bu-lông cỡ lớn, trông như một cỗ máy khổng lồ. Chạy giữa rặng thường xuân phủ kín bức tường là những đường dây cáp kim loại và đường ống bọc bằng đồng đỏ tạo thành một bộ khung bằng kim loại.

“Rất thông minh,” Rick thốt lên trong lúc nghiên cứu cẩn thận công trình kỳ quặc đó. “Thực sự rất thông minh.”

“Có thứ gì mà thông minh đến vậy?” Julia hỏi cậu trong lúc chúng cùng tới chỗ mấy cột sắt nâng đỡ toàn bộ ngôi nhà, mà không hề bị phát hiện.

Giờ bọn trẻ căng tai lên thì cũng có thể nghe thấy vài đoạn trong cuộc trò chuyện đang diễn ra ở đâu bên kia của ngôi nhà.

“Mình đồn rằng bệ đỡ này...” Rick vừa đáp vừa chỉ vào ngôi nhà, “dùng để làm cho ngôi nhà tự quay quanh chính nó! Mình từng nghe nói vài lần về một ngôi nhà có thể quay...”

“Và cậu chưa bao giờ đến để xem nó thế nào ư?” Jason thốt lên.

“Chưa. Nó cách xa làng quá... Và hơn nữa, nếu không rẽ vào con đường nhỏ, có lẽ bọn mình cũng chẳng bao giờ tìm thấy nó.”

“Một ngôi nhà có thể quay tròn à? Cậu chắc chứ?” Julia hỏi.

Rick chỉ vào những chỗ như thế ngôi nhà dựa vào bệ đỡ qua những bánh xe lớn, giống bánh xe tàu hỏa.

“Thế người ta xây một ngôi nhà có thể quay tròn được là để làm gì nhỉ?” Jason bị lôi cuốn vào chuyện đó, thắc mắc.

“Có lẽ để hướng theo mặt trời. Các cậu có nhìn thấy mái nhà bằng gương không?”

“Có.”

“Mình nghĩ thực ra chúng là những tấm thu năng lượng mặt trời. Còn những chiếc cối xay kỳ lạ trên đỉnh đồi có thể là quạt gió: chúng tạo ra năng lượng từ nắng và gió.”

Lúc ấy có tiếng kêu trầm trầm của loài vật nào đó, tiếng u u, buồn rầu và lặp đi lặp lại từ mái nhà dội xuống.

“Còn tiếng này là tiếng gì nhỉ?”

“Mình không biết nữa. Có vẻ là tiếng chim...”

Julia không bận tâm đến cuộc tranh luận của hai đứa kia và lên vào giữa hàng cột bằng kim loại. Cô bé nhìn thấy một cánh cửa khép hờ ở phía cuối, rồi lách người qua những thanh gỗ chắn một phần trước cửa và ra hiệu cho hai đứa kia đến chỗ mình.

Phía bên kia cánh cửa có một căn phòng thật khó tin. Trông như ở trong phòng điều khiển của một con tàu ngầm hoặc cấu tạo bên trong của một chiếc đồng hồ. Nhìn đâu Rick, Julia và Jason cũng thấy bánh răng, đòn bẩy, ống đồng đủ đủ độ dài, hộp sắt và máy móc không phát ra tiếng động được kết nối với nhau một cách rối rắm. Khoảng trống duy nhất là một hành lang nhỏ ở chính giữa căn phòng.

“Đây chắc hẳn là cơ chế cho phép ngôi nhà quay...” Rick lầm bầm.

“Mình chưa từng nhìn thấy thứ gì tương tự như thế trước đây!” Jason nhìn quanh và thốt lên.

Bọn trẻ bước tới khoảng trống nhỏ ở giữa phòng, nơi đặt một chiếc bàn làm việc cũ kỹ bên trên có dựng những chiếc đòn bẩy truyền lực cho hàng chuỗi bánh răng vô tận. Trên bức tường phía sau chiếc bàn có một thứ giống như bảng điều khiển được khắc những hình vẽ cách điệu: một hình tượng trưng cho ngôi nhà, hình thứ hai tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng. Những hình vẽ khác chỉ hướng quay cho ngôi nhà thông qua những mũi tên.

Từ bảng điều khiển, một số đường ống chạy tới một chuỗi bồn nước nóng và nước lạnh, rồi biến mất sau những bức tường.

Trong căn phòng, sự im lặng thanh bình ngự trị, chỉ đôi lúc bị phá vỡ bởi những đoạn hội thoại từ ngoài sân vọng vào và những tiếng u, u, u lặp đi lặp lại như thể vọng thẳng xuống từ mái nhà.

Rick phủi lớp bụi khỏi những chiếc đèn bầy ở trên bàn và thử đoán chúng dùng để làm gì:

“Những cái này có lẽ dùng để kiểm tra nước nóng. Còn những cái này thì... để kiểm tra năng lượng do cối xay gió trên đỉnh đồi tạo ra.”

“Nhưng mọi thứ có vẻ đã bị bỏ hoang. Chưa lâu, nhưng đúng là bị bỏ hoang...” Jason nói.

“Bọn mình sẽ lo chuyện những chiếc bánh răng sau nhé!” Julia đề nghị. “Cần phải đi tiếp nếu vẫn còn muốn nghe xem họ đang nói gì ở ngoài kia.”

Lối ra khác của phòng điều khiển là một chiếc cầu thang hướng lên tầng trên và rất có thể sẽ dẫn thẳng vào bên trong ngôi nhà.

Hiển nhiên cánh cửa cũng là một tấm gương.

Thứ đầu tiên mà bọn trẻ nghe thấy khi mở cửa là tiếng vỗ cánh. Chúng nhận thấy phải di chuyển thật nhanh xuyên qua bầu không khí bụi bặm và tối tăm của căn phòng nằm ở phía bên kia.

Tiếng u u lại phát ra trong bóng tối.

Bọn trẻ bước vào một căn phòng tiêu điều và chẳng có đồ nội thất nào bên trong. Chỉ có một mùi hoang dại kỳ lạ và cây thường xuân, qua những ô cửa sổ giờ đã vỡ, thâm nhập vào bên trong, tấn công những bức tường. Tường không xây bằng đá mà làm bằng gỗ nhẹ, trên đó vẫn còn dấu vết của những đồ đạc cũ.

Thật cẩn thận để không chạm phải thứ gì, Rick, Julia và Jason đến một căn phòng khách rộng rãi hình bán nguyệt, ở đó mùi hôi đọng lại trong không khí thậm chí còn nồng nặc hơn.

Đến tận đây chúng mới phân biệt được một cách rõ ràng những giọng nói vọng từ ngoài sân vào.

Chúng di chuyển thận trọng, cả ba đứa đều có một cảm giác kỳ lạ: cứ như thể có ai đang quan sát chúng.

Julia nhìn ngó xung quanh và trên đỉnh cầu thang tối om, cô bé cảm thấy vừa thoáng bắt gặp một loạt những cặp mắt bự màu vàng.

Tiếng u u lại phát ra trong bóng tối.

“Jason...” Cô bé thầm thì khi nhận thấy chúng.

Nhưng hai đứa kia đã tới chỗ cửa sổ nhìn ra sân. Những ô cửa sổ cao và hẹp, được bảo vệ bởi những song sắt uốn. Kính đều đã vỡ tan tành và cửa chớp thì được vá lại bằng những thanh gỗ đóng đinh chồng lên nhau.

Giữa hai ô cửa sổ có một cánh cửa lớn vào nhà gần như đã bị bật khỏi bản lề và nghiêng vào phía trong một cách nguy hiểm.

Một lần nữa Julia lại nghe thấy tiếng vỗ cánh từ những tầng trên. Cô bé cố lờ đi và nhìn ngó xung quanh.

Căn phòng đã bị lấy đi mọi thứ: chỉ còn lại mỗi bộ khung của một chiếc đồng hồ cú cu cỡ lớn với máy móc bên trong vương vãi khắp trên sàn, một chiếc bàn tròn bằng kim loại bên trên có khắc mặt chim cú và ba chân bàn ở chính giữa trông giống chân chim.

“Là những con cú,” lúc ấy Julia mới quả quyết. Những đôi mắt to vàng và mọng nước mà cô bé đã lờ mờ nhìn thấy trên đỉnh cầu thang chính là những đôi mắt cú.

Jason và Rick liếc nhìn ra bên ngoài: Oblivia và bốn người đàn ông của công ty Độc Nhãn đang xì xào bàn bạc với nhau quanh vật gì đó trải trên cốp xe tải.

“Tất cả bản đồ của bọn mình!” Rick thầm thì ngay khi nó nhận ra đó là vật gì.

Trên cốp xe tải chính là tất cả bản đồ của Thos Bowen mà bọn trẻ tìm thấy ở Xứ Punt.

“Các người phải phá tan ngôi nhà gớm ghiếc này cho ta!” Oblivia Newton nói. “Nhưng các người cứ làm từ từ thôi, từng bức tường một.”

Người công nhân trong đội phá dỡ cời chiếc mũ và gãi phần sọ láng bóng sau tai.

“Việc này có thể sẽ khó khăn, bởi vì...”

“Ta không quan tâm việc này khó thế nào!” Cô ả Oblivia quát tháo. “Ta phải tìm một cánh cửa!”

“Cô chắc là nó vẫn còn chứ?”

“Tất nhiên là ta chắc! Phải chi các người biết ta vất vả thế nào để có thể chắc chắn về điều đó!”

Oblivia Newton nắm chặt tất cả bản đồ của Thos Bowen giữa hai tay.

Gã nhân viên công ty Độc Nhân giơ tay như để nói rằng anh ta tin điều đó. Bên cạnh anh ta, gã Manfred khúc khích cười hài lòng vì ít nhất một lần cơn điên của Oblivia đã hướng sang kẻ khác.

“Xin lỗi cô nếu tôi hỏi điều này, nhưng nếu cánh cửa có ở trong ngôi nhà này...” Người công nhân hỏi, “thì tại sao chúng tôi lại phải phá nhà?”

“VÌ TA KHÔNG TÌM THẤY!” Oblivia hét lên. “Cánh cửa đó đã bị giấu đi, bị bít kín trong kẽ tường nào đó, bị chôn vùi trong hầm, ta không biết! Chính vì thế ta mới gọi các người: các người hãy dỡ từng bức tường một, chừng nào cánh cửa lộ diện mới thôi.”

“Còn một khi chúng tôi tìm được nó?”

“Một khi tìm được nó các người có thể biến đi đâu mà các người muốn!”

Bốn người của công ty Độc Nhân có vẻ còn lưỡng lự: họ chưa từng nhận được công việc nào tương tự như thế.

“Thưa cô, ngoài việc chuyện này vô cùng ngớ ngẩn... tất nhiên nhà là nhà của cô và tiền cũng là tiền của cô... tôi muốn cô hiểu rằng việc này có thể còn nguy hiểm nữa. Tôi thấy ngôi nhà không hề bình thường một chút nào. Tường làm bằng nhôm và gỗ. Mái nhà làm bằng gương. Có vẻ cũng đầy rẫy những đường ống và thiết bị trông thật khiếp sợ.”

“Một trang nam nhi cao lớn và vạm vỡ như anh lại sợ ngôi nhà đồ chơi của một người thợ đồng hồ à?” Oblivia Newton chế giễu anh ta. “Anh đừng có làm cho tôi buồn cười chứ! Tất nhiên nó được xây bằng nhôm và gỗ rồi! Vì nó phải đủ nhẹ để có thể quay được!”

Trong phòng khách, Rick mỉm cười. Nó đã nhìn nhận đúng, ngôi nhà ấy thật sự quay được.

“Dĩ nhiên là không phải ngày nào cũng thấy một tòa nhà tương tự...” Người công nhân của công ty Độc Nhân nhận xét. “Nó chẳng khác nào một ngôi nhà đồ chơi!”

Oblivia cười khẩy mỉa mai.

“À, nó từng là đồ chơi của chủ nhân nó... Peter Dedalus, một người đàn ông nhỏ thó chỉ cao chừng này... Một tài năng đó...”

Và cô ta chỉ vào rốn mình để ám chỉ chiều cao.

Khi nghe cái tên đó, Rick thấy choáng váng.

“Ngôi nhà này đúng là một món trang sức nhỏ về công nghệ cơ khí,” người đàn ông ở công ty Độc Nhãn nói thêm trong lúc đội lại chiếc mũ lên đầu, “và nó còn hơn thế, nếu thực sự như cô nói, nó có thể tự sản xuất ra nguồn điện.”

“Không hề có một đường dây điện nào. Và cũng chẳng có điện thoại,” Oblivia khẳng định. “Mọi thứ đều được tạo ra từ những thứ trên mái nhà...”

“Những tấm pin năng lượng mặt trời.”

“Những thứ quái đản năng lượng mặt trời thì có!” Oblivia hét lên. “Trong một ngôi nhà quái đản! Nào các anh, hãy kéo đổ nó xuống!”

Khi từ the thé cuối cùng đó vọng vào bên trong phòng khách trống trơn, một tiếng vỗ cánh điên cuồng vang lên khắp ngôi nhà.

Oblivia và đám công nhân ngoảnh lại nhìn ngôi nhà.

“Tôi nghĩ có con vật nào đó ở bên trong, một công nhân nói.”

“Ta không quan tâm,” Oblivia đáp lại. “Ta đã nói với anh việc cần làm rồi đấy! Cứ bắt đầu đi!”

“Chúng tôi sẽ làm như cô muốn,” người đàn ông khép lại cuộc nói chuyện với đôi chút tiếc nuối. “Chúng tôi đi một vòng bên trong rồi sẽ bắt tay vào việc.”

Ba đứa trẻ lùì thật nhanh khỏi ô cửa sổ. Julia bước hụt và ngã dựa vào chiếc bàn chân cú phía sau cô bé. Chiếc bàn phát ra một thứ âm thanh kim loại dầy ghê rợn và giống như một chiếc lò xo, nó bật lại phía sau vài phân.

Julia lặng người nhìn nó với đôi mắt tròn tròn và bộ não không có khả năng đưa ra một lời giải thích logic. Điều đó đã thực sự xảy ra, hay chỉ là kết quả của trí tưởng tượng của cô bé?

“Jason...”

“Gì vậy?”

“Cái bàn biết tự di chuyển.”

“Được rồi, Julia... Chờ chút, em tới đây.”

Jason và Rick lần ra núp sau cửa vào Ngôi Nhà Gương và từ đó chúng lại liếc nhìn ra phía ngoài qua khe cửa.

Đám công nhân của công ty Độc Nhãn bắt đầu hối hả ở phía sau chiếc xe tải. Oblivia và Manfred ung dung tiến lại gần cánh cửa gỗ xiêu vẹo.

“Thế là xong! Thế là sắp phá được cái túp nhà lụp xụp này rồi!” Oblivia vừa quan sát lối vào Ngôi Nhà Gương với vẻ ghê tởm vừa thốt lên.

Rồi thận trọng không để những người công nhân nghe thấy, cô ta quay lại rí tai với Manfred:

“Chúng ta sẽ tìm thấy nó nhanh thôi, rồi người thấy! Không có tấm bản đồ thì có khi ta phải mất cả trăm năm mới tìm ra cánh cửa đó! Nhưng nó được chỉ dẫn ở đây rồi, ngay trong ngôi nhà của Peter! Ôi, chưa bao giờ ta thấy hạnh phúc như vậy trong đời!”

Julia vẫn đứng bất động ở chính giữa phòng khách.

“Chị nói thật đấy Jason,” cô bé thì thào. “Chị chỉ khẽ chạm vào nó thế mà... cái bàn kỳ lạ này... đã bước một bước!”

Trước cửa vào nhà, Oblivia mở tấm bản đồ của Thos Bowen, ngắm nghía nó rồi lại cuộn nó lại kẹp dưới cánh tay.

“Mà những kẻ vô tích sự kia còn lãng phí bao nhiêu thời gian nữa chứ? Không biết chúng còn tìm cái gì trong xe tải nữa? Đúng là cái lũ đầu óc ngu si tứ chi phát triển!”

Manfred, một kẻ cũng đầy cơ bắp, đã gật đầu đồng tình. Ngay sau đó gã bắt đầu dò xét cánh cửa.

Jason và Rick nín im thit thít đằng sau cánh cửa và qua những khe cửa, chúng cảm thấy ánh mắt sục sạo của Manfred đang chiếu thẳng vào mình.

Trong phòng khách, Julia vươn tay chạm vào bàn một lần nữa.

Manfred tỏ vẻ hoài nghi.

Oblivia, hai tay chống nạnh, ngược nhìn lên phía mái nhà bằng gương.

“Chúng sẽ bắt đầu từ đó, từ cái mái nhà lổ bịch làm nóng nước kia! Người có nghe thấy tiếng huyền não không? Ê, mấy con vật kia là gì đấy? Cú à? Kinh tởm, đúng là những con vật xấu xí! Nào, hãy dùng cái xe ủi kia kìa! Hay chúng ta phải dùng vai để xô đổ cánh cửa đây?”

Ngay lập tức Manfred thử độ chắc của cánh cửa ở lối vào. Gã vừa mới chạm tay lên đó, nó đã kêu cọt két.

“Chẳng cần đến vai đâu. Nó có thể tự đổ mà...” Gã buông lời bình luận.

Rick và Jason nín thở.

Julia ngược mắt về phía đầu cầu thang. Đậu vắt vẻo trên đầu tay vịn, trông không khác gì một bức tượng, một con cú khổng lồ lông sáng màu đang nhìn cô bé chăm chăm.

Cô bé chạm vào chiếc bàn tròn bằng kim loại. Và...

“HÃY NHẬN LẤY NÀY!” Rick đột nhiên hét lên. Nó hích vai vào cánh cửa và khiến nó lắc lư đầy đe dọa về phía Manfred khiến gã phải giơ hai tay lên để đỡ.

Oblivia rú lên.

Jason hiểu ngay ra ý đồ của cậu bạn liền quay sang giúp sức đẩy cánh cửa. Sau tiếng cọt két vô vọng, bản lề cánh cửa long ra và đổ sập lên đầu Manfred.

Con cú trên đỉnh cầu thang cất cánh liệng vào phòng khách.

“Chạy đi, nhanh lên!” Jason hét lớn và đưa mắt tìm chị nhưng thay vào đó nó bắt gặp khuôn mặt tròn trịa của con cú đang bổ nhào về phía nó.

“Chạy thôi! Chúng ta phải chuồn thôi! Nếu chúng tìm ra, chúng ta sẽ như tử mất!”

Julia vẫn đứng cạnh chiếc bàn.

Cô chạm vào nó: nó lạnh ngắt và đầy bụi. Bất động. Sau đó cô bé ngây người nhìn con cú dang cánh lượn về phía lối ra.

Hai cậu bé chạy tới chỗ cô chỉ trong nháy mắt.

“Con cú...” Julia cố giải thích. “Cái bàn... và rồi... nó xuất hiện trên đầu cầu thang.”

Jason giật mạnh lấy chị.

“Chuồn thôi, Julia! Trước khi chúng nhận ra bọn mình! Không thể ở đây thêm một phút nào nữa! Á đó có khả năng làm mọi thứ đó...”

Con cú biến mất giữa làn bụi bốc lên từ cửa ra vào và giờ thì cất tiếng kêu ở ngoài sân, giữa những tiếng gào thét của Oblivia.

Ba đứa trẻ bỏ chạy thật nhanh khỏi phòng khách.

Một giây trước khi ra khỏi đó, Rick còn kịp liếc thấy trên sàn nhà bụi bặm, gần chỗ cái bàn vẫn còn ba dấu vết hình tròn rõ ràng.

Cứ như chiếc bàn đã cử động trên chính chân nó vậy.

Chương 12. Thay đổi kế hoạch

Bọn trẻ xuống cầu thang, chạy thật nhanh ra khỏi cửa, đến cánh cổng và cuối cùng quay về chỗ trốn giữa bãi cỏ cao. Chúng nhìn quanh quất đầy nghi hoặc, cố tìm hiểu xem có ai nhận ra chúng không... Đúng lúc đó cả bọn nghe thấy tiếng xe ủi đất khởi động. Chúng im lặng nhìn trần trời Ngôi Nhà Gương và cả ba đều cảm thấy một nỗi bất lực ủa đến bất chợt nhưng vô cùng mạnh mẽ.

Sau đó xảy ra một điều lạ thường: cả một đàn cú bay mòng mòng xung quanh mái nhà.

“Mình chưa từng thấy nhiều cú như vậy!”

“Chúng có bao nhiêu con nhỉ?”

“Và chúng đang làm gì vậy?”

Những con chim bị quấy rầy vì tiếng ồn và ánh sáng mặt trời đang bay nháo nhác thành những vòng nhỏ xung quanh ngôi nhà. Chúng bay ra từ cửa sổ ở tầng hai, cất lên những tiếng thét chói tai và liệng vòng vòng trong sân.

Oblivia gào lên:

“Cút khỏi đây! Cút đi, mấy con vật gớm ghiếc!”

“Mình nghĩ chúng đang cố bảo vệ ngôi nhà,” Rick nói. Xe ủi đất vẫn tiếp tục nổ máy.

“Họ sẽ đánh sập ngôi nhà thật sao?”

“Chúng ta phải ngăn việc này lại!” Rick thốt lên.

“Đi thôi, lẹ lên! Mình không muốn nhìn nữa!” Julia thốt lên và rảo bước thật nhanh để tránh xa cảnh tượng đó. “Chúng ta chẳng thể làm gì... Và nếu bị phát hiện bây giờ thì quá mạo hiểm...”

Jason và Rick vẫn ở lại đó nhìn chiếc xe ủi đất bắt đầu di chuyển giữa những tiếng gào rú của đàn cú.

“Quý tha ma bắt Oblivia Newton và cái kẻ đã sinh ra ả!” Jason gầm gừ khi nó nghe thấy tiếng rên rỉ đầu tiên của ngôi nhà khi bị quả cầu sắt dội vào.

“Không!” Julia hét lên và bịt hai tai lại.

“Chúng đang đập mái nhà!”

“Bọn mình phải làm cái gì đi chứ!” Jason đề nghị.

Ấy vậy mà bọn trẻ cứ như bị tê liệt. Cứ mỗi một nhát đập chúng thấy ruột gan mình như thắt lại.

Cuối cùng chúng đầu hàng trước ý nghĩ mình chẳng thể làm gì: người phụ nữ kia và tên tài xế của ả cực kỳ nguy hiểm. Và chúng thì chỉ là ba đứa trẻ.

Chúng tìm lại những chiếc xe đạp giấu lúc nãy và đạp xa khỏi chỗ đó, cố không quan tâm tới những tiếng ồn nghe thấy từ phía sau lưng.

Jason tím tái vì giận dữ. Rick cố tự an ủi bằng ý nghĩ nó đã hạ Manfred. Julia thì bối rối và buồn rầu.

Những chiếc cối xay gió trên đỉnh đồi dường như đã ngừng chạy, chúng bị bất ngờ trước sự hung hãn của chiếc xe ủi và giờ chúng chẳng có cơ gì để tồn tại.

Đậu trên đỉnh mỗi chiếc cối xay gió là một con cú.

“Mình muốn đánh sập ngôi nhà của ả!” Julia gầm gừ khi bọn chúng đã ở khá xa và có thể tìm được một chỗ an toàn để dừng xe.

Ngồi bệt xuống đất, qua những cọng cỏ, chúng thấy biển im lìm và sâu thẳm thẳm.

“Mình muốn... mình chẳng biết mình muốn gì nữa, nhưng mình muốn có người ngăn chúng lại! Và trừng phạt mụ phù thủy Oblivia!”

Rick lượm một viên đá và ném thật mạnh thật xa. Rồi cậu chia phần nước cuối cùng cho các bạn. Nước ấm áp và dính dính.

Jason lắc đầu chán nản. Cậu ngậm trong miệng một ngọn cỏ dài và nghiền lại đầy giận dữ.

“Bọn mình đã đứng về tám bản đồ,” một lúc sau cậu nhóc nói.

Rick ngồi xuống bên cạnh cậu.

“Và cả về những cánh cửa. Không chỉ có cái ở Biệt thự Argo và ở nhà bác Biggles. Còn có những cái khác nữa được giấu quanh vùng.”

“Bọn mình phải lấy lại tám bản đồ đó và tìm ra có bao nhiêu cánh cửa. Chúng đang ở đâu. Và chúng dùng để làm gì.”

Cả ba đứa trẻ không nói rõ ra nhưng đều cảm thấy phải quay trở lại Ngôi Nhà Gương trong lúc nó đang bị giày xéo. Dù sao chúng cũng đã phần nào nhụt chí với việc theo đuổi kế hoạch ban đầu là đến nhà Oblivia Newton. Giống như khi chúng kiến cảnh mở màn trong cuộc phá hủy ngôi nhà, chúng đột nhiên nhận thấy người phụ nữ đó độc ác đến nhường nào.

“Theo các cậu tại sao Oblivia lại đi tìm một cánh cửa mới? Cánh cửa ở nhà bác Biggles chưa đủ với cô ta sao?”

“Mình không biết!” Jason ôm đầu thốt lên. “Mình chẳng còn hiểu được gì cả! Oblivia là ai, cô ta muốn gì, những cánh cửa này là gì, có bao nhiêu chiếc, chúng ở đâu, chúng dùng để làm cái quái gì! Khi thật! Tại sao chẳng có ai giúp chúng ta?”

Cậu ném ngọn cỏ đi và ngắt một ngọn khác, nhưng ngọn cỏ bám quá chắc.

“Chị giúp nhé!” Julia mỉm cười.

Bị chạm vào lòng tự ái, Jason làm xước ngón tay chỉ để giật cho bằng được ngọn cỏ. Rồi sau đó, mặc dù ngọn cỏ to đến tức cười, nó vẫn bỏ vào giữa hai hàm răng.

Một con chim mòng biển rít lên những tiếng the thé và đập cánh tại chỗ phía trên đầu chúng, mặc cho gió cứ thổi. Giống con chim mòng biển đó, Rick dường như không thể cử động hay nói năng gì, cậu đang chìm trong những suy nghĩ riêng.

“Mình biết ai là chủ nhân ngôi nhà đó...” Rốt cuộc cậu nói. “Ông ấy là thợ làm đồng hồ ở Kilmore Cove. Ông từng có một cửa hiệu ở Ngõ Kẹo Chubber. Mình từng vào đó một lần với bố.”

Ánh mắt của Rick lập tức trở nên bừng sáng.

“Đó... đó là ngày đầu tiên mình đi học. Bố con mình đi bộ tới tận cửa hiệu. Chỉ đến giờ mình mới nhớ ra hình vẽ trên tấm biển Đồng Hồ Cú mình từng nhìn thấy ở đâu: con cú màu trắng ngậm một chiếc đồng hồ trên mỏ. Đó là tấm biển cửa hiệu của ông ấy. Và bên dưới có viết:

Peter Dedalus

*Chuyên đồng hồ, quả lắc và những thứ
giết thời gian vô bổ khác”*

Jason ngừng nhai ngọn cỏ và nhổ nó ra.

“Trên cánh cửa có treo một chiếc chuông nhỏ, loại vẫn kêu mỗi khi mở cửa,” Rick tiếp tục hồi tưởng. “Bây giờ thì ai cũng có nhưng thời ấy người thợ đồng hồ là người duy nhất có nó, và mình cứ đứng yên đấy cả mấy phút chỉ để mở và đóng cửa cho nó kêu. Cuối cùng bố buộc lòng phải đưa mình lên trên. Trong cửa hiệu toàn đồng hồ. Đồng hồ nhỏ, đồng hồ to, đồng hồ khổng lồ. Mọi kiểu dáng và màu sắc. Mỗi chiếc lại kêu tích tắc theo kiểu khác nhau... Ông Peter Dedalus lúc ấy đang ở phía sau cửa hiệu. Có một tấm rèm, hình như thế, và từ phía sau phát ra một bản nhạc. Dù chưa từng được nghe lại bản nhạc đó nhưng mình chắc chắn sẽ nhận ra nó ở bất kỳ đâu.”

“Ông Peter này là người thế nào?”

“Mình quá say mê những chiếc đồng hồ đến mức không để ý gì đến ông ấy. Nhưng... có vẻ đó là một người đàn ông nhỏ bé với cái mũi dài, một chiếc áo khoác ngoài bị lấm lem hết cả và một nụ cười tươi. Mình còn nhớ bố mình đã nói: ‘Chào anh Peter, tôi mang con trai tôi tới với anh đây.’ Rồi bố nói với mình: ‘Rick, chào bác Peter đi con.’ Rồi bố giải thích cho mình mọi việc: bố con mình tới đây bởi vì ông muốn tặng cho mình một chiếc đồng hồ để đi học. Bố nói với mình là tất cả những đứa trẻ quan trọng đều có một chiếc đồng hồ, để lúc nào cũng đến lớp đúng giờ. Thế là ông ấy làm riêng một chiếc cho mình.”

Rick gỡ khỏi khung xe đạp một chiếc đồng hồ đeo tay và cho hai chị em sinh đôi xem.

“Bây giờ thì dây đeo quá nhỏ rồi, mà ông Dedalus không còn ở đây nữa để thay nó.”

Đó là một chiếc đồng hồ tự động có mặt khắc rõ ràng với hình vẽ một con cú trắng ở chính giữa. Dưới con cú có hai chữ cái đầu trong tên của người làm ra nó: P.D.

“Nó thật đẹp,” Julia thốt lên.

Jason thì chưa từng đeo đồng hồ trong đời, cậu nhóc chỉ đặt trên tay ước lượng.

“Và rất nhẹ.”

Rick nhún vai.

“Nó chưa từng chậm một giây nào. Ông Peter là người cực kỳ chính xác trong những điều ông ấy làm.”

Đột nhiên, cả ba đứa đều hoảng sợ khi tưởng tượng những gì đang diễn ra lúc ấy trong ngôi nhà của ông.

“Có lẽ bọn mình nên báo cho ai đó... để tìm cách ngăn chúng lại,” Julia gợi ý.

“Ai chứ? Hôm nay là Chủ nhật đấy,” Rick nhắc cho cô bé nhớ và lấy lại chiếc đồng hồ. “Và trong mọi trường hợp sẽ chẳng có ai bận tâm tới điều xảy ra với ngôi nhà của ông Peter Dedalus đâu. Tội nghiệp ông Peter!”

“Tại sao? Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy vậy?”

“Chẳng ai biết. Một ngày nọ ông ấy biến mất hoặc, chí ít đó cũng là những gì mẹ mình kể lại.”

“Ông ấy chỉ biến mất như thế thôi, mà chẳng để lại lời nào với ai ư?”

“Đúng là như thế: ông cứ bỏ lại cửa hiệu như vậy và không quay về nữa.”

Đột nhiên Jason phán đoán điều có thể đã xảy đến với ông ấy:

“Ông ấy đã phát hiện ra cánh cửa.”

“Như thế nào?”

“Một hôm ông Peter Dedalus phát hiện ra Cánh Cửa Thời Gian ở nhà mình. Ông ấy đã mở nó ra và không quay lại nữa. Đó chính là những gì xảy ra với ông ấy.”

Đơn giản mà lại rất khó tin.

Một phán đoán hoàn hảo.

Jason đứng bật dậy và dạ dày cậu sôi lên vì đói.

“Nhân tiện chuyện mấy cái đồng hồ, các cậu có biết mấy giờ rồi không?”

“Ba rưỡi.”

“Các cậu thấy thế nào nếu bọn mình đi ăn gì đó?”

Nhưng Julia vẫn ngồi nguyên ở đó tưởng tượng về câu chuyện của Rick.

“Còn cửa hiệu? Nó vẫn còn chứ?”

“Ồ, có chứ. Tất nhiên là nó vẫn còn...”

Chương 13. Kẻ sống sót

Oblivia Newton tiến lại chỗ tài xế của mình và chì chiết:

“Chỉ còn thiếu mỗi việc này thôi! Có lẽ nào người luôn ở không đúng chỗ và không đúng lúc hả?!”

Sau khi giúp gã thoát khỏi những mảnh vụn của cánh cửa ra vào Ngôi Nhà Gương, đám công nhân của công ty Độc Nhân dọn sẵn một tấm mền trắng để gã nằm lên. Thế nhưng Manfred chối từ cách đối xử như với một người bệnh và gã vẫn gắng đứng quan sát màn mở đầu của việc phá dỡ.

Bộ đồ kiểu tay đua của gã bám đầy bụi và vụn gỗ. Mũi gã bắt đầu rỉ máu, buộc gã phải liên tục đưa khăn giấy lên thấm và nặng nhất là cặp kính râm của gã một lần nữa lại bị vỡ tan tành.

Gã quay sang nhìn Oblivia và lau bầu điều gì đó khó hiểu.

“Ta có thể biết trong đầu người đang nghĩ gì không? Để cho cánh cửa đổ vào người! Nó có thể giết chết người đấy!” Cô ta đay nghiến.

“Tôi khỏe lắm,” Manfred đáp lại. Một mảnh dăm gỗ đâm vào dưới móng tay cái khiến gã đau đớn mỗi khi cử động. “Vả lại tôi không chắc đó là lỗi của mình.”

“Lại cái giọng này hả Manfred?” Oblivia chế giễu gã. “Chắc người cũng đã nghe thấy tiếng quang quác của một con trong bầy chim xấu xí kinh tởm đó chứ!”

“Tôi nghe thấy có một giọng nói ở trong nhà, ngay trước khi cánh cửa đổ ụp xuống.”

“Thế nó nói gì với người? Nghe xem nào!”

“Nhận lấy này!” Manfred nhớ lại với một chút bức tức.

Chiếc xe ủi đất với quả cầu bằng kim loại nện lên mái của Ngôi Nhà Gương. Đám công nhân công ty Độc Nhân đứng dưới đất điều khiển nó thật chính xác. Tất cả bọn họ đều đeo kính và mũ trùm bằng nhựa đen để bảo vệ đôi tai.

Những tấm thu năng lượng mặt trời tạo nên mái nhà bị đập vỡ từng miếng từng miếng một. Thi thoảng cần xe ủi đất lại đu đưa để tung quả cầu sắt đập vào những bức tường và cột chống ngôi nhà. Mỗi nhát đập lại tạo ra một âm thanh đing tai nhức óc.

Oblivia thích thú lấy tay xoa bụi trước mũi:

“Chẳng phải một màn trình diễn tuyệt vời sao?”

Ả kẹp dưới chân một chiếc ba lô du lịch chứa đầy những thiết bị bí ẩn.

“Rất tuyệt vời...” Manfred ấn chiếc khăn giấy vào mũi và lẩm bẫm.

Đột nhiên quả cầu sắt bị mắc kẹt vào một góc nhà và đám công nhân công ty Độc Nhãn bắt đầu rối rít tìm cách gỡ nó ra.

Với âm thanh cọt két đáng ngờ, toàn bộ kết cấu của Ngôi Nhà Gương bắt đầu xoay một cách chậm rãi. Giống như thế nó được cài đặt một cơ chế phòng ngự khẩn cấp khiến cho quả cầu kim loại bị mắc vào bẫy và sau đó kích hoạt chuyển động quay của ngôi nhà.

“Đúng là một lũ ăn hại!” Oblivia gào lên. “Ta đã nói với các người nó có thể quay mà!”

Trong khi ngôi nhà đang quay, sợi xích của chiếc xe ủi đất cũng bắt đầu bị căng ra. Đám công nhân của công ty Độc Nhãn càng trở nên cuống quýt hơn.

“Ta đã đoán sẽ có rắc rối mà,” Manfred phán.

“Nếu ngôi nhà vẫn tiếp tục quay,” gã nghĩ bụng, “hoặc sợi xích sẽ bị đứt hoặc cái xe ủi đất sẽ bị lật. Thật may mình đã đỗ xe ở phía đối diện.”

Một âm thanh khủng khiếp vang lên.

Oblivia Newton lấy hai tay che mắt.

“Tại sao xung quanh mình toàn một lũ ăn hại thế này?” Cô ta thốt lên khi chiếc xe ủi nghiêng dần rồi đổ gục xuống đất, rồi nó bị Ngôi Nhà Gương cuốn đi.

Trên đỉnh đồi, những chiếc cối xay lại bắt đầu quay vù vù.

Chương 14. Cánh cửa chỉ giờ

Ngõ Kẹo Chubber có cái tên này là nhờ cửa hàng bánh kẹo Chubber nằm ngay góc của con ngõ.

Cửa hàng có hai tủ kính chẳng có gì đặc biệt, một cái quay mặt về phía con ngõ nhỏ, cái còn lại quay mặt về quảng trường chính của Kilmore Cove, với những tấm rèm bằng ren bảo vệ kho báu của cửa hàng: vô số những chiếc bánh kem cuộn nhỏ, bánh phủ đường và bánh sô-cô-la hình cây nấm. Bên trong, hương ca-cao, va-ni, hương quế và đường kính ngào ngọt trong cánh mũi và quện vào quần áo khiến vị khách hoài nghi nhất cũng phải nở một nụ cười mãn nguyện.

Julia, Jason và Rick tìm lại được vẻ thanh thản nhờ khay bánh nướng nho khô, bánh xốp nhân kem dâu và bánh mì nhân sô-cô-la đắng.

Chúng đứng ăn trước tấm biển cửa hiệu đồng hồ của Peter Dedalus, chuyền cho nhau cái khay cho đến khi hết sạch những mẫu vụn cuối cùng.

Con cú ngậm đồng hồ trên mỏ vẫn còn đó, nhưng cửa kính duy nhất của cửa hiệu đã bị niêm phong bằng một thanh gỗ dày, chẳng chừa lại một khe hở nào. Lối vào được một cánh cửa vững chãi bảo vệ và được gia cố thêm bằng cánh cổng sắt uốn có một tấm bảng ở chính giữa với ổ khóa kỳ cục và cực kỳ phức tạp.

Trên cánh cổng có treo một tấm biển qua sợi dây bằng sắt:

NHƯỢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIÁ CỰC KỲ ƯU ĐÃI
Điện thoại: ***7480020
(VÀO TỪ SÂN SAU)

Ba đưa mút nốt chổ sô-cô-la còn dính trên ngón tay và làm theo chỉ dẫn: chúng đi qua một cổng vòm bằng đá, qua một lối đi mờ tối rồi chui ra một khoảng sân nhỏ nằm phía sau cửa hiệu. Đến đây chúng nhìn thấy một cánh cửa rất hiện đại được trổ một cách gượng ép vào bức tường cùng đồng xi-măng mới trát gần đây trông hoàn toàn chẳng ăn nhập gì với phần còn lại của tòa nhà. Cứ

như thể có người đã đột nhập được vào cửa hiệu từ phía sau và sau đó để ngăn chặn những người khác vào được bên trong, đã chặn lối vào bằng cánh cửa đó.

“Hay thật,” Jason kêu lên khi phát hiện cánh cửa bị khóa trái. “Mình nghĩ không thể vào từ chỗ này...”

Bọn trẻ quay lại cánh cổng phía trước và xem xét ổ khóa.

“Xem ra nó là một trong số những món đồ kỳ quặc của ông ấy,” Rick nhận xét. “Mình chẳng ngạc nhiên nếu người ta phải đục tường từ phía sau để vào! Peter Dedalus nổi danh khắp làng vì những thứ máy móc kỳ dị như thế này,” cậu nhóc giải thích cho hai chị em sinh đôi. “Người ta đồn là ông ấy đam mê lắp ráp các loại máy móc chính xác có thể làm được những công việc khó khăn nhất: cánh tay di động chép các bản nhạc, bàn tay máy gấp trứng khỏi bếp khi chúng chín, những con rô-bốt nhỏ có thể tự cử động...”

“Giống cái bàn ở nhà ông ấy!” Julia thốt lên.

“Ơ hay, chị có thôi ngay chuyện về cái bàn có thể di chuyển được không?!”

“Jason, mình nghĩ chị cậu nói đúng đấy,” Rick chen vào bên vực cô bạn. “Mẹ mình hay kể cho mình về một căn phòng khách với những chiếc ghế bành có thể di chuyển khắp phòng. Bà nói chúng có thể sẽ có ích cho việc sắp xếp và dọn bàn ăn.”

Bọn trẻ phì cười khi tưởng tượng ra cảnh đó.

Tấm bảng vuông nằm ở giữa cánh cổng đúng là độc đáo: chẳng có chỗ nào để đục chìa khóa hoặc vận hành một cơ chế nào cả. Có chẳng chỉ là một mặt đồng hồ với hai cái kim dài bất động, một quyển lịch vạn niên nằm ở hình bán nguyệt phía trên và hai vòng tròn bên cạnh, một ở bên phải và một ở bên trái.

Jason thử quay cái bên phải và phát hiện ra mọi thứ vẫn còn hoạt động: kim đồng hồ chuyển động ngay tắp lự. Vòng tròn phía bên kia dùng để lên dây cót.

“Thiết bị của ông Peter lúc nào cũng hoàn hảo,” Rick hài lòng nhận xét.

“Mình không nghĩ vậy. Số năm trong lịch bị chạy quá rồi,” Julia thêm vào.

“Bây giờ mấy giờ rồi?” Jason hỏi.

“16 giờ 15 phút.”

“Có lẽ để vào được cửa hàng chỉ cần chỉnh đúng giờ và lên dây cót...”

Cậu vặn đồng hồ đến bốn giờ mười lăm phút và lên vài vòng dây cót.

Không có chuyện gì xảy ra.

“Có lẽ em phải lên hết dây cót,” Julia gợi ý.

Jason cho cô xem mấy đầu ngón tay đỏ lừ.

“Sao chị không làm việc này đi nhi?” Cậu đáp. “Ngón tay em đang gãy cả ra đây này.”

“Vậy thì chẳng có lý gì chị lại phải làm cho ngón tay mình bị gãy cả.”

“Chính chị đề ra ý tưởng tới đây còn gì!”

Julia chống tay lên hông:

“À, thế à? Nếu là em thì em sẽ làm thế nào? Liệu em có kế hoạch nào hay hơn không?”

“Em sẽ chạy thật nhanh về Biệt thự Argo để nói chuyện với ông Nestor. Có thể ông ấy biết gì đó về ông Dedalus này, về Ngôi Nhà Gương, về cách những cánh cửa vận hành và về người đã giấu chúng. Các cậu đã nghĩ về điều này chưa? Ai là người đã giấu những cánh cửa?”

“Ông Ulysses Moore?” Julia đánh liều.

“Không!” Jason phản bác lại. “Ông Ulysses Moore đã để lại những dấu vết để chúng ta tìm ra chúng. Ông ấy không giấu những cánh cửa. Ngược lại, ông ấy muốn bọn mình tìm thấy chúng!”

Julia nghĩ ngợi một lúc, cô bé hoàn toàn bị thuyết phục. Cô bé chờ Jason lên hết dây cót đồng hồ một cách vô ích rồi nói:

“Dù như vậy thì cũng chẳng có gì xảy ra cả...”

Thế nhưng, sau một tiếng tích tắc rất ngắn, kim đồng hồ bắt đầu chạy, và cả quyển lịch vạn niên cũng vậy.

Cuối cùng kim chỉ vào một giờ khác hẳn và lịch cũng đánh dấu một năm mới hoàn toàn. Lúc này nó chỉ năm 1206.

Jason vẫn chưa nản chí, nó tin rằng con số đó có thể gợi ý mốc giờ mà nó phải chỉnh. Năm 1206 cũng có thể đọc như đọc giờ: 12 giờ 6 phút. Cậu bé chỉnh lại giờ trên mặt đồng hồ và lại lên hết dây cót.

Lần thứ hai kim đồng hồ di chuyển rất nhanh trên mặt khắc và lịch lại đánh dấu trên một con số mới, năm 334.

“Đủ rồi!” Jason đầu hàng. “Thế này là quá lắm rồi! Giải đáp mật mã và nghiên cứu thứ tự bộ bài Tarot thì được, chứ đừng yêu cầu tớ phải làm gì đó với những con số...”

“Số à?” Rick đột nhiên nhảy dựng lên. “Bọn mình có thể thử gọi tới số được chỉ dẫn trên tấm biển! Có khi lại gọi được ai đó đến mở cửa.”

“Ý kiến hay đấy!” Julia đồng tình. “Bọn mình hãy tìm một cửa hiệu nào đó và hỏi gọi điện thoại nhờ thôi.”

“Dĩ nhiên là bọn cháu đã bắt đầu đọc sách của cô rồi cô Calypso...” Mấy phút sau, bên trong cửa hàng sách, Julia nói dối không hề chớp mắt. “Những đầu sách cô khuyên bọn cháu đọc đúng là tuyệt vời!”

Người phụ nữ nhỏ nhắn dò xét từng đứa một, sau đó cô dừng lại ở Rick.

“Cả cháu nữa chứ, Banner?”

“Ồ, chắc chắn rồi ạ...” Cậu lấp bắp.

“Cô cực là cháu còn chẳng nhớ tên cuốn sách mà cháu phải đọc,” cô Calypso vừa vuốt phẳng chiếc váy màu xanh, vừa gây sức ép lên nó.

Rick cứng người lại, lòng kiêu hãnh bị tổn thương.

“Không phải thế đâu! Cháu vẫn còn nhớ như in. Nó là... à là... cuốn...”

Dù cố gắng nhưng có vẻ tiêu đề cuốn sách chẳng để lại chút ấn tượng nào trong trí nhớ của cậu.

“Thế nào?”

“Cô muốn biết sự thật phải không cô Calypso?” Julia thở dài chen ngang vào.

“Cô rất vui nếu được biết.”

Mặt Rick đã đỏ gay đỏ gắt. Cậu đã gây ấn tượng xấu không biết bao nhiêu lần rồi... Chủ nhật kiểu gì thế không biết! Cậu gần như không nhận ra mình nữa: cậu bé thông minh, chính xác và luôn đúng hẹn đâu rồi?

“Cô Calypso, sự thật là...” Rick tiếp lời và mở to mắt hết nhìn Julia đến Jason. “Tối hôm qua cháu phải đọc xong một cuốn. Vì thế cháu chưa thể bắt đầu cuốn mới. Cô biết đấy, cháu không thích đọc sách mà bỏ dở giữa chừng...”

“Một cuốn sách khác hả Banner?” Người phụ nữ nhỏ bé đập tay vào nhau và vờ như bị ngắt. “Nào, chúng ta cùng nghe xem tác phẩm nào lại làm cho cháu say sưa cả đêm hôm qua nào?”

Rick ngẩng lên.

“Con cá sấu của những tấm bản đồ bị thất lạc,” cậu đánh bạo. “Đó là câu chuyện về pharaoh Tutankhamon bị lạc trong một Ngôi Nhà Sự Sống ở Ai Cập, một kiểu mê cung khổng lồ đầy những hốc tường để lưu giữ mọi thứ, và ở đó ngài bị một con cá sấu ăn thịt người đuổi theo vì nó muốn tìm ra tấm bản đồ trước ngài. Nhưng vì Tutankhamon là pharaoh nên tất cả những viên quan của Xứ Punt, một nơi vô cùng quan trọng đối với người Ai Cập cổ đại, đã bao vây con cá sấu khổng lồ và cứu vị pharaoh trẻ tuổi của họ.”

Cô Calypso đứng thẳng người lại và nhận xét:

“Nghe có vẻ thú vị đấy.”

“Cực kỳ thú vị ạ,” Rick nói tiếp. “Nếu cô muốn cháu sẽ cho cô mượn sách.”

May sao cô Calypso có vẻ hài lòng với lời giải thích của Rick.

“Bây giờ cô cho bọn cháu gọi nhờ điện thoại với nhé?” Julia vẻ ngây thơ hỏi.

Chiếc điện thoại bằng nhựa đen nằm sau quầy thu ngân. Julia nhắc ống nghe lên và quay số ghi trên tấm biển ở cửa hàng của ông Peter Dedalus. Cách cô bé vài bước, cô Calypso đang cho hai đứa kia xem một cuốn tiểu thuyết có đề tựa Century, mà theo lời cô thì tuyệt đối không thể bỏ lỡ được.

Trong khi chờ ai đó trả lời điện thoại, Julia lơ đãng đọc những ghi chú trên những giá sách xung quanh quầy thu ngân: “sách đã xếp và chưa bao giờ lấy ra”, “sách phải thay nhưng không thể thay nữa”, “sách cần xếp trong tuần” và “sách đem tặng”.

Trên giá sách thấp nhất có mấy tập sách được đánh dấu hỏi.

Nhìn thấy một cuốn có gáy bằng nhung đỏ với ba dấu hỏi to tướng, Julia rất đổi tò mò.

Cô kéo dây điện thoại để tiến lại gần cuốn sách và tìm hiểu xem nó nói về cái gì: đó là một cuốn sách bỏ túi cũ, đã bị ố vàng và quần mép sau nhiều năm, trên trang bìa có bức ảnh một bến cảng nhỏ.

Nhưng thứ làm cho cô bé phải nín thở lại là tiêu đề của nó:

NGƯỜI LỮ HÀNH TÒ MÒ

Sách hướng dẫn du lịch bỏ túi tại Kilmore Cove và khu vực lân cận

Julia dò xét để chắc chắn là không có ai đang nhìn mình: cô Calypso đang sắp xếp một loạt sách kinh điển, trong khi đó Jason và Rick đang lơ đãng giở một cuốn sách đầy hình vẽ.

Tim cô bé bắt đầu đập nhanh hơn.

Đầu dây bên kia vẫn đang đổ chuông. Kẹp ống nghe vào giữa tai và vai, cô bé với tay để chạm tới bìa cuốn sách.

Cô thử mở nó ra: những trang sách vẫn còn dính lấy nhau như thể nó chưa từng được ai đọc trước đó. Lúc này, vì quá tò mò, Julia nắm chặt lấy cuốn sách hướng dẫn du lịch và lôi nó ra khỏi giá sách.

Khi cô bé mở trang bìa thì có một tờ giấy rơi ra. Julia chớp lấy nó rất nhanh, nhưng khi cúi người với ra phía trước, ống nghe bị tuột và rơi xuống quầy thu ngân, phát ra một âm thanh âm ỉ.

“Xảy ra chuyện gì vậy?” Cô Calypso hỏi.

Julia làm mọi thứ trong nháy mắt: cúi xuống nhặt tờ giấy và đút vào túi, xếp cuốn sách du lịch vào chỗ cũ trên giá, cầm ống nghe lên và đứng bật dậy như lò xo. Sau khi làm tất cả những việc này, cô cười với vẻ mặt tuyệt vời nhất của một cô bé ngoan, cố chế ngự vẻ hoảng sợ và giả vờ nói với cái điện thoại không người nghe:

“A lô? Vâng, chào buổi sáng, vâng... Cháu gọi để hỏi về cửa hàng của ông Peter Dedalus... Vâng, đúng rồi, cái ở Kilmore Cove ạ. À à. À à. Cháu hiểu rồi. Vậy thôi ạ. Bác không phải để ý đâu. Dẫu sao cũng cảm ơn bác và hẹn sớm gặp lại.”

Julia gác máy, nhanh như một chú thằn lằn nhỏ, liếc đuôi mắt kiểm tra lại xem cuốn sách đã ở đúng chỗ chưa. Sau đó cô bé lách ra khỏi quầy thu ngân và đi ra chỗ hai đứa kia mà không dừng lại lấy một giây nào để cười với cô Calypso.

“Sao rồi?” Jason hỏi.

“Chẳng được gì cả. Chỉ có mỗi người quét dọn. Văn phòng đóng cửa.”

“Khỉ thật, chủ nhật mà! Lẽ ra bọn mình phải nghỉ ra ngay chứ nhỉ.”

“E hèm...” Julia nói và bồn chồn nhìn quanh.

Jason và Rick hiểu ngay rằng tốt hơn hết cả bọn nên ra khỏi đó, thế là chúng nhanh chóng chào cô Calypso rồi đi ra.

Người phụ nữ còn đứng nhìn chúng qua ô cửa kính, sau đó cô vừa làm nốt công việc sắp xếp những cuốn sách văn học Anh kinh điển và đồ sộ vừa huýt sáo theo giai điệu một bài hát dễ thương.

Vài phút sau, một người phụ nữ trung niên bước chân vào *Đảo Calypso*, bà ta đội một chiếc mũ nhỏ xinh và đi giày du lịch màu trắng. Bà bước thẳng tới giá xếp những tiểu thuyết tình yêu với dáng điệu quả quyết và chọn một cuốn có bìa đỏ.

“Cuốn này,” bà quyết định dứt khoát.

“Lựa chọn tuyệt vời,” cô Calypso có lời khen ngợi và ra viết hóa đơn.

Cái máy cũ kỹ bắt đầu hoạt động và phát ra tiếng kêu như đồng hồ quả lắc. Trên máy, một hình người tí hon bằng sắt ngả mũ một cách cứng nhắc, trong lúc đó ở dưới chân nó một tờ hóa đơn rơi ra.

“Đây rồi,” cô Calypso nói và giao hóa đơn cho quý bà nọ.

“Cái máy thu ngân thật đẹp!” Bà quan sát. “Tôi thấy nó cũ lắm rồi hay sao ấy nhỉ.”

“Vâng, nhưng nó vẫn còn hoạt động rất tốt,” cô Calypso trả lời và vuốt ve mấy phím bấm tròn bằng đồng đỏ. “Nó được một thợ thủ công trong làng chế tạo ra.”

“Vậy thì chắc là nó rất bền! Nhưng chỉ một thời gian nữa thôi, hẳn là quan chức chính phủ sẽ yêu cầu cô phải thay nó, bởi nó không đáp ứng được những bộ luật hành chính kỳ lạ...”

“Cũng có thể...” Calypso cười. “Nhưng trước tiên người đó phải tìm được tôi đã.”

Chính lúc đó cô quan sát chiếc đồng hồ đo điện thoại lắp trên tường.

“Lạ thật,” cô nghĩ, “cuộc điện thoại của cô bé kia không làm cho công tơ tăng thêm số nào”.

Ngay khi ra khỏi cửa hàng sách của cô Calypso, Julia chạy một mạch. Cô bé chỉ dừng lại khi chúng đến ngõ Kẹo Chubber.

Khi Jason và Rick hỏi cô lý do làm sao vội vã như vậy, cô lấy từ trong túi một tờ giấy nhàu nhĩ.

“Cái đó chị tìm thấy ở đâu vậy?”

“Nó ở trong một cuốn sách hướng dẫn du lịch cũ về Kilmore Cove!”

Trên một mặt của tờ giấy có hình vẽ phác họa bằng bút chì một con tàu đang đi ra từ đường hầm. Phía dưới có viết: *Điều gì xảy ra với những đường ray sau đường hầm?* Ở mặt sau tờ giấy, một hình phác thảo khác về bức tượng vị vua nước Anh chỗ bọn trẻ đi qua sáng hôm đó. Người họa sĩ vô danh lần này chú thích: *???* *Ở nước Anh chưa từng tồn tại một vị vua William Đệ Ngũ nào cả!*

“Điều này nghĩa là sao nhỉ?” Rick thốt lên, tay nó bắt đầu run lấy bầy. “Gì thế này, một trò đùa à?”

“Mình không biết chắc câu chuyện về vị vua này có thật không... Mình chưa bao giờ giỏi môn lịch sử.”

“Tại sao lại phải có bức tượng của một ông vua chưa bao giờ tồn tại?!”

“Hơn nữa trông ông ta còn khá giống ông Nestor phải không?” Jason nói đùa làm cho cả hai đứa kia cùng bật cười. “Còn chuyện về đường ray tàu hỏa? Điều gì có thể xảy ra sau đường hầm nhỉ?”

Rick lắc đầu.

“Mình không biết đâu. Nhưng bọn mình có thể đi kiểm tra. Đường hầm xe lửa cách chỗ này năm phút đạp xe thôi.”

Jason lại ra trước cửa hiệu của ông Peter Dedalus.

“Nhưng trước tiên bọn mình phải vào bên trong cửa hàng này đã!” Nó nói.

“Bằng cách nào? Cái máy đó chẳng muốn hoạt động theo bất cứ cách nào!”

“Các cậu nghĩ vậy ư?” Jason thốt lên với vẻ ranh mãnh.

Phát hiện của cô chị gái đã lại thấp lùn trong cậu hy vọng. Cậu cảm thấy ông Ulysses Moore không bỏ rơi chúng và theo một cách nào đó, ông ấy lại một lần nữa tìm cách liên lạc với chúng.

“Có lẽ bọn mình chỉ cần tìm hiểu... cái máy dùng để làm gì.”

Ngày tháng trên quyển lịch vạn niên không hề thay đổi kể từ lần cuối Jason di chuyển kim đồng hồ.

“Chìa khóa để mở cánh cổng nằm trong quyển lịch,” Jason đánh liều nói. “Nào, Rick... cậu hãy nghĩ đi!”

Trong không khí lan tỏa hương thơm của bánh ngọt mới ra lò, Rick bắt đầu nói ra suy nghĩ của mình:

“Năm 334 là sai. Nhưng ngày và tháng trong lịch lại đúng. Điều này nghĩa là thực ra năm không phải là một năm nào đó. Có lẽ cần đặt đồng hồ sao cho giờ

trùng khớp với con số trên lịch.”

“Bọn mình đã thử rồi nhưng chẳng có điều gì xảy ra cả.”

Rick nói tiếp:

“Vậy thì cần kết hợp con số đó với một con số khác...”

“Số nào cơ?”

“Ví dụ như giờ mà chúng ta đến cửa hiệu.”

“Bây giờ là mấy giờ rồi?”

“17 giờ,” Julia trả lời.

“Vậy thì... Bọn mình sẽ biến 17 giờ 00... thành 1700. $1700 + 334$ bằng...”

Sau vài phép tính chúng đến được kết quả: 2034.

“Được rồi. Bọn mình thử cài đồng hồ thành 20 giờ 34 phút...”

Rick đặt lại kim đồng hồ và Jason lên dây cót.

Cạch! Tấm bảng kêu lên nhưng nó chẳng mở ra. Những chiếc kim lại chạy ngẫu nhiên trên đồng hồ và lịch chỉ vào số 116.

“Nó không mở,” Julia thở dài.

“Nhưng nó đã kêu Cạch!” Rick nói. “Nó chưa từng kêu từ nãy đến giờ.”

Bọn trẻ lặp lại thao tác đó. Vì giờ thì đã trôi qua một phút nên chúng cộng 1701 với 116 thành 1817.

“18 giờ 17 phút...” Rick đếm và dịch chuyển nhanh những chiếc kim đồng hồ.

Jason lên dây cót và... tấm bảng lại kêu Cạch!

“Nó vẫn không mở,” Julia lại thở dài lần nữa.

Nhưng lần này cô bé đã sai.

Chương 15. Người gác ngọn hải đăng

Trong hoa viên Biệt thự Argo, Nestor nghe thấy tiếng bước chân. Rồi ông thấy một bóng người lù lù hiện ra sau lưng mình. Khi hoảng hốt ngoảnh đầu lại,

ông thấy mình mặt đối mặt với Leonard Minaxo.

“Chào ông,” người gác ngọn hải đăng cất tiếng chào người làm vườn bằng chất giọng trầm trầm của mình.

Quần ông ta ướt sũng tới tận đầu gối và tấm băng da màu nâu che trọn con mắt bên phải.

Nestor cảm thấy nhẹ cả người.

“Leonard! Anh khiến tôi thót cả tim! Anh từ đâu đến vậy?”

Minaxo chỉ ra phía vách đá.

“Từ mấy bậc thang đó.”

Người làm vườn lại gần những bậc đá và nhìn xuống phía dưới, chỗ những mỏm đá. Ông nhìn thấy chiếc thuyền nhỏ của đám ngư dân đang neo đậu bên bờ biển của Biệt thự Argo, và vẫy tay chào họ.

“Mọi chuyện thế nào rồi?”

“Chẳng được gì,” Minaxo nhìn quanh đáp. Ông ngấp ngừng nhìn khu vườn và lối vào ngôi nhà, mặc cho gió làm rối tung mái tóc dài ngoẵng của mình. Khuôn mặt ông là một tấm mặt nạ với nhiều nếp nhăn. Đôi bàn tay to lớn và phủ kín những vết sẹo nhỏ sần sùi.

“Đã lâu rồi nhỉ,” ông nói thêm mà không ngoảnh mặt lại nhìn Nestor. “Chúng có ở đây chứ?”

“Nhà chẳng có ai cả. Chúng xuống làng cả rồi.”

“Thật nguy hiểm.”

Nestor nắm lấy cái cào và bước ra xa vài bước. “Tôi chẳng còn lựa chọn nào khác.”

“Ông chọn đấy thôi.”

“Bọn trẻ lạnh lợi lắm.”

Minaxo bắt đầu huýt sáo. Ông ngân nga một giai điệu du dương như hòa cùng tiếng gió, hạ giọng xuống chuyển nó thành một khúc ca buồn.

“Không, Leonard. Tôi xin anh. Không phải lúc này. Hãy thôi đi.”

“Hãy thôi đi,” người gác hải đăng nhắc lại lời ông.

Trên mái của Biệt thự Argo xuất hiện hai con sóc.

“Vấn đề nằm ở đó đấy. Hãy thôi đi, Nestor.”

“Anh lên tận đây chỉ để nói với tôi điều này sao?”

“Tôi lên để chiêm ngưỡng lại ngôi nhà. Và để nói với ông rằng chúng tôi chẳng tìm thấy chiếc chìa khóa nào dưới đáy biển cả.”

“Khả năng là rất thấp. Nhưng dù sao cũng đáng để thử mà.”

“Và cũng chẳng tìm thấy người nào hết.”

Nestor gật đầu. Ông đã xuống dưới đó vào lúc sáng sớm để kiểm tra dưới những mỏm đá, và ngay cả ông cũng chẳng tìm thấy dấu vết cú ngã của Manfred. Hẳn là gã đã rơi xuống nước. Và bởi vì chẳng ai tìm thấy gã dù ở đó hay trên bãi biển, nhiều khả năng gã đã trở lại quanh quần bên mục chủ nham hiểm của mình.

“Cám ơn anh, Leonard. Dù sao chúng ta cũng đã thử.”

Leonard Minaxo khoanh tay trước bộ ngực vạm vỡ và huyết sáo thêm một hơi dài khác.

“Trước đó chúng tôi đã thử và rồi đã quyết định dừng lại.”

Một con quạ đậu trên cành cây sung, chăm chú quan sát hai người đàn ông.

Nestor nhìn người bạn của mình từ đầu đến chân. Màu sắc con mắt duy nhất còn lạnh lặn của người gác hải đăng đen thẫm y như màu đôi cánh con quạ.

“Leonard, tôi nghĩ rằng...”

Người khổng lồ giữ ngọn hải đăng bè miệng nở một nụ cười quái đản và chua cay ngâm bốn câu thơ vần vèo:

*Đơn độc mình đức vua
Trận đấu người sẽ thua.
Đã muốn thắng cả ba
Người tất rồi sẽ thắng.*

Ông Nestor tái nhợt cả đi.

“Đó là một trong những bài thơ tiên tri của anh à Leonard?”

Minaxo nhún vai.

“Có lẽ vậy. Ông thừa biết những linh cảm của tôi gần như luôn đúng mà...”

“Tại sao anh lại ngâm bài thơ đó cho tôi?”

“Bởi ông phải hiểu rằng đã đến lúc để mọi chuyện qua đi và ra khỏi trò chơi này. Nó kết thúc rồi, Nestor, không phải bàn cãi gì nữa, ông phải từ bỏ thôi.”

“Tôi còn nhiệm vụ để...”

“KHÔNG! Ông chẳng có nhiệm vụ nào hết!” Người đàn ông vạm vỡ vừa thốt lên vừa lắc đầu giận dữ. “Và ông cũng chẳng thể giao nó cho ba đứa trẻ! Hãy suy nghĩ đi! Thời đó qua rồi! Chúng ta đang ở kỷ nguyên của những chuyến du hành trong không gian, của điện thoại vệ tinh, của thiết bị kỹ thuật số cá nhân! Tất cả chúng đều được kết nối với thứ gì đó, giống như những con rối được buộc với những sợi dây.”

“Chúng ta phải đánh bại Oblivia...”

Người gác hải đăng lại gần Nestor, sát tới mức có thể ôm lấy ông. Ông ta chỉ vào ngôi nhà, chiếc bàn nhỏ ngoài phòng bếp nơi bọn trẻ đã ngồi ăn sáng hôm đó.

“Nhưng chúng thì không.”

“Nhưng Oblivia...”

“Ông chẳng có thù oán gì với Oblivia cả!” Người đàn ông vạm vỡ tức giận nói. “Ông thù oán với cả thế giới này! Những gì xảy ra vẫn chưa đủ với ông sao?”

Nói rồi, ông ta vừa nói vừa vén tấm băng khỏi con mắt bên phải. Ông Nestor không nhìn. Ông chưa từng làm được việc đó.

Leonard kéo dài băng xuống và khép lại bằng giọng trầm:

“Chẳng phải chúng ta đã gây ra đủ vấn đề rắc rối rồi sao?”

Một khoảng im lặng kéo dài. Những con sóc trên mái nhà nhảy xuống những cành cây tần bì và bỏ đi. Con quạ cũng bỏ cây sung bay mất.

Leonard Minaxo chờ cho đến khi mình hoàn toàn bình tĩnh rồi đặt tay lên vai người làm vườn.

“Thứ lỗi cho tôi. Tôi đâu hề muốn khắc nghiệt như vậy. Nhưng phải có ai đó nói với ông điều ấy trước khi quá muộn... Hãy quên câu chuyện về nhiệm vụ của ông chủ cũ đi...”

Nestor chậm rãi ngược nhìn cho đến khi bắt gặp ánh mắt của người bạn.

“Nếu tôi không làm thì ai sẽ làm đây?”

“Tất nhiên không phải ba đứa trẻ mười một tuổi kia rồi.”

“Tại sao không?”

“Vì chúng không thể. Vì chúng sẽ không làm được việc đó.”

Nestor cắn môi.

“Anh chắc chứ?”

“Tôi chẳng vừa ngâm cho ông nghe lúc này còn gì.”

“Đó chẳng qua chỉ là một bài thơ.”

Leonard Minaxo thở dài.

“Ông nghĩ đâu mới là sự thật nếu không phải là những gì có trong bài thơ đó?”

Nestor cúi đầu buồn rầu. Ông nắm tay Leonard thật lâu rồi chào từ biệt.

Ông chờ cho người gác ngọn hải đăng xuống biển rồi leo lại lên thuyền. Ông giơ tay chào đám ngư dân và cứ đứng đó bần thần một hồi lâu, trông như một bức tượng trong khu vườn cổ kính đó.

Mắt ông ngân ngấn nước.

Và ông cảm thấy vô cùng cô đơn.

Chương 16. Chiều tương

Ngay khi cánh cổng của cửa hiệu đồng hồ mở ra, cả ba đứa bước vào bên trong. Sau lưng chúng, bóng chiều dần buông. Con ngõ vàng ruộm màu nắng. Ở bên trong cửa hàng, trái lại, mọi thứ đều chìm trong bóng tối.

Qua ánh sáng lọt vào từ cửa, Jason, Julia và Rick nhìn ra ngay một đồng bừa bộn khủng khiếp.

Jason để cho cậu bạn vào trước, còn Rick cố gắng tìm cách kết nối khung cảnh đó với khung cảnh nó từng nhìn thấy cùng bố mình.

Cửa hiệu chỉ có một căn phòng duy nhất, chạy xung quanh phòng là những chiếc kệ để đồng hồ. Những chiếc đồng hồ, dù bằng sắt hay khảm trai, bằng vàng hay ngà voi, đều bất động như một đàn chim dừng chân nghỉ ngơi. Những cỗ máy của chúng im lìm và không nhúc nhích. Mặt đồng hồ trông như những

gương mặt kính ngọc, với khuôn miệng được khắc họa bằng kim đồng hồ, vài cái đang cười, những cái khác lại mang vẻ ủ rũ.

Ngăn kéo của quây đều bị kéo tung ra, giống như có người đã ghé qua lục lọi chúng: giấy dán tường để lót ngăn kéo bị rách nát bằng dao. Giấy tờ và dây chun vương vãi trên mặt sàn hết như một bãi chiến trường ngổn ngang. Máy thu ngân in biên lai mua hàng nghiêng hẳn sang một bên và úp vào tủ kính.

Ngăn cách giữa căn phòng và xưởng phía sau là một tấm rèm tối màu mà Rick vẫn còn nhớ. Nó vén rèm sang một bên và dùng mắt để mò mẫm trong bóng tối. Tình trạng phía sau cửa hiệu cũng không hề khá khẩm hơn.

Bọn trẻ tới cánh cửa may mắn mà ai đó đã trở nó ra trước đó không lâu, và chúng mở nó để lấy thêm chút ánh sáng cho cửa hiệu.

“Bữa bọn quá...” Julia nói. “Có kẻ đã khoảng sạch chỗ này.”

Những công cụ chuẩn xác và những bộ phận tinh vi mà người thợ đồng hồ thường sử dụng cho công việc của mình vương vãi khắp nơi, những chiếc tủ ngăn kéo cũng bị mở tung. Một bộ sưu tập đĩa hát bị lôi khỏi túi bảo vệ và vỡ thành nhiều mảnh vương vãi khắp sàn.

Tuy vậy, trong những tủ kính nhỏ vẫn còn phần lớn những đồ vật do ông Peter chế tạo ra: những chiếc đồng hồ được trang trí tinh xảo, một bàn cờ với vài quân cờ, một chiếc đồng hồ báo thức để bàn đầy oai vệ, một chiếc đèn bàn làm bằng một sợi xích được hàn trên chính nó.

“Chúng đã lục lọi ngăn kéo, làm vương vãi những tờ giấy, đập vỡ đĩa hát... nhưng chúng không hề động đến những chiếc đồng hồ và những đồ vật quý giá nhất,” Julia thì thào. “Chắc chắn chúng không tìm những vật có giá trị.”

“Có lẽ chúng đã tìm thấy thứ cần tìm... nên bỏ qua những thứ còn lại,” Jason đặt giả thiết.

Rick vẫn chưa lên tiếng. Cậu đi tới đi lui quanh cửa hiệu rồi đứng một mình hồi lâu để lạng ngăm đống thảm kịch kia.

“Bọn khốn nạn...” Cậu nhóc thốt lên sau khi tìm được chút sức lực để nói ra. “Đầu tiên chúng phá hoại cửa hiệu của ông ấy, rồi đến ngôi nhà. Mà để tìm cái gì cơ chứ?”

Jason và Julia lắc đầu. Quả thực chúng vẫn chưa biết được điều đó.

“Ông Nestor đã đúng khi nói rằng việc Oblivia đến Kilmore Cove đúng là một sai lầm khủng khiếp,” Julia thốt lên. “Cô ta đã phá hoại sự bình yên của nơi này! Cô ta làm đảo lộn cuộc sống của bác Biggles vốn đang rất yên bình với những con mèo và Cánh Cửa Thời Gian. Cô ta còn đang phá tan tành Ngôi Nhà Gương... Đó đúng là những gì mình căm ghét: tính xấu xa và thói phá hoại, mà chẳng có mục đích cụ thể nào.”

“Mục đích thì có,” Rick càu nhàu nói. “Mục đích của cô ta quá rõ ràng còn gì. Đó là nắm quyền kiểm soát Kilmore Cove và những Cánh Cửa Thời Gian.”

“Bọn mình về nhà thôi,” Jason đề nghị.

Rick dừng lại trước một chiếc tủ kính nhỏ, rồi đột nhiên nó nhận ra một thứ.

“Các cậu, lại đây xem này!” Nó lẩm bẩm gọi hai đứa kia.

“Gì vậy?”

“Jason, cậu còn giữ quân cờ mà bọn mình tìm thấy sau bức tranh của bà Penelope Moore chứ?”

Cậu nhóc thọc tay vào túi quần.

“Tất nhiên!” Cậu thốt lên và lôi ra từ trong túi quân cờ kỳ lạ. “Tại sao cậu lại hỏi vậy?”

“Bởi vì nó thuộc về bàn cờ này,” Rick nói và chỉ cho hai đứa bạn thứ để trong tủ kính.

Trước mắt chúng là một bàn cờ vua khá lớn, cao khoảng mười xen-ti-mét và được làm từ hai loại gỗ khác nhau, một loại sáng màu và một loại tối màu. Một vài quân được xếp trên những ô cờ, trông rất giống với quân cờ Jason đã giữ trong túi cả ngày hôm đó.

“Có thể nào lại như vậy?” Julia thốt lên.

“Ông bà Moore và ông Peter Dedalus từng quen biết nhau sao?” Jason đánh bạo hỏi.

“Nhưng một quân cờ thì có tác dụng gì đằng sau một bức tranh nhỉ?”

Rick lắc đầu.

“Cái này thì mình chịu.”

Quân cờ trong tay chúng là một quân hậu. Một quân hậu màu trắng. Và quân trắng tất nhiên đang ở thế bất lợi trước những quân đen.

“Quân hậu đen vẫn còn,” Jason đưa quân cờ của mình lại gần bàn cờ và quan sát.

Rick lắc đầu.

“Tốt hơn hết bọn mình không nên chạm vào thứ gì cả,” cậu đề nghị. “Đây là một ván cờ đang dở dang. Và quân hậu của bọn mình đã bị loại...”

Jason và Julia quan sát vị trí của những quân cờ khác trên bàn cờ.

“Cờ vua không phải sở trường của mình,” Jason thở dài nói sau đó một lúc.

Cậu nhóc không hoàn toàn chân thật: Jason rất mạnh khi chơi nước cờ ngán. Nhưng nếu phải tính toán nhiều hơn hai nước liên tiếp, não của cậu sẽ bị kích thích quá mức và đối thủ thường sẽ đánh bại cậu luôn.

“Đến lượt ai đi nhỉ?” Julia thì hỏi.

“Làm sao bọn mình biết được,” Rick trả lời.

“Theo cậu, ai đang chơi ván cờ này?”

“Các cậu nghĩ sao về khả năng Peter Dedalus đấu với... Ulysses Moore? Quân hậu của chúng ta màu trắng. Nên có lẽ ông Peter đang cầm quân đen.”

Jason quan sát lại thế cờ.

“Bọn mình sẽ dành toàn bộ phần còn lại của buổi chiều để nghiên cứu ván cờ tê nhạt này ư? Mình nhắc các cậu nhớ rằng chúng ta vẫn còn một danh sách những điều bí ẩn cần giải đáp, và nó còn lâu mới kết thúc và...”

Thế nhưng, cô chị lại không hề thấy ván cờ tê nhạt một chút nào.

“Chẳng phải thật hấp dẫn khi nghĩ rằng ở đây thời gian dường như ngưng lại sao? Bọn mình đang có mặt tại một ván cờ bắt đầu từ nhiều năm trước. Và nó đã bị gián đoạn.”

Jason thở hắt ra.

“Đúng thế, và có lẽ tốt hơn nên để nó lại như vậy.”

“Buộc phải thế thôi...” Julia gật đầu đồng ý. “Bọn mình cũng chẳng biết đến lượt ai đi.”

“Theo mình đến lượt quân trắng,” Rick nói chen vào.

“Sao cậu chắc chắn như vậy?”

Cậu nhún vai.

“Mình không dám chắc, nhưng mình tin rằng ông Peter Dedalus sẽ không thể biến mất khỏi Kilmore Cove mà chưa đi nước cờ cuối cùng của mình.”

“Vậy sao?” Jason thốt lên. “Vậy thì, ông ấy không tinh táo lắm! Bởi nếu mình là quân trắng, mình sẽ đi quân mã này và...”

Khi Jason nhắc quân mã lên, cả bàn cờ bắt đầu rung chuyển.

“Jason!” Cô chị hoảng hốt gọi giật cậu lại. “Em vừa làm gì vậy?”

Jason cầm quân mã trong tay, trợn tròn mắt vì kinh ngạc.

“Em vừa làm gì cơ?!”

Bàn cờ bắt đầu kêu tích tắc một cách chậm rãi.

“Jason! Hãy đặt quân mã về vị trí cũ ngay lập tức!” Julia hét lên. “Em vừa kích hoạt một thứ gì đó!”

Rick ngăn Jason lại trước khi cậu kịp đặt quân mã trở lại chỗ cũ.

“Không, khoan đã! Không phải thế. Bây giờ cậu không thể đặt nó trở lại được nữa. Cậu hãy đi nước cờ của mình.”

Jason nuốt nước miếng.

“Nghĩa là sao?”

Bàn cờ bắt đầu kêu tích tắc lớn hơn.

“Mình tin cậu vừa tái khởi động ván đấu Jason ạ. Và bây giờ bàn cờ đang bắt cậu phải chơi. Tiếng tích tắc này có thể là một loại đồng hồ tính giờ. Cố lên, hãy đi nước cờ của cậu đi. Cậu muốn đặt quân mã ở đâu?”

Jason căng thẳng nghiên cứu thế cờ, cậu cố gắng nhớ lại xem mình muốn đi nước cờ đó gì.

“Mình... mình chưa từng giỏi chơi cờ vua, nhưng... theo mình... nếu đặt nó ở đây...” Cậu nhóc lắp ba lắp bắp và đột nhiên trở nên phân vân, chúng ta sẽ chiếu tướng.

Cậu đặt quân mã xuống và bàn cờ ngừng kêu tích tắc.

“Em chắc chứ?” Julia hỏi.

“Khá chắc.”

Ngắm nước cờ mình vừa đi, Jason đột nhiên có cảm giác bần khoản khó chịu.

Bàn cờ rung chuyển, như thể ở bên trong nó có một loạt máy móc bé tí đã được kích hoạt.

Bọn trẻ lùi lại một bước và tiến sát về phía cánh cửa ra vào để phòng xa.

Rồi lần lượt từng quân cờ đều đổ hết về một phía. Và từ trong thân của bàn cờ mở ra một ngăn kéo nhỏ.

“Cậu đã đúng Jason. Chiều tướng!” Rick nói và tiến lại chỗ bàn cờ.

Bên trong ngăn kéo nhỏ có vật gì đó.

Chương 17. Những phát hiện mới, những câu hỏi mới

Nestor nhìn đồng hồ hai lần. Ông đi một vòng quanh tầng trệt của Biệt thự Argo, rồi thở dài thườn thượt một cách đầy lo lắng. Bọn trẻ đang ở chỗ quái quỷ nào nhỉ? Đã gần 6 giờ tối mà chúng vẫn chưa quay về.

“Như thế sẽ nguy hiểm...” Những lời Leonard nói văng vẳng trong đầu ông.

Và Leonard quả đúng là có biệt tài tiên đoán trước những sự kiện. Dù chỉ có một con mắt duy nhất, nhưng trên thực tế, ông ta lại có khả năng nhìn xa trông rộng hơn cả những người khác. Những bài thơ của ông cũng ẩn chứa những ý nghĩa sâu xa và các thông điệp như những lời tiên tri.

Ông Nestor không phải kiểu người hay lo lắng, nhưng việc bọn trẻ vắng mặt lâu như vậy khiến ông không hề yên tâm chút nào... Câu thơ cuối cùng của Leonard lại vang lên trong đầu ông như một chiếc đĩa hát bị vấp.

“Người tốt rồi sẽ thắng.”

Ông nghĩ đến mấy chiếc xe đạp xiêu vẹo bọn trẻ dùng lúc ra khỏi nhà...

“Các cháu đang ở đâu?” Người làm vườn hỏi vách đá Salton Cliff và đám bọt biển cuộn cuộn.

Ông tập tễnh trở vào ngôi nhà phụ lấy một chiếc ống nhòm, sau đó trở lại vách đá và bắt đầu dò tìm trên bãi biển và rìa ngôi làng, thi thoảng lại húng hắng ho.

Ông nhìn thấy Leonard mở ra rồi đóng cánh cửa ngọn hải đăng lại và biến mất vào bên trong ngọn tháp màu trắng. Ông lại nghĩ về mẹ của Jason và Julia, bà đã gọi điện tới hai lần vào chiều hôm ấy. Và cả hai lần người làm vườn đều phải viện đủ mọi lý do hết sức vô lý để không phải chuyển máy cho bọn chúng.

“Nếu cô làm hại dù chỉ một sợi tóc của bọn trẻ thôi...” Ông lớn tiếng, trong khi hình ảnh của Kilmore Cove chạy qua lăng kính cứ to dần lên, “ta sẽ bắt cô phải trả giá. Một lần cho tất cả.”

“Như tôi lẽ ra đã phải làm nhiều năm trước. Như tất cả mọi người lẽ ra đã phải làm...”

Nestor chỉ hạ ống nhòm xuống khi cánh tay đã mỏi nhừ.

Hình như trong làng đang có một dòng khách du lịch xuất hiện ngẫu nhiên như thường lệ, và một khi quay trở lại với cuộc sống thường nhật họ sẽ sớm quên đi sự tồn tại của Kilmore Cove.

“Không có chuyện gì xảy ra hết,” Nestor lẩm bẩm và tự trấn an. “Lát nữa chúng sẽ về thôi.”

Thời gian...

Mọi chuyện là gì, chẳng phải đều liên quan đến thời gian ư?

Cách ông hai mươi mét về phía dưới, biển âm ào vỗ vào những hòn đá để tìm kiếm những điều bí mật đã bị chôn vùi.

Những cành sung, tần bì và sồi rụng đưa trong gió. Đám mòng biển tới đậu trên mái nhà của Biệt thự Argo để rồi sau đó lại lập tức vỗ cánh bay đi kiếm tìm những dòng chảy.

Chẳng có thứ gì đứng yên.

Tất cả đều đang tuôn chảy, di chuyển và thay đổi. Thời gian đặt ra những quy luật vận động hỗn độn đó nhưng chính nó lại đứng quan sát mọi thứ như một khán giả ngạo nghễ.

Những chiếc chìa khóa đã trở lại. Những cánh cửa lại đang mở ra. Ai là người đã đưa chúng trở lại?

Thời gian ư?

“Ngay cả những chiếc chìa khóa cũng không bao giờ dừng lại,” Nestor thốt lên thành lời những suy nghĩ trong đầu, và như mọi khi, ông chia sẻ những suy tư của mình với biển Kilmore Cove. Chúng tự di chuyển để đi tìm và mở những ổ khóa mới. Chúng qua tay hết người này đến người khác, chuyển từ chiếc túi này sang chiếc túi kia, từ ngăn kéo này sang ngăn kéo nọ, đến khi nào tất cả mọi người lãng quên chúng. Khi đó chúng lại rơi vào tay một người khác. Và trò chơi bắt đầu lại từ đầu.

Đúng lúc đang chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình, ông lão làm vườn nghe thấy một giọng nói gọi mình.

Ông ngoảnh mặt về hướng ngôi nhà phụ.

Chẳng có ai.

Ông quan sát những căn phòng áp mái của Biệt thự Argo.

Chẳng có ai.

Sau đó, ông thấy Rick cười trên xe đạp ló ra từ cánh cổng, theo ngay sau cậu là Julia và Jason, trên một chiếc xe đạp kêu leng keng và hồng rực từ bánh đến khung.

“Ông Nestor ơi!” Bọn trẻ gọi ông. “Ông Nestor ơi! Ông nhìn xem bọn cháu tìm thấy gì này!”

Ông lão làm vườn đã muốn phá lên cười sáng khoái... nhưng lại cố thể hiện một thái độ lãnh đạm và thờ dãi.

Sau khi đã bình tĩnh trở lại, ông cà nhắc bước về phía bọn trẻ.

“Xe đẹp đấy,” Ông nói với Jason khi tới chỗ nó. “Ta cược rằng cháu đã khiến tất cả những cô bé ở Kilmore Cove này phải ghen tị...”

Trước hết bọn trẻ cho ông xem tờ giấy chúng tìm thấy trong cuốn sách hướng dẫn du lịch Kilmore Cove, sau đó bắt đầu tấn công ông bằng vô số câu hỏi.

“Ông có biết điều gì xảy ra với đường ray tàu hỏa không?”

“Còn bức tượng ở quảng trường? Thực sự không tồn tại ông vua nào là William Đệ Ngũ phải không ạ?”

“Ông có bao giờ nhận thấy điều gì kỳ quặc chưa?”

“Ông cũng biết ở Kilmore Cove thậm chí không có lấy một tấm biển chỉ địa phận làng chứ?”

“Đường hầm tàu hỏa ở đâu ạ?”

“Còn nhà ga nữa?”

“Ông biết là còn tồn tại những Cửa Thời Gian khác phải không?”

“Ông có quen bà Cleopatra Biggles không?”

“Và đường Đồng Hồ Cú nữa?”

“Tại sao ông không nói với bọn cháu là bà Penelope biết về?”

“Theo ông gắn một quân cờ sau một bức tranh của bà ấy thì để làm gì?”

“Ông biết gì về ông Peter Dedalus?” Đến lúc đó Julia hỏi ông.

Bị cuốn vào một làn sóng toàn những câu hỏi, Nestor đoán trước mình sẽ gặp rắc rối to.

“Peter Dedalus ư? Ông ấy từng là thợ làm đồng hồ trong làng.”

“Ông ấy có thường đến Biệt thự Argo không ạ?”

“Tại sao các cháu hỏi ta điều đó?”

“Ông ấy từng là bạn của ông chủ cũ phải không ạ?”

“Bạn là một từ to tát. Ta nghĩ là họ có quen biết nhau.”

“Ông nghĩ đúng đấy ạ,” Jason lúc ấy mới nói đầy hoan hỉ. “Ông nhìn xem bọn cháu đã tìm thấy gì trong cửa hiệu của ông ấy này!”

Với một vẻ nghi ngờ nhất định, Nestor cầm lấy một vỏ bao bằng giấy, trên đó có một dòng chữ với nét chữ viết tay tí xiu và mảnh khảnh:

Gửi những người bạn duy nhất của tôi

Penelope và Ulysses, dù cho đã quá muộn màng.

Nestor trợn tròn mắt vì ngạc nhiên và lật đi lật lại bao giấy giữa hai bàn tay, ông ngập ngừng không biết phải làm gì.

“Ông hãy xem có gì ở bên trong đi...” Rick thúc giục ông.

“Mà thỉnh thoảng cháu cũng phải về nhà chứ Rick?” Nestor lấp bắp với giọng căng thẳng.

“Một lát nữa cháu sẽ về.”

“Trước tiên chúng ta phải tìm được cách để nghe nó đã!” Jason vừa nói thêm vừa liếc mắt nhìn người làm vườn khi ông để thứ bên trong vỏ bao trôi ra: đó là một chiếc đĩa hát, màu đen, không có nhãn mác hay dòng chữ nào.

Khi nhìn thấy nó, Nestor giật nảy mình.

“Các cháu tìm thấy nó ở đâu?”

“Trong cửa hiệu của ông ấy ạ.”

“Cửa hiệu của ông ấy đóng cửa rồi cơ mà,” ông lão làm vườn phản ứng lại, tập tễnh đi về phía ngôi nhà.

“Bọn cháu đã xoay xở để mở được nó.”

Nestor mỉm cười không để bọn trẻ bắt gặp.

“Ta cứ nghĩ không ai có thể làm được việc đó,” sau đó ông lắc đầu nhận xét.

“Chẳng có gì là không thể với ba đứa bọn cháu!” Julia hoan hỉ nói và khoác tay ôm hai đứa kia.

Thế rồi cả ba đứa đi theo người làm vườn vào bên trong Biệt thự Argo.

“Ông có biết cách để nghe được nó không ạ?”

Nestor âm ừ trả lời.

“Cháu dám cá rằng trong cái đĩa đó chỉ ra cách để tìm được thứ chúng cháu cần,” Jason nói.

“Vậy các cháu đang tìm kiếm điều gì?” Nestor hỏi, trong lúc đi trước chúng lên cầu thang nơi có chân dung của những người chủ cũ.

“Dĩ nhiên là ông Ulysses Moore rồi ạ.”

“Thế thì các cháu chỉ cần đi đến nghĩa địa là đủ rồi.”

Họ lên tầng trên và cả bốn người cùng bước vào phòng thư viện.

Nestor mở chiếc rương nằm sau đi-văng bọc da lấy ra những bộ phận của một chiếc máy quay đĩa cũ. Ông đưa chiếc loa bằng đồng đỏ cho Jason rồi lấy bệ đỡ hình vuông ra. Trong khi đó, Julia chỉ cho Rick cây phá hệ được vẽ trên trần căn phòng.

Nestor đặt bệ đỡ máy quay đĩa vào chính giữa căn phòng, lắp loa phóng thanh vào ống khuỷu, rồi đặt đĩa hát lên mâm quay, đặt đầu kim vào đường rãnh đầu tiên sau đó ông quay tay cần để chiếc đĩa xoay tròn.

Sau vài nỗ lực không thành, ông cũng khởi động được cái máy quay đĩa.

Ban đầu chỉ có một tiếng kêu tanh tách rất nhẹ và tiếng tốc tốc nhịp nhàng của đầu kim chuyển động từ rãnh này sang rãnh khác. Sau đó, trước vẻ kinh ngạc tột độ của cả bốn người, thay vì một giai điệu nào đó thì từ chiếc đĩa hát tối màu cất lên một giọng nói.

Là giọng của ông Peter Dedalus.

Bọn trẻ tiến sát lại chiếc máy quay đĩa, chúng im bật và nín thính. Nestor lên cơn ho và ông tựa người vào chiếc đàn dương cầm.

Chương 18. Giọng nói từ quá khứ

Chiếc đĩa hát kêu lách tách:

“Chị Penelope và anh Ulysses yêu quý... tôi biết đây đúng là cách hèn nhất để thoát khỏi màn kịch này, nhưng lại là cách duy nhất tôi có thể nghĩ ra. Tôi không còn sức lực, ý chí hay dũng khí nữa. Ngoài trời đang mưa tầm tã và tôi tin rằng ngày cuối cùng của tôi ở Kilmore Cove là một ngày buồn cũng đúng thôi. Tôi đã làm hỏng mọi chuyện, và đến giờ tôi mới nhận ra điều đó. Tôi không thể tiếp tục được nữa. Cơn mưa dội xuống mái nhà gương khiến tôi càng cảm thấy cô đơn hơn. Gi sét sẽ ăn mòn những động cơ giúp cho ngôi nhà yêu quý của tôi luôn quay theo hướng mặt trời... Muối sẽ làm những cối xay trên đỉnh đồi ngưng hoạt động.

Cánh cửa đang chờ tôi. Nhưng trước khi bỏ đi mãi mãi khỏi Kilmore Cove, tôi muốn anh chị biết rằng tôi rất vinh hạnh được làm bạn của anh chị và được chia sẻ cùng anh chị và những người khác kế hoạch lớn của chúng ta. Chúng ta đã đúng khi giấu kín những chiếc chìa khóa và bảo vệ những cánh cửa đó trong khi chờ đợi thời điểm chín muồi. Đó là điều đúng đắn duy nhất có thể làm để cứu Kilmore Cove và bí mật về người đã xây dựng nên ngôi làng. Tuy nhiên tôi đã phạm sai lầm, và tôi phải thú nhận điều đó với anh chị. Điểm yếu và sai lầm của tôi mang tên một phụ nữ: Oblivia Newton. Là lỗi của tôi nếu kế hoạch không thành công. Là lỗi của tôi nếu bây giờ cô ta đang sẵn lòng anh chị. Đó là lỗi của tôi.

Tôi sẽ kể cho anh chị nghe tất cả mọi chuyện từ đầu để anh chị hiểu mọi thứ diễn ra như thế nào. Tôi quen cô ta lần đầu trong cửa hiệu của tôi vào một chiều thứ Bảy. Từ phía sau tấm rèm của xưởng, tôi thấy cô ta bước vào và đơn thuần

nghĩ rằng cô ta chỉ là một trong số những vị khách du lịch tình thoảng vẫn còn có thể tìm đến chúng ta. Con đường vẫn còn dù chúng ta đã dỡ bỏ mọi tấm biển, xóa tên Kilmore Cove khỏi mọi tấm bản đồ và làm gián đoạn đường ray xe lửa. Để tìm cho ra và xóa sổ mọi tài liệu tham khảo, hình vẽ, cuốn sách nói về Kilmore Cove mới thật khó nhọc làm sao! Dĩ nhiên, chỉ còn lại mỗi tấm bản đồ của Thos Bowen, trên đó chúng ta đã định rõ vị trí của những cánh cửa và những chiếc chìa khóa của chúng.

Kế hoạch của chúng ta đang tiến triển tốt đẹp, chúng ta đã thu được tất cả chìa khóa và đã giấu đi tất cả các cánh cửa. Lẽ ra có thể chúng ta sẽ thực sự xóa sạch được mọi dấu vết về bí mật này nếu như ngày hôm đó Oblivia không bước vào cửa hiệu của tôi.

Cô ta tuyệt đẹp. Anh chị hãy tin tôi đi: tuyệt đẹp. Và lúc đó tôi không biết cô ta là Oblivia Newton. Thực ra là vẫn chưa biết! Cô ta mặc bộ đồ màu táo xanh và mang tới cho tôi một vật để định giá. Cô ta bảo đó là món quà một cô giáo cũ tặng cho cô ta: người đó chính là Clio Biggles, chị gái của Cleopatra. Hiển nhiên là tôi biết rõ Clio. Nhưng tôi không ngờ rằng bà ấy, người đã đi xa Kilmore Cove nhiều năm, lại tặng cho Oblivia một trong số những chiếc chìa khóa: chiếc khóa con mèo.

Phản ứng đầu tiên của tôi là ngạc nhiên. Tiếp theo, đúng là một sai lầm: tôi thử mua lại chiếc chìa khóa với bất kỳ giá nào. Anh chị có còn nhớ chúng ta đã đi tìm nó trong bao lâu không? Cuối cùng chúng ta tin rằng nó đã biến mất mãi mãi. Nhưng không phải vậy, nó ở Cheddar, bị một giáo viên tiểu học mang ra khỏi ngôi làng. Và cuối cùng nó đã trở về, trong tay của một phụ nữ lạ mặt xinh đẹp tuyệt trần.

Oblivia Newton đã đánh hơi được sự việc đó: tôi tin chắc cô ta đã tự hỏi liệu động cơ gì khiến cho một nhà phát minh máy móc sẵn sàng trả bất kỳ giá nào để mua một chiếc chìa khóa bình thường. Cô ta bắt đầu lui tới cửa hiệu của tôi thường xuyên, rồi một ngày nọ cô ta đi theo tôi tới đường Đồng Hồ Cú và cuối cùng tìm đến thẳng nhà tôi.

Tôi đã cảm thấy hạnh phúc vì điều đó. Tôi lớn lên cùng những phát minh của mình và đối với tôi sự có mặt của người đàn bà ấy trong nhà giống như một giấc mơ. Tôi cho cô ta xem Ngôi Nhà Gương và cô ta nói mình bị ngôi nhà mê hoặc bởi cô ta chưa từng nhìn thấy ngôi nhà nào như thế. Vì cô ta, tôi đã làm

cho ngôi nhà quay, và xoay ban công hướng về phía hoàng hôn, hoặc hướng về những ngọn đồi. Oblivia khen tôi là một thiên tài, một trong những thiên tài vĩ đại nhất. Còn tôi, tôi chưa từng gặp phụ nữ nào đẹp như vậy, nên tôi tin cô ta.

Ôi Peter Dedalus tội nghiệp! Tôi đã không hiểu mối liên kết duy nhất thực sự tồn tại giữa chúng tôi chính là điều bí ẩn của chiếc chìa khóa. Trong khi đó Oblivia hiểu rõ rằng trước sau gì tôi cũng sẽ thú thật với cô ta vì sao chiếc chìa khóa lại quan trọng đến vậy. Cô ta chỉ cần chờ đến khi tôi đặt niềm tin vào cô ta, như một con nhện hiểu rằng con ruồi đang bay vù vù xung quanh sớm muộn gì cũng sa vào mạng nhện.

Và tôi đã sa lưới thật, một cách thẳng tuột và tự nguyện. Chỉ một mình tôi, mà chưa bao giờ giải bày cùng anh chị. Tôi sẽ không bao giờ được thanh thản. Vậy là, trong khi ban ngày tôi giúp anh chị giấu Kilmore Cove khỏi phần còn lại của thế giới, thì một đêm nọ tôi lại bị mắt Oblivia đưa cô ta vào làng. Với chiếc chìa khóa hình con mèo tôi mở cánh cửa nhà bà Biggles và dẫn cô ta đi qua ngưỡng cửa. Chúng tôi ở Ai Cập khoảng gần một giờ, nhưng như vậy cũng đủ để cô ta hiểu mọi chuyện.

Khi chúng tôi trở về Kilmore Cove, cô ta hỏi tôi liệu chiếc chìa khóa của mình có phải là chiếc duy nhất trên thế giới không. Tôi không trả lời nhưng cô ta linh cảm rằng không phải như vậy. Và cứ từng chút một, tôi kể cho cô ta nghe về chuyện ở Kilmore Cove có vài Cánh Cửa Thời Gian và những chiếc chìa khóa lần lượt để mở chúng. Tôi giải thích với cô ta chuyện tất cả các cánh cửa đều rất khác nhau và mỗi cái có thể dẫn tới một nơi khác nhau, trừ một chiếc, cánh cửa chính, phải được mở bằng bốn chiếc chìa khóa, có thể dẫn tới bất kỳ đâu. Tôi chưa bao giờ nhắc tới Biệt thự Argo, nhưng cô ta vẫn hiểu được, tôi chắc chắn là vậy. Và cô ta bắt đầu thèm muốn ngôi nhà của anh chị.

Bỗng nhiên cô ta trở nên lạnh lùng, xa cách và đầy tham vọng. Đó cũng chính là lúc tôi biết được bộ mặt thật của Oblivia Newton. Nhưng đã quá muộn rồi. Tôi không thể quay lại được nữa.

Lâu đài tôi xây nên bằng những lời nói dối với anh chị, và bằng những lời thú nhận với cô ta sắp sửa sụp đổ. Tôi có thể làm gì đây? Tôi đã phản bội tất cả, và chính bản thân tôi. Tôi chỉ còn một điều bí mật cần được bảo vệ. Điều bí mật lớn nhất trong số tất cả, điều mà có lẽ ngay cả anh chị cũng không thể biết tường tận...”

Chiếc đĩa quay một lúc trong im lặng.

Nestor vượt bộ râu đầy suy tư.

Sau đó giọng ông Peter Dedalus tiếp tục cất lên, nhưng rất nhỏ vì những tiếng ồn trong lúc ghi âm gây nhiễu, khiến cho lời nói của ông chỉ có thể hiểu được phần nào: “Tôi kể cho cô ta rằng... có một cách để... mở và đóng tất cả những cánh cửa... tất cả... và kiểm soát hoàn toàn... những cánh cửa... một chiếc chìa khóa duy nhất... và cô ta... cô ta hỏi liệu tôi có biết cách tìm ra nó... nhưng tôi không trả lời cô ta... lời hứa...”

Lại một quãng nghỉ dài, sau đó giọng Peter Dedalus trở nên vội vã và cao vút.

Những lời nói của ông ban đầu rời rạc, nhưng sau đó dần dần trở nên rõ ràng hơn. Người thợ đồng hồ gần như đang hét lên.

“Tôi sẽ chạy trốn, đúng, đêm nay tôi sẽ chạy trốn! Đến nơi cô ta sẽ không thể đuổi theo tôi. Ulysses, Penelope, tôi đã đi nước cờ cuối cùng của mình... Tôi đã giữ được bí mật. Cô ta sẽ không bao giờ kiểm soát được tất cả các cánh cửa!” Giọng nói lại bị nhiễu: “À, bạn b... tôi sẽ nhớ anh ch... anh chị rời đi, lời chào tới... elope, và nhà I... người làm vườn ở... Argo và những chuyến đi! Tôi đi đây, hỡi những người bạn! Tôi sẽ bỏ đi khỏi thế giới tàn nhẫn và đầy những điều dối trá này. Tôi đã tin trái tim chính là cỗ máy hoàn hảo, có thể điều chỉnh được bằng những máy móc đáng tin cậy và chắc chắn, nhưng tôi đã khám phá ra một sự thật đau đớn hơn nhiều... Vĩnh biệt, anh Ulysses. Vĩnh biệt, chị Penelope. Anh chị sẽ nhận được chiếc chìa khóa sư tử qua bưu điện để có thể cất giữ nó cùng với những chiếc khác. Tôi sẽ không còn cần đến nó nữa. Cửa hiệu và ngôi nhà của tôi, tôi sẽ tặng lại cho Oblivia: để cô ta có thể làm gì cô ta muốn, tôi không muốn biết thêm chuyện gì nữa. Hãy xóa tên tôi đi và hãy đốt tấm biển có hình con cú màu trắng. Hãy xóa bỏ tôi khỏi suy nghĩ của anh chị. Tôi sẽ không bao giờ quên anh chị!”

Đến đây lời thú tội chấm dứt.

Chương 19. Lựa chọn

Mặt trời bắt đầu ghé sát đường chân trời và nhuộm một màu cam lên vạn vật. Trong thư viện của Biệt thự Argo, chiếc đĩa than cũ còn phát ra vài tiếng rè rè, sau đó máy hát im bật. Rick nhắc đầu kim ra và đặt nó trở lại vị trí cũ.

Bọn trẻ ngồi thu lu trên sàn trong khi Nestor vẫn đứng gần chiếc dương cầm. Ánh sáng càng lúc càng đỏ của bầu trời lọt qua ô cửa sổ khiến cho cơn giận dữ của ông bốc lên ngùn ngụt.

“Vậy là mọi chuyện đã diễn ra như thế,” sau một lát Julia nói. “Chính ông Peter đã nói với Oblivia về cánh cửa.”

“Có vẻ là về nhiều cánh cửa,” Jason nói thêm.

Nestor siết chặt năm đấm, sau đó cứ ho liên hồi mà không sao dừng lại được. Ông giơ hai cánh tay lên cao để phổi được giãn nở và bất động hồi lâu trước khi lấy lại bình tĩnh. Hai vai ông rũ xuống, như thể đang bị dẫn vắn bởi những suy nghĩ đầy lo âu.

“Bây giờ thì chúng ta đã biết tại sao Oblivia đang phá sập Ngôi Nhà Gương,” Rick gầm gừ.

Nestor nhướn lông mày e ngại.

“Gì cơ?”

Bọn trẻ thuật lại cho ông về con đường đất mang tên Đồng Hồ Cú và cái xe ủi của công ty dọn nhà Độc Nhân đang đập nát ngôi nhà của ông Peter Dedalus.

“Bọn cháu chẳng thể làm gì cả, và bọn cháu cũng không chịu được khi phải đứng nhìn...” Julia khép lại câu chuyện.

“Thế là kết thúc rồi,” ông lão làm vườn vừa lăm bắm vừa lao thẳng ra phía cửa thư viện.

“Khoan đã ông Nestor!” Julia gọi ông. “Ông đừng bỏ chúng cháu lại một mình.”

“Chúng ta ai cũng đơn độc cả,” ông nói khẽ.

Nhưng ông không bỏ đi.

“Ít nhất ông hãy nói cho bọn cháu điều này: chiếc chìa khóa mà Manfred đánh cắp từ ông...”

Ông Nestor gật đầu.

“Đó chính là chiếc sư tử, chiếc mà Dedalus vừa nói đến. Nó nằm trong số những đồ vật ông chủ cũ để lại cho ta trông coi.”

“Và với chiếc chìa khóa đó...”

Một lần nữa, Nestor lại trả lời trước khi bọn trẻ kịp nói nốt câu:

“Đúng vậy. Với chiếc chìa khóa đó, ta có thể mở được cánh cửa tìm thấy trong nhà của người thợ làm đồng hồ.”

“Tại sao trước đó ông không nói cho bọn cháu về những cánh cửa?”

Người làm vườn không trả lời.

“Ông có biết cánh cửa đó dẫn tới đâu không?” Julia hỏi.

Nestor giật mình ngạc nhiên:

“Ta ư? Làm sao ta biết được chứ?!”

“Nhưng ông biết về chiếc chìa khóa sư tử...”

Nestor lẩm bẩm điều gì đó.

“Và ông còn biết trong nhà ông Peter có một cánh cửa.”

“Nhưng ta không biết tất cả mọi thứ các cháu ạ! Khi thật!”

Nestor giơ tay dấm vào giá sách khiến tấm biển bằng đồng đỏ dùng để phân loại rơi xuống đất.

“Ông Peter Dedalus nói rằng ở Kilmore Cove có nhiều cánh cửa,” Rick xen vào. “Một cái ở đây. Một cái nữa ở nhà bà Biggles. Cái thứ ba ở Ngôi Nhà Gương. Còn bao nhiêu cái nữa ạ?”

“Để biết được điều đó chỉ cần xem tấm bản đồ bọn mình đã đánh mất,” Jason làu bàu.

“Trên tấm bản đồ còn đánh dấu cả tên của những chiếc chìa khóa...”

“Bây giờ Oblivia đã biết được cần phải có những chiếc nào, nhưng cô ta không hề sở hữu chúng,” Nestor xen vào.

Sau đó ông nói tiếp:

“Ông Ulysses Moore và vợ đã cất chúng ở nơi an toàn. Tất cả những chiếc chìa khóa còn lại, trừ chiếc của Oblivia... vì lúc ấy nó không ở Kilmore Cove.”

“Và cả cái của ông Peter mà...”

“Mà Manfred đã đánh cắp của chúng ta đêm qua.”

“Có khả năng chúng đã có hai chiếc chìa khóa,” Rick nói.

“Còn bọn mình có những bốn chiếc,” Jason phản bác.

Julia bắt đầu đi tới đi lui quanh căn phòng.

“Ôi, giá mà mình có thể cho cô ta một cú đấm vào mặt rồi lấy lại những chiếc chìa khóa đó!”

Bọn trẻ bắt đầu nói chuyện với nhau và bình luận về những thông tin đáng kinh ngạc mà chúng vừa khám phá ra.

Nestor nhìn chúng. Ông nhìn chúng và ngẫm nghĩ. Nhiệt huyết của chúng có sức lan tỏa ghê gớm, dù cho ông không thể ngăn bài thơ của Leonard cùng những từ ngữ bất an khác quanh quẩn trong đầu.

Nhưng Leonard không được nghe chúng nói chuyện vào lúc này trong thư viện, như ông đang làm. Leonard vẫn chưa biết chúng.

Đột nhiên Jason cắt ngang dòng suy nghĩ của ông bằng một câu hỏi:

“Ông Nestor, có bao nhiêu người biết đến sự tồn tại của những cánh cửa?”

“Từng biết đến, có lẽ cháu muốn nói vậy,” ông lão làm vờ trả lời. “Nếu trừ đi ta, Oblivia và gã lái xe của ả thì tất cả những người khác đều đã qua đời...”

“Hoặc đã bỏ cuộc,” ông nghĩ nhưng không nói ra.

“Thế thì chúng ta có lợi thế rồi,” Jason kết luận. “Với chúng ta vậy là bốn chọi hai.”

Nestor nhìn cậu bé 11 tuổi đang nói chuyện với ông như thể mình là người lớn, với vẻ quyết tâm và niềm khao khát hành động, nói một cách ngắn gọn, thật đáng cảm động.

Trong đầu tràn ngập những băn khoăn, ông trân trân nhìn hành lang dẫn tới những phòng ngủ tầng trên, và ngẫm nghĩ. Ông nghĩ rằng mình cần phải quyết định. Và rằng không còn thời gian nữa. Cục diện đang chuyển biến nhanh hơn so với những gì ông tưởng.

Rick bắt đầu tóm tắt lại những gì cả bọn vừa khám phá ra:

“Xem nào... ông bà Moore có một kế hoạch, đó là giấu những cánh cửa và cất những chiếc chìa khóa ở nơi an toàn. Họ cố gắng cô lập Kilmore Cove nhiều nhất có thể mà cư dân ở đây không hề hay biết điều đó. Ông Peter Dedalus đã phản bội họ và Oblivia Newton đã khám phá ra một phần bí mật.

Ông Peter bỏ trốn để không phải tiết lộ phần sâu kín nhất của bí mật đó... tức là làm sao để có thể mở và đóng tất cả những cánh cửa... Lúc này các cậu nghe thấy chứ? Ông Peter có nhắc tới một cách để kiểm soát tất cả các cánh cửa... Sau đó... Đến đây thì chuyện gì xảy ra nhỉ?”

“Ông bà Moore qua đời,” Julia trả lời. “Oblivia tin rằng mình có thể hành động mà không bị quấy rầy, nhưng điều tuyệt nhất là cô ta phát hiện ra ông Nestor đã bán Biệt thự Argo cho bố mẹ mình. Và sau đó bọn mình chuyển tới đây.”

“Và bọn mình có bốn chiếc chìa khóa,” Rick tiếp lời. “Bởi vì bọn mình đã đến lấy chúng ở bưu điện.”

“Để tránh Oblivia,” Jason xen vào, “ông Ulysses Moore chỉ cho bọn mình cách tìm được bốn chiếc chìa khóa và đưa bọn mình tới Ai Cập để lấy lại tấm bản đồ Kilmore Cove. Nhưng bọn mình đã bị lừa và mọi chuyện đã tan thành mây khói.”

“Bọn mình đúng là lũ ăn hại,” Rick thừa nhận.

“Bọn mình đã làm hỏng việc.”

Julia thở dài.

Nestor húng hắng ho. Ông lại ho một lần nữa, cuối cùng đưa ra quyết định.

“Bây giờ các cháu phải làm như ta bảo!” Ông tuyên bố.

Ba đứa ngạc nhiên quay ra nhìn ông.

“Gì cơ, làm theo lời ông sao?”

“Các cháu không hề làm hỏng việc!” Nestor chỉ vào từng đứa một và nói. “Các cháu càng không phải là lũ ăn hại! Và cũng đừng có cố nghĩ như vậy, hiểu chưa? Các cháu... các cháu... Ôi!”

Nestor lắc đầu. Khen ngợi người khác chưa bao giờ là điểm mạnh của ông, chuyện đó đối với ông là một việc vô cùng khó khăn. Thế là ông lại ho và ra lệnh:

“Đi nào, các cháu hãy theo ta!”

Ông lão làm vờ dẫn chúng tới giữa hành lang rồi dừng lại, đan hai tay vào nhau tạo thành một cái ghế và bảo Jason:

“Đặt chân cháu lên đây và hãy mở cánh cửa trên nóc nhà...”

“Cánh cửa ạ?!” Cả ba đứa nhìn nhau thốt lên.

Thực sự có một cánh cửa màu trắng lẫn với màu sơn trên trần nhà và bị khóa kín bằng một cái chốt bằng kim loại.

Jason để Nestor nâng mình lên và tóm lấy cái chốt.

“Cố lên!” Nestor động viên cậu nhóc.

Jason kéo nó xuống nhưng cánh cửa không mở. Cậu kéo lần thứ hai, và cuối cùng cậu cũng nghe thấy tiếng ổ khóa rời ra. Nestor thả cậu xuống.

Từ cánh cửa, đầu một chiếc thang trượt ra ngoài. Ông lão làm vờn tóm lấy và kéo nó về phía mình.

“Ôi khi thật!” Julia thốt lên. “Có một cái thang ngay chính giữa hành lang...”

Nestor ra hiệu cho chúng leo lên.

“Lên thôi nào các cháu!”

“Ôi khi thật!” Julia nhắc lại và nhớ ra những gì cô bé đã nhìn thấy, hoặc tin rằng mình đã nhìn thấy vào buổi sáng hôm ấy.

Chương 20. Người quan sát

Manfred dành toàn bộ buổi chiều để quan sát đám nhân viên của công ty dọn nhà Độc Nhân trong bộ đồ như những phi hành gia cùng máy khoan, cửa máy và những dụng cụ cầm tay khác đi ra đi vào Ngôi Nhà Gương, sau khi chiếc xe ủi không thể dùng được nữa.

Chiếc xe nằm im lìm và bất động, quả cầu sắt vẫn bị kẹt chặt trong những bức tường. Đám công nhân đã làm cho ngôi nhà ngừng quay bằng cách nã búa vào một loạt máy móc ở trong hầm, sau đó đi hết từ phòng này sang phòng khác để dỡ từng bức tường mà họ thấy trước mặt.

Tối hôm đó, Ngôi Nhà Gương chỉ còn là một bộ xương kim loại bị vây quanh bởi những đống đổ nát. Ban công và lan can cũng bị phá hủy, những cánh cửa chớp bị đập vụn, sàn nhà bị xới tung lên để tìm cánh cửa trữ danh kia.

Oblivia đứng ra lệnh từ ngoài sân, lúc thì nghiêng ngẫm tấm bản đồ của Thos Bowen, lúc lại xem những bản thiết kế Ngôi Nhà Gương được vẽ bởi chính bàn tay tỉ mỉ của Peter Dedalus. Manfred vẫn còn nhớ như in cái lần gã phải phá bức tường phía sau cửa hiệu của ông để vào tìm chúng...

Gần đến hoàng hôn thì bất chợt một trong số những người của công ty Độc Nhãn chạy ra khỏi nhà hét lên:

“Cô Newton! Cô Newton! Cô hãy lại đây mà xem! Có lẽ chúng tôi đã tìm thấy rồi...”

Oblivia vội vã chạy vào trong.

Manfred từ tốn theo sau cô chủ.

“Là cái này phải không?” Người công nhân vừa hỏi vừa chỉ cho nữ chủ nhà thứ họ vừa tìm thấy trong phòng máy móc.

Trong đồng hồ nát cao ngất ngưỡng hiện ra một cánh cửa cũ, gắn trên một bức tường bằng đá. Cánh cửa được giấu sau một bức vách xây bằng gạch và ốp gỗ, trên đó có khắc tên “Ulysses Moore”.

Ngay khi đọc được dòng chữ đó, Oblivia găm gù:

“Ông đã cất công giấu cánh cửa này khỏi mắt ta phải không? Nhưng ta còn khôn ngoan hơn ông nhiều!”

“Là cái này đúng không...?” Gã công nhân hỏi lại.

“Là nó đấy! Đúng vậy!” Oblivia vui vẻ trả lời và chạm tay lên chữ ký của Ulysses Moore trên bức vách. “Các anh hãy lấy nó ra khỏi đồng hồ nát này! Nhanh tay lên!”

Đám công nhân bắt tay vào công việc và nhờ những mũi khoan, chỉ sau một lúc, họ đã xóa sạch mọi dấu vết của bức tường giả.

Sau đó họ đứng dẹp sang một bên để Oblivia được quan sát gần hơn thứ mà cô ả hằng ao ước.

Cánh cửa tuy đã cổ xưa nhưng dường như còn rất chắc chắn. Nó có một vết xước sâu, có thể đã bị máy khoan của đám công nhân cắm vào.

Phía dưới, bên tay trái nổi bật lên cái ổ khóa, đúng loại ổ cũ và lớn có trên cánh cửa của nhà bà Cleopatra Biggles.

Chính là nó, không còn may mắn nghi ngờ gì nữa. Chính là cánh cửa của Peter Dedalus.

Theo bản năng, Oblivia lần tay lên sợi dây chuyền của mình để cầm lấy chiếc chìa khóa có chuôi hình sư tử. Sau đó, sức nhớ ra sự có mặt của đám công nhân, Oblivia liền sỗ sàng giải tán họ:

“Rất tốt. Các anh có thể đi, ngay bây giờ.”

Cả bốn người buông dụng cụ của mình xuống đất, rất lấy làm cảm kích trước yêu cầu đó. Họ hỏi khi nào có thể quay lại lấy chiếc xe ủi bị lộn ngược đang nằm chổng chơ ngoài sân, nhưng người phụ nữ thuê họ khoát một cử chỉ không mấy rõ ràng.

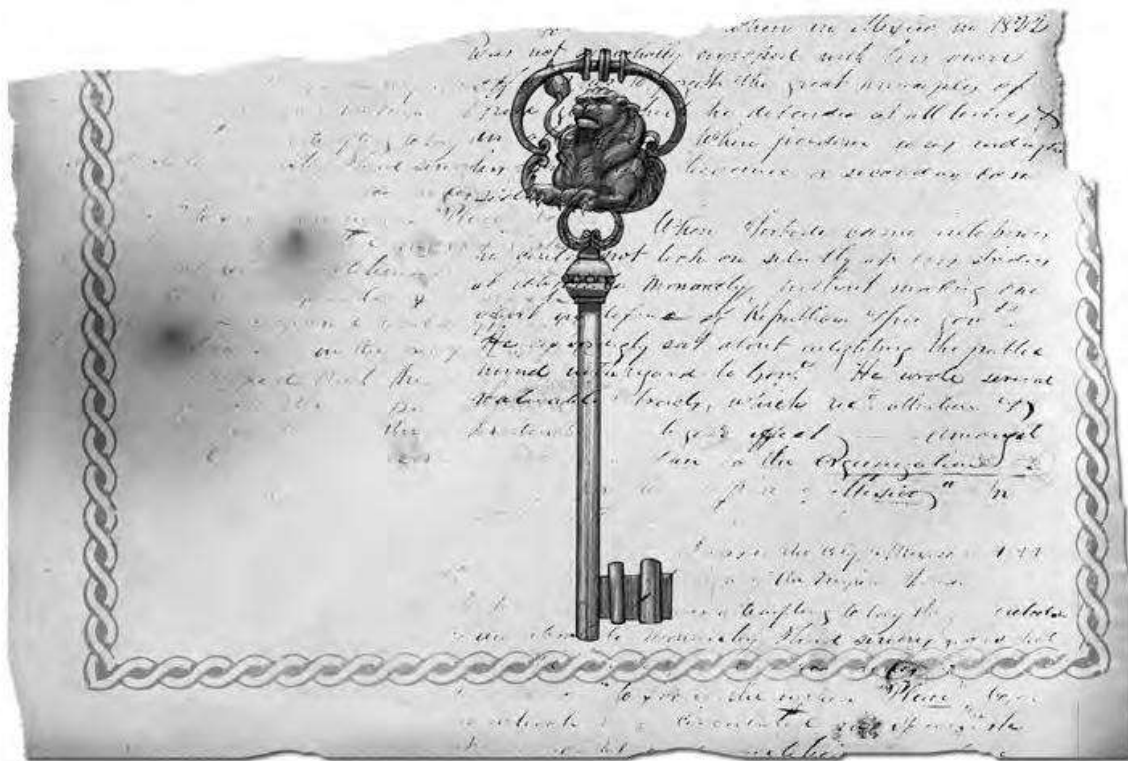
“Tốt hơn hết là không cần quay lại... Cái xe ủi đất ta sẽ mua đền, còn cái này cứ để ở đây.”

“Chúng tôi sẽ làm theo ý cô, thưa cô Newton.”

Đám công nhân lên xe tải rồi phóng hết tốc lực rời khỏi đó.

Khi bụi vừa lắng xuống, Oblivia trở lại chỗ cánh cửa với chiếc chìa khóa sư tử nằm chặt trong tay và chiếc ba-lô đầy đồ trên vai, trên người vẫn vận bộ đồ đua.

Oblivia đưa chiếc chìa khóa lại gần ổ khóa và tra vào lỗ. Ắ nhắm mắt. Sau đó, nín thở, ả vận khóa.



CẠCH, tiếng ổ khóa kêu lên và cánh cửa mở ra.

Oblivia mỉm cười và ngoảnh mặt lại hỏi Manfred.

“Người đi cùng ta chứ?”

Manfred nhăn nhó mặt mày. Gã không thích những cánh cửa đó và cách mà chúng hoạt động. Gã không muốn liên quan gì đến chúng nữa.

“Không. Tốt hơn là tôi ở lại trông coi ngôi nhà...”

“Cứ làm như người muốn. Nhưng ta báo trước: ta không biết sẽ mất bao nhiêu thời gian để tìm Peter... ở đâu bên kia.”

“Không quan trọng.” Manfred cho ả xem một tờ tạp chí cá độ thể thao mà gã cuộn tròn nhét trong đôi ủng. “Tôi đã mang nó theo để đọc. Và...”

Oblivia phớt lờ gã. Ầ lao vào bóng tối mịt mùng sau cánh cửa rồi đóng sầm nó lại sau lưng.

Manfred quăng tờ báo xuống đất và nói nốt câu:

“... chúc cô thượng lộ bình an, thưa cô!”

Sau đó gã nhìn ngó xung quanh. Những cột sắt và bu lông kia khiến gã rùng mình. Oblivia có lẽ sẽ đi khá lâu. Ngoài sân, có một chiếc mô tô đua mới toanh với bình xăng đầy ự...

“Tại sao mình phải ở lại cái nơi đã bị mọi người quên lãng như chỗ này nhỉ?!” Gã tự hỏi trong khi đi lên tầng trên và ra vườn.

Và gã chỉ phát hiện ra khi lại gần chiếc xe mô tô... Ai đó đã xì hơi cả hai lốp xe.

Manfred nhìn quanh nhưng chẳng thấy ai. Bộ khung của Ngôi Nhà Gương trông giống như một sân khấu múa rối nhỏ đã bị bỏ hoang. Và trên đỉnh đồi, những công trình kỳ quặc kia vẫn tiếp tục quay trong gió.

Manfred bắt đầu hét lên, phát điên vì giận dữ, và vùng chân đá mọi thứ mà gã bắt gặp.

Chương 21. Tầng áp mái

Lúc lên đến đỉnh cầu thang, Jason giúp Rick và Julia leo lên, sau đó cậu nhóc lùi vào phía trong, cách xa lối vào và chờ ông Nestor lên đó cùng chúng. Chúng đang ở dưới mái của Biệt thự Argo, chìm trong bóng tối. Trên đó thật nóng, một bầu không khí nóng khô và thơm phức, và chúng nghe thấy tất cả các thanh gỗ xung quanh kêu cọt két. Đó là những tiếng động nhỏ phát ra từ mặt sàn liên tục bị chùng xuống, như thể rầm nhà và mái ngói đang chăm chú trò chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ của bọn mọt gỗ.

“Ái chà!” Jason nhìn xung quanh và thốt lên.

Tầng áp mái là căn phòng lớn duy nhất làm nơi trú ngụ của bọn, những đồ vật cũ bị bao phủ dưới lớp vải và ánh nắng vàng của buổi hoàng hôn chảy vào từ những khung kính của ô cửa sổ trên mái nhà. Sàn nhà cũng giống sàn của một con tàu.

Khác với em trai, Julia nhìn xung quanh sợ hãi. Ở hai bên cánh cửa bày những đồ nội thất cũ phủ chăn và ga trải giường màu trắng, và có những khoảng tối đáng sợ ở mọi hướng.

“Các cháu lùi ra đi!” Nestor ra lệnh cho chúng trong khi khó nhọc trèo lên cái thang.

Ba đứa nghe theo lời ông. Chúng đi giữa những đồ nội thất chông chất dọc hai bên phòng và bước vào một không gian rộng hơn, sáng sủa hơn với ô cửa sổ nhìn xuống hoa viên.

In bóng trước ánh hoàng hôn là một người đàn ông đội chiếc mũ lớn trên đầu.

Vừa nhìn thấy ông ta, Julia liền hét lớn.

Rick nắm chặt tay cô bạn, cậu cũng sợ hãi y hệt, trong khi đó Jason, với ánh mắt tròn tròn và miệng khô khốc, nó hiểu ra rằng cuối cùng đã tìm thấy căn phòng bí mật của ông Ulysses Moore. Và người chủ cũ ấy đang đợi chúng, ông ấy ở trước chúng có vài mét

“Ngài... Moore phải không ạ?” Jason thì thầm, tiến thêm một bước tới gần cái bóng sẫm màu của người đàn ông đội mũ.

Người đàn ông không trả lời.

Rick lùi lại một bước.

Trên sàn nhà đối diện với cửa sổ có một chiếc bàn gỗ dài đặt đầy toan, bút chì và những bức vẽ.

Người đàn ông đang đợi chúng gần chiếc bàn với dáng vẻ oai vệ.

“Ngài Moore phải không ạ?” Jason hỏi lại và tiến thêm một bước nữa.

Có một tiếng động. Sàn phòng áp mái rung lên dưới những bước chân ngập ngừng của ông lão làm vườn, ông đột nhiên xuất hiện sau lưng chúng.

“Nó không thể trả lời cháu đâu...” Nestor lẩm bẩm. “Không thể nữa.”

Trên tầng áp mái trông ông cao và uy nghi hơn rất nhiều.

Ông bước đến bên Julia và đặt một tay lên vai cô.

“Cháu đừng lo.”

Chỉ đến lúc ấy Rick mới cảm thấy vô cùng bối rối và buông tay cô bạn ra.

Người làm vườn tập tễnh bước lại gần Jason và bảo nó tiến thêm hai bước nữa để biết sự thật về người đàn ông đang đứng gần chiếc bàn vẽ.

Hóa ra đó là một hình nộm.

“Đây từng là phòng làm việc của bà Penelope,” Nestor giải thích khi ra đứng cạnh chiếc bàn làm việc trong ánh sáng chan hoà. “Đây từng là căn phòng nơi bà ấy vẽ tranh.”

Ra khỏi khoảng ánh sáng chiếu vào từ cửa sổ là lũ trẻ có thể nhận ra những tấm toan và những bức tranh tựa vào nhau. Mùi hắc của màu keo hòa quyện với mùi gỗ vẫn còn đó.

“Mọi thứ vẫn y như khi bà ấy để lại,” Nestor nói. “Màu nước, bút chì bị gãy. Vương quốc dưới mái nhà của bà ấy: chì màu nâu đỏ, những cái hũ đựng nước và... dĩ nhiên là cả hình nộm bà ấy dùng làm mẫu cho những bức tranh của mình.”

Đó là một hình nộm bằng vải, cao tầm người thật và trông cũng thật đến khó tin. Julia ngắm nó đầy nghi hoặc, sau đó cô bé chạm vào để đảm bảo rằng nó chỉ là đồ giả.

Trong một góc bàn có vài quân trên bàn cờ của ông Peter Dedalus.

Nestor nhận ra Rick đã phát hiện thấy chúng, liền giải thích:

“Giữa họ từng có một lời đánh cược. Cứ bị mất một quân cờ vào tay đối phương, ông Peter lại phải làm cho bà Moore một phát minh nhỏ. Ngược lại, cứ

mỗi quân cờ bị ăn, bà Penelope phải vẽ cho ông ấy một bức tranh.”

“Và sau đó bà ấy phải gắn một quân cờ phía sau khung tranh, như đã làm với bức tranh ở nhà Bowen.”

“Ván cờ đã kéo dài được bao lâu ạ?”

“Hai năm,” Nestor trả lời chắc nịch.

“Tại sao ông lại đưa bọn cháu lên đây?” Jason hỏi ông sau khi đã ngắm nhìn những phác họa và những bức tranh của bà Penelope.

“Vì cũng nên để các cháu biết điều đó,” Nestor trả lời.

Ông đứng ra trước ánh sáng bên cửa sổ nhìn ra ngoài.

“Biết điều gì ạ?” Rick hỏi và cảm nhận trong không khí nổi căng thẳng thường thấy trước những thời khắc quan trọng.

“Rằng các cháu thực sự là ai,” ông lão làm vườn ngoảnh mặt lại trả lời chúng. “Và tại sao các cháu ở đây.”

“Ông Ulysses Moore không muốn chiến đấu nữa. Ông ấy đã dành đến nửa cuộc đời để ấp ủ một điều bí mật và nuôi dưỡng nó lớn lên. Và nửa phần đời còn lại để tìm cách xóa bỏ và bảo vệ nó. Điều bí mật ấy là ngôi nhà này, vùng biển bên trong vách đá và con tàu Metis neo đậu bên cầu tàu. Điều bí mật ấy cũng là về bốn chiếc chìa khóa giờ đây đã thuộc về các cháu và cánh cửa đã mở ra. Nhưng bí mật thực sự chính là Kilmore Cove. Một nơi nhỏ bé, quý giá, kỳ diệu, từ đó chúng ta có thể đi tới những nơi cũng nhỏ bé, quý giá và kỳ diệu khác. Chính là qua những cánh cửa các cháu ạ! Những cánh cửa của Kilmore Cove có thể dẫn tới những nơi mà ông Ulysses vẫn hay gọi là... Bến Cảng Mơ. Đó là những nơi giống như ngôi nhà này. Như Salton Cliff và bãi biển. Những nơi mà sự xô bồ của thế giới bên ngoài không thể chạm tới. Nơi chỉ có sự yên bình và vẻ đẹp. Và người ta chẳng cần gì nữa. Chỉ cần chút thời gian để tận hưởng những điều đó. Để khám phá ra rằng tắm ở một bãi biển nhỏ giữa những mỏm đá hay nằm ườn trên cỏ ngắm mây trời thì đẹp đến nhường nào. Ngôi hóng mát buổi tối với một cuốn sách trên tay. Hay thức dậy vào buổi bình minh để ngắm ánh ban mai đầu tiên rồi họa lại cảnh tượng ấy lên vải. Được vẫy bần hai bàn tay với đất. Sử dụng những sắc màu. Làm thơ để ngâm tặng bạn bè. Cười với họ, đốt lửa trại trên bãi biển và ngắm sao. Gắn bó với nhau bằng những cảm nhận tương đồng, bằng niềm khao khát chung được

khám phá cuộc sống qua những biểu hiện dung dị nhất của nó. Và khám phá ra rằng, kỳ diệu thay, sau mỗi cánh cửa lại ẩn chứa một thế giới xa xôi. Một ngôi làng về mặt nào đó giống hệt nơi ta vừa rời đi nhưng cũng hoàn toàn khác biệt.

Nestor bước lại bên chiếc bàn vẽ rồi nói tiếp:

“Đối với vợ chồng ông Ulysses Moore, Kilmore Cove và những cánh cửa của nơi này là điều bí ẩn lớn nhất trên đời. Một bí ẩn vừa kỳ diệu lại vừa nguy hiểm. Bởi nếu nó rơi nhầm vào tay kẻ ác, những cánh cửa và những thế giới mà chúng dẫn tới có thể sẽ bị xóa sạch.”

“Là Oblivia...” Julia thầm thì.

“Đúng là Oblivia,” Nestor khẳng định. “Cô ta là một mối nguy thực sự. Một người đàn bà độc ác, với cô ta thời gian chỉ là một con số, một lịch trình, một phép đếm ngược mà cho tới lúc đó cô ta vẫn chỉ chăm chăm làm giàu thêm bằng những con số vô nghĩa, mua rồi bán, nói rồi lại nói, tự tạo cho mình những đối thủ để đánh bại, hoặc tự nhốt mình kín bưng bên trong một chiếc máy bay. Ôi, không! Ông Ulysses không muốn những kẻ như cô ta, với vẻ hiện đại tẻ ngắt, tới Kilmore Cove. Ông ấy muốn gìn giữ ngôi làng này. Ông ấy muốn bảo vệ nó, như những vị tổ tiên của ông từng làm trước đó... Vậy là ông ấy đã tập hợp những người bạn và nghiên cứu cách để giữ Kilmore Cove tránh xa khỏi những hiểm nguy của thế giới hiện đại. Ngôi làng phải biến mất khỏi những danh bạ điện thoại, mạng lưới đường sắt, cẩm nang du lịch và sách quảng cáo những nhà hàng đặc sản. Không được có viện bảo tàng, rạp chiếu bóng, những buổi biểu diễn rầm rộ, hay những công trình thú vị để thưởng ngoạn. Khi đại diện chính phủ tới đây để lập danh sách các tác phẩm nghệ thuật của ngôi làng, một người bạn của ông Ulysses đã sửa lại tên bức tượng quan trọng duy nhất ở Kilmore Cove, khiến nó không được trích dẫn trong bất kỳ danh mục nào. Mặt khác, ai mà lại đi tìm bức tượng của một ông vua không tồn tại cơ chứ?”

Jason bật cười khúc khích, Rick cũng bắt chước bạn và lắc đầu vì bất ngờ.

Lúc này giọng Nestor trở nên trầm xuống.

“Nhưng... sau đó... các cháu biết điều gì đã xảy ra rồi đó. Oblivia nhận được một chiếc chìa khóa và đã khám phá ra Kilmore Cove.”

“Ông Peter đã kể cho cô ta về bí mật...” Julia thêm.

“Và không ai có thể ngăn được cô ta.”

Nestor dừng lại một chút, như thể đã đến đoạn quan trọng trong câu chuyện của mình.

“Ông Ulysses lúc đó đã mệt mỏi, già cả và kiệt sức. Ông ấy mất bà Penelope, bị những người bạn phản bội và bỏ rơi. Ông ấy cảm thấy cô đơn. Dĩ nhiên vẫn luôn có ta, nhưng điều đó là không đủ. Tuy nhiên, trước khi... mất... ông ấy nghĩ ai đó sẽ có thể tiếp tục chiến đấu thay cho mình.”

Nestor nhìn bọn trẻ: cả ba đứa cộng lại còn chưa đến 40 tuổi, nhưng ánh mắt chúng thật rạng rỡ và chúng nhìn theo từng cử chỉ của ông, như thể số phận của toàn thế giới phụ thuộc cả vào câu chuyện này. Tim chúng đập thành thịch, như những tiếng trống cuồng nhiệt. Và chúng lắng nghe ông. Chúng hiểu ông.

“Chính là chúng. Là chúng,” Nestor tự nhủ, “đúng vậy rồi.”

“Và ta tin rằng người này cuối cùng cũng đã xuất hiện,” ông tuyên bố.

Ông lão làm vờn lại gần hình nộm rồi nhẹ nhàng nhắc chiếc mũ trên đầu nó ra. Chiếc mũ có vành rộng và tối màu, và một mỏ neo màu trắng vẽ bên trong chiếc mề đay vàng.

“Đây là mũ của ông chủ ngày xưa. Chiếc mũ ông ấy hay dùng khi làm thuyền trưởng tàu Metis và lên đường trong một số cuộc hành trình sang phía bên kia Cánh Cửa Thời Gian.”

Nestor vẫy cái mũ để giữ bớt bụi, rồi húng hắng ho.

“Nó đã ở trên hình nộm này quá lâu rồi, - ông nói tiếp ngay sau khi cơn ho dịu đi, - trong khi chỗ của nó là ở trên đầu một vị thuyền trưởng thực sự. Người hiểu rõ con tàu Metis, biết làm cho nó di chuyển và lái nó tới những Bến Cảng Mơ xa xôi nhất. Người giống như cháu, Jason Covenant,” ông nói thêm và trao chiếc mũ cho cậu bé.

“Như cháu sao?” Cậu nhóc kinh ngạc hỏi và chìa tay nhận lấy chiếc mũ giống như nhận lấy một báu vật.

Nestor cởi chiếc áo choàng đính khuy vàng khỏi hình nộm rồi trao cho Julia.

“Và như cháu, Julia Covenant!” Ông tuyên bố.

Sau đó ông tháo thanh kiếm lưỡi cong bằng bạc với dây đeo vai đưa cho Rick.

“Và như cháu nữa, Rick Banner!” Ông lão làm vờn nói nốt câu.

Cả ba đưa ngậy người nhìn ông chăm chăm, chúng thậm chí còn không thể mở miệng vì kinh ngạc, đưa nào cũng nắm chặt đồ của mình trong tay. Khi nhìn chúng, lần đầu tiên sau nhiều năm, Nestor phá lên cười thật sảng khoái.

“Ông Ulysses nghĩ sẽ nhường lại vị trí của mình cho một người duy nhất, chứ không phải là ba người...” Lát sau ông lão làm vờn tiếp tục giải thích. “Và ông ấy đã chuẩn bị bộ đồng phục này cho khoảnh khắc ta... tìm thấy người đó. Chỉ sau khi chọn được người kế thừa ta mới có thể kể cho người đó tất cả những gì mình biết về Biệt thự Argo, về Kilmore Cove. Và về giao ước bảo vệ những cánh cửa và những chiếc chìa khóa, để giữ gìn bí mật của chúng, như những người chủ khác của ngôi nhà từng làm ngay từ thuở ban đầu...”

Đôi mắt Jason mở to kinh ngạc.

“Ông định nói là... tất cả những người có ảnh chân dung treo ở cầu thang...”

“Đó là những vị tổ tiên của ông Ulysses Moore, những vị tiên bói bảo vệ Kilmore Cove trước các cháu. Ta đã nhận nhiệm vụ này từ ngài Moore, và hôm nay ta đã chọn các cháu để tiếp tục truyền thống có từ hàng nghìn năm nay. Ta đã chọn xong. Giờ nếu các cháu muốn, thì hãy chấp nhận nhiệm vụ ấy.”

“Có! Có! Cháu chấp nhận!” Jason hét lên đầy hăng hái.

Nestor cười với cậu nhóc. Xung quanh ông, những hạt bụi dưới ánh nắng sắp tắt cuộn xoáy trong không khí.

“Cả ba đưa phải cùng chấp nhận. Hoặc tất cả, hoặc chẳng ai cả.”

Julia và Rick liếc nhìn nhau.

Cậu bé tóc đỏ nói trước:

“Cháu sinh ra tại Kilmore Cove, và cháu sẽ luôn luôn bảo vệ nó khỏi mọi nguy hiểm. Bởi vì đây là nhà của cháu.”

Nói xong cậu quàng thanh kiếm bạc qua vai. Jason bắt chước nó ấn sâu chiếc mũ thuyền trưởng đang đội trên đầu xuống tận chóp mũi.

“Cứu tôi với, tôi không nhìn thấy gì nữa! Tôi không nhìn thấy gì nữa!” Cậu nhóc lém lỉnh đùa.

Julia thở dài, cô vừa bị mê hoặc lại vừa cảm thấy sợ hãi.

Trái với Jason, người dường như không hề suy nghĩ dù chỉ một giây về những gì đang xảy ra, cô cảm thấy trên vai là gánh nặng trách nhiệm của khoảnh khắc quan trọng tột cùng. Đối với cậu em trai, căn gác mái đã biến

thành một tòa lâu đài cổ và ông lão làm vườn đi cà nhắc trở thành đức vua phong tước hiệp sĩ cho chúng. Chuyện đó không hơn gì một trò chơi... Ngược lại, Julia cảm thấy như có một khoảng trống chơi vui dưới hai chân mình và phía trước chỉ là một dấu chấm hỏi lớn.

Biệt thự Argo là một nơi rất khác với thành phố nhộn nhịp nơi chúng từng sống... Đó là nơi cô được biết đến những cảm xúc mãnh liệt, nơi cô đã liều mạng vì một người vừa mới quen.

Một ông lão làm vườn bước đi cà nhắc.

Bố và mẹ sẽ rất tự hào về cô...

Cô khoác chiếc áo choàng của ông Ulysses Moore, những chiếc khuy vàng trên áo ánh lên sáng chói.

“Cháu không sinh ra ở Kilmore Cove... nhưng cháu muốn ngôi làng sẽ còn mãi như thế này. Vâng, cháu đồng ý.”

Nestor vụng về cúi xuống trước những đứa trẻ và nói:

“Ta không giỏi điều khiển những nghi lễ. Nhưng... kể từ khoảnh khắc này, ta tuyên bố các cháu là những Người Bảo Vệ Cánh Cửa Thời Gian và là những Hiệp sĩ của Kilmore Cove!”

Hai chú sóc trèo dọc theo đường ống nước của máng xối do dự dừng lại trên mái Biệt thự Argo. Những sợi râu rung rung và chúng nhìn quanh tò mò. Đột nhiên, mái ngói bắt đầu rung chuyển, dường như những cư dân trong ngôi nhà cổ ấy bắt đầu nhảy múa trên căn phòng áp mái.

Chương 22. Một khởi đầu mới

Một lúc sau, trên điện thoại, bà Covenant dường như rất chán nản: đám nhân viên của công ty chuyển nhà đã gây ra đồng lộn xộn thực sự khi làm vỡ vụn một món đồ cũ của căn bếp mà bà muốn mang về Kilmore Cove bằng mọi giá.

“Nhà mình cứ bán hết rồi mua lại mọi thứ từ đầu có khi còn nhanh hơn...” Bà tâm sự với Julia bằng giọng đau khổ. “Mẹ cũng nghĩ sẽ bắt tàu về trước và

cứ kệ cho bố con trông coi những kẻ bất tài ấy, nhưng... đến được Kilmore Cove hình như là một việc không thể! Mà mẹ cũng không muốn phải dành cả ngày trời để nghiên cứu giờ tàu và ga chuyển tàu một chút nào.”

Julia cười nhưng không nói gì.

Bà mẹ tiếp tục thổ lộ:

“Còn nữa, con biết đàn ông họ thế nào rồi đấy, con yêu! Nếu con để họ một mình chỉ một lúc thôi là không biết chừng họ sẽ gây ra chuyện gì...”

“Mẹ nói đúng mẹ ạ, nhưng mẹ đừng lo,” Julia trả lời.

Trong căn phòng bằng đá, Jason và Rick đang bận rộn với bản phác thảo một kế hoạch chi tiết tất cả những việc chúng phải làm ngay tức khắc.

Cô bé kéo dây điện thoại thò đầu vào trong, cố tìm hiểu xem hai đứa kia nói đến đâu rồi.

“Jason cư xử lễ độ chứ con?” Bà mẹ hỏi dồn. “Con biết em con là người thế nào rồi đấy... cần phải kiên nhẫn với nó...”

“Không có vấn đề gì đâu mẹ ạ!” Cô nhanh nhẩu trả lời. “Nó ngoan như một thiên thần nhỏ.”

“Các con không gây ra chuyện lộn xộn gì đấy chứ?”

“Chuyện lộn xộn ạ? Mẹ nghĩ bọn con có thể gây ra chuyện gì ở đây chứ?”

“Mẹ nhắc nhở hai đứa hãy cẩn thận, đừng có đồng ý với bất kỳ lời đề nghị nào từ những kẻ hay đến nhà mời chào hàng đông lạnh đấy, nghe chưa? Người ta nói với mẹ là ở nông thôn vẫn còn nhiều người như thế quanh quẩn lắm. Chỉ cần con đồng ý mua một lần thì sẽ không bao giờ được yên thân với họ nữa đâu!”

“Bọn con không mua gì cả mẹ ạ. Và ông Nestor là một đầu bếp tuyệt vời. Mẹ nghĩ mà xem tối nay...”

Thế nhưng, bà Covenant đang rất cần trút hết bực dọc với ai đó, bình thản nói tiếp:

“Dù mọi chuyện với mấy kẻ vô dụng ở công ty chuyển nhà này có thể nào, ngày mai mẹ cũng sẽ về Biệt thự Argo. Mẹ hứa. Rồi con sẽ thấy, một khi mẹ con đã ra tay thì gạo sẽ xay ra cám hết.”

Julia thở dài, cô chẳng vừa nói với bà rằng không có chuyện gì là không ổn còn gì!

“Được chứ bé con?”

“Vâng ạ.”

“Vây hẹn ngày mai gặp con nhé.”

“Tất nhiên ạ.”

“Hai đứa nhớ phải ngoan đấy.”

“Mẹ hãy tin ở bọn con,” Julia gác máy.

Cô bé dựa đầu vào lưng ghế lắng nghe gió thổi bên ngoài cửa sổ. Sắp sửa tối rồi, và cô cảm thấy rất mệt.

Cô gấp một cái rồi bước tới chỗ hai đứa kia.

“Thế nào?” Jason hỏi cô.

“Ngày mai bố mẹ về.”

“Nghĩa là chúng ta có rất ít thời gian!” Cậu em trai thốt lên. “Chúng ta phải hành động trước khi họ quay về.”

Julia thở hắt ra.

“Hãy quên chuyện đó đi. Chị mệt rã rời rồi. Và cả Rick cũng vậy.”

Hai mắt của cậu nhóc người Kilmore Cove đã díp lại và mọng nước. Chân cũng đau nữa và cậu cảm thấy ran rát ở chỗ da bị trầy xước.

“Không biết mẹ có cho phép mình ở đây ăn tối lần nữa không...”

Từ căn bếp, mùi thơm của món thịt tỏa ra.

“Kế hoạch là thế nào, các Hiệp sĩ?” Julia hỏi rồi ngồi xuống sàn nhà, chỗ mà mới ngày hôm trước thôi, cả ba đứa còn bù đầu với bí ẩn của bốn chiếc chìa khóa.

Có vẻ Rick và Jason rất nghiêm túc đón nhận nhiệm vụ mà ông Nestor trao cho chúng. Chúng viết kín hết trang giấy này tới trang giấy khác bằng những cái tên, mũi tên và ô vuông màu mè. Dù thất vọng vì đã khám phá ra rằng người chủ cũ không hề ẩn cư trong một căn phòng bí mật, nhưng Jason đã háo hức trở lại. Cầm những tờ giấy mà mình và Rick đã viết kín, cậu nhóc cập nhật tình hình cho cô chị:

“Bọn em đã quyết định rằng bước đầu tiên phải làm để ngăn chặn Oblivia là tìm hiểu xem điều cô ta đang cố làm là gì. Rick nghĩ rằng cô ta muốn đi tìm ông Peter Dedalus.”

“Với mục đích là gì?”

“Ông Peter đã để cô ta biết rằng ông ấy biết cách kiểm soát tất cả các cánh cửa ở Kilmore Cove. Và Oblivia thì muốn biết cách đó là gì.”

Julia gật gù.

“Vậy thì chắc là cô ta sẽ đi qua cánh cửa ở nhà ông Peter và săn tìm ông ấy.”

“Chính xác. Vấn đề là... bọn mình không biết cánh cửa của Ngôi Nhà Gương sẽ dẫn tới đâu.”

“Cho nên điều đầu tiên phải làm,” Jason tóm tắt lại, “là chia nhau những cuốn nhật ký của ông Ulysses Moore có trên phòng tháp và đọc xem có phát hiện được điều gì không.”

Trước cái ý nghĩ phải đọc sách, Rick nhăn nhó mặt mày và giơ tay ra hiệu.

“Nhưng bọn mình hãy làm điều này vào ngày mai đi! Mình còn phải đọc cuốn sách của cô Calypso...”

Cả ba đứa trẻ đều cười phá lên.

“Sau đó,” Jason nói tiếp không nao núng, “bọn mình sẽ lại lên tàu Metis, sẽ tới Bến Cảng Mộng Mơ nơi ông Peter trú ẩn và bọn mình sẽ cố tìm thấy ông ấy trước Oblivia.”

“Nếu còn sống, ông ấy sẽ là người cuối cùng còn lại trong số bạn bè của ông Ulysses Moore,” Julia trầm ngâm.

“Trừ bọn mình,” Jason nói.

“Trừ bọn mình, tất nhiên rồi.”

“Và ông ấy cũng là người duy nhất biết tất cả bí mật về các cánh cửa.”

Kế hoạch đã được thông qua. Chẳng còn gì khác phải làm ngoài việc chào từ biệt nhau.

Rick lấy lại đồ lễ của nó, để lại cho Jason giữ cuộn dây thừng dài một mét nó từng mang theo tới Ai Cập và cuốn *Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên*. Cậu nhóc cười lên xe đạp rời khỏi Biệt thự Argo.

“Hẹn mai gặp lại!”

“Hẹn mai gặp lại!” Hai chị em sinh đôi hét lên phía sau nó.

Bên ngoài, hoàng hôn vẫn còn rực rỡ.

Jason trở vào bếp và lại hành hạ ông Nestor bằng những câu hỏi về những cánh cửa, chìa khóa và bàn bệ của ông Ulysses Moore.

Trái ngược với cậu em, Julia cảm thấy rất hoang mang. Cả ngày hôm ấy cô đã nghe quá nhiều điều kỳ lạ và đã đến lúc dừng lại.

Khi nhìn thấy ông lão làm vườn đang nấu ba miếng thịt, cô bé nói:

“Đừng nấu cho cháu nhé ông Nestor. Cháu đi ngủ luôn đây ạ.”

Ông lão làm vườn không chớp mắt.

“Cũng được. Vậy thì chúc cháu ngủ ngon!” Ông mỉm cười đáp lại.

Sau những gì họ nói với nhau trên tầng áp mái, Nestor dường như trở thành một con người khác. Ông điềm tĩnh hơn, bớt bí ẩn và gắt gỏng hẳn. Cứ như thể ông vừa được giải thoát khỏi một gánh nặng.

“Em có thể ăn phần của chị chứ?” Jason hỏi chị.

Julia gật đầu. Tất cả những gì cô có thể nghĩ tới là một giấc ngủ dài thật dài.

“Hẹn ngày mai gặp lại: chị không tài nào mở mắt được nữa.”

“Chúc ngủ ngon, chị gái.”

Khi ra khỏi căn bếp, Julia nghe thấy Jason thì thào:

“Ông phải thứ lỗi cho chị ấy, ông Nestor ạ. Xét cho cùng, chị ấy vẫn chỉ là một cô gái... Chị ấy không cứng rắn như cánh đàn ông chúng ta!”

Trong lúc lên cầu thang, Julia nghe thấy một tiếng động.

“Mọi người gọi cháu à?” Cô đột nhiên ngoảnh mặt lại và hỏi.

Jason và Nestor không trả lời, và cô nghĩ mình đã nhầm.

Julia lại tiếp tục đi lên trên, thì một cơn gió bất chợt cuốn tung tóc cô. Một cánh cửa sổ dưới tầng trệt đập mạnh, và cánh cửa gương trên phòng tháp đóng sầm lại.

Julia sợ hãi nắm chặt tay vịn cầu thang.

Theo bản năng, cô xỏ tay vào túi nắm chặt bốn chiếc chìa khóa của Cánh Cửa Thời Gian.

“Chị Julia!” Jason gọi chị từ căn bếp. “Chị đóng cửa sổ ở tháp canh nhé! Gió đang lùa vào nhà!”

Quả thực một cơn gió đang vù vù lùa qua chân cô bé. Nó thổi từ cánh cửa gương trên đỉnh cầu thang. Những bức chân dung các vị tổ tiên của gia đình

Moore treo trên những móc xích nhỏ đang nhìn cô bé.

Julia lên tầng cầu thang thứ hai và mở cánh cửa dẫn lên phòng tháp.

Đúng như Jason đã nghĩ, cửa sổ lại bị mở toang khiến gió lùa từ ô cửa để mở xuống căn bếp. Julia nhào người ra để đóng cửa sổ và chốt nó lại một lần cho chắc, dù biết rằng điều đó là vô ích.

Thế nhưng, sau khi xoay tay nắm cô bé sững người. Có gì đó trong căn phòng đã bị thay đổi.

Một mùi hương thoang thoảng lơ lửng trong không khí. Một mùi hoang dại và hăng hắc.

Julia cảm thấy một nỗi sợ hãi phi lý dâng lên trong lòng, cô tựa lưng vào tường dò xét lại khắp căn phòng.

Thứ gì đã bị thay đổi kể từ lần cuối cô ở đây?

Khi nhận ra điều đó Julia cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng. Cô há to miệng định gọi em trai nhưng không sao làm được.

Ở chính giữa bàn làm việc có một trong những cuốn nhật ký hành trình của ông Ulysses Moore, trên đó đặt mô hình bằng gỗ của một chiếc thuyền gondola, loại thuyền đặc trưng của Venezia.

Với đôi bàn tay run rẩy, Julia dịch chiếc thuyền sang một bên và mở cuốn sổ.

Đó là những ghi chép về một chuyến đi của ông Ulysses Moore tại Venezia. Trong trang đầu tiên có vẽ hình con Sư tử ở quảng trường San Marco.

“Chiếc chìa khóa sư tử!” Julia nghĩ trong cơn rùng mình thứ hai. “Có thể nào là...?”

Cô bé lao ra ngoài phòng tháp, rồi chạy thẳng xuống bếp bằng tất cả chút sức lực còn lại. Cô vọt qua trước mặt Jason và ông Nestor, suýt thì hất tung cái chảo đựng ba miếng bít-tết.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Cậu em trai hỏi với theo.

Julia lao ra vườn rồi chạy xuống phía dưới ngọn tháp, vẫy vẫy trong không khí cuốn sổ cô bé vừa tìm thấy trên bàn làm việc.

“Ông đang ở đâu?!” Julia hét lên, cô bé đang tìm ai đó, hay thứ gì đó giữa cây cối trong vườn. “Ông đang trốn ở đâu?”

Những chú dế hòa tấu một bài ca thư thái giữa những nhánh cỏ. Những vòm cây xào xạc yên bình. Một con cú cất tiếng gọi trầm trầm để xem đã đến giờ bay đi săn chưa. Biển tung bọt trắng xóa dưới vách Salton Cliff.

Bên ngoài chẳng có một ai. Hoàn toàn chẳng có một ai.

“Chị Julia ơi?” Jason ló ra từ cửa phòng bếp, la lớn. “Chị bị khủng à?”

Cô kiểm tra lần cuối những góc khuất dưới bóng tối trong khu vườn, mái nhà, phòng áp mái, những cành dài và cong của cây sung.

Cuối cùng, Julia bỏ cuộc. Cô bé lững thững bước tới chỗ em trai và cất giọng yếu ớt:

“Venezia. Ông Peter Dedalus đang ăn náu ở Venezia.”

Chương 23. Trên ngọn đồi

Rick dừng lại bên lề đường để tận hưởng cảnh hoàng hôn nhìn từ trên cao. Cỏ cây đổ rạp theo chiều gió và những con chim mòng biển đùa giỡn với ánh mặt trời đang lặn dần xuống biển. Phía dưới, những ngôi nhà ở Kilmore Cove đang chuẩn bị bước vào một đêm yên bình. Cậu mỉm cười với suy nghĩ rằng trong những ngôi nhà có vẻ bình thường ấy thực ra lại cất giấu những cánh cửa gỗ có khả năng kết nối với những thế giới khác. Và cậu còn cười tươi hơn nữa với ý nghĩ rằng, thực sự đối với cậu, điều khó tin ấy dường như đã quá đổi bình thường.

Trong khi hoàng hôn trao cho vạn vật một diện mạo kỳ diệu, Rick nghĩ rằng hẳn điều kỳ diệu và vẻ đẹp đã được sinh ra trong cùng một ngày. Ánh mặt trời, những con chim mòng biển, biển cả, làn gió, những cư dân Kilmore Cove dù khó khăn nhưng trong sâu thẳm lại thật vui tươi. Chính là vẻ đẹp và điều kỳ diệu xảy đến đồng thời, có khả năng cô lập vùng vịnh kia, để nó mãi mãi hạnh phúc không bị đổi thay.

“Nhưng không phải ở đây...” Cuối cùng Rick từ bỏ vì bị cuốn theo những suy nghĩ khác, phức tạp và đau lòng hơn. Thời gian trôi nhanh như một cơn

bão, và nó cuốn phăng tất cả mọi thứ.

Cậu quay xe và bắt đầu đạp.

Đột nhiên trong đầu cậu nảy ra một ý nghĩ. Một ý nghĩ bắt nguồn từ một câu nói của ông Nestor, cái câu đã gây ấn tượng mạnh với cậu... Khi tới đoạn dốc cao nhất làng, cậu nhồm cả người trên bàn đạp để đạp nhanh hơn. Chiếc đồng hồ mà bố cậu tặng đang lấp lánh trên khung xe.

Khi đến nơi, Rick nhảy xuống đất và gò lưng đẩy chiếc xe đạp đi nốt những mét cuối cùng. Bóng cậu kéo dài chạm tới khu nghĩa địa trước cả khi cậu đặt chân đến đó. Cơn gió hoà mình với những tảng đá và những cây cúc gai dại.

Rick dựng xe tựa vào một bức tường đá rồi cúi xuống hái hai bông hoa màu vàng khiến hai chú dế nhảy bật đi.

Khu nghĩa địa chỉ đơn thuần là một cánh đồng được quây giữa những bức tường đá. Có lẽ trèo vào đó cũng rất dễ, nhưng cậu lại chọn cách đi qua cổng. Cậu thấy cảnh cổng vẫn để mở.

Cố gắng khẽ khàng để không gây quá nhiều tiếng ồn, cậu nhóc người Kilmore Cove tiến vào trong.

Xa xa, một con sóng vỗ vào những mòm đá, gửi lời chào tới tận cánh đồng của những người chết.

Cậu bước đi giữa những bia mộ và thánh giá, được xếp thẳng hàng cạnh nhau và trang trí theo hình chữ nhật với những viên đá trắng, vỏ sò và hoa khô. Có một mùi nhẹ nhẹ của thứ gì đó đang cháy, của vỏ cây và rêu. Mặt trời đã biến thành một hình vòm thiêu đốt phía chân trời.

Rick quỳ gối trước một tấm bia mộ giản dị bằng đá xám. Cậu đặt hai bông hoa vàng lên mộ và chặn một viên đá lên cọng hoa để chúng khỏi bay mất.

Cậu ngồi bất động một hồi lâu, chẳng nói gì và cũng chẳng gây ra tiếng động nào cả.

Mặt trời đã hoàn toàn biến mất sau đại dương và bầu trời tối lại như một tấm bảng đen.

“Bố ơi...” Đến lúc ấy Rick Banner mới lên tiếng, như để cầu xin ông giúp đỡ. “Con không tìm thấy họ! Không hề có! Nếu thực sự ông Ulysses và bà Penelope Moore đã mất và được chôn ở Kilmore Cove... thì tại sao họ lại không ở đây?”

- Còn tiếp -

Chú thích giành cho độc giả

Khi chúng tôi chuẩn bị gửi cuốn này đi in thì nhận được một email mới từ ông Pierdomenico Baccalario. Chúng tôi thấy quan trọng nên để các bạn cùng đọc nó:

CUỐN NHẬT KÝ THỨ TƯ

Từ: Pierdomenico Baccalario

Tiêu đề: Cuốn nhật ký thứ tư

Ngày: 22 tháng 8 năm 2005 02:45:33

Tới: Ban Biên tập

Chào các bạn, vẫn là tôi đây!

Tôi vẫn đang ở Cornovaglia. Sau khi giải mã được cuốn nhật ký thứ ba của ông Ulysses Moore, tôi lại bắt tay ngay lập tức vào cuốn thứ tư. Tôi mới dịch được một đoạn rất quan trọng: xin được chép lại ở đây, bởi vì tôi biết các bạn cũng nóng lòng muốn khám phá xem câu chuyện này sẽ đi đến đâu.

Peter Dedalus vẫn còn sống, về điều này thì bọn trẻ chắc chắn. Và chúng cũng chắc rằng cái bóng Sư tử ở quảng trường San Marco sẽ dẫn chúng tới tận xưởng của ông, chính xác như chiếc kim la bàn.

Nhưng trước tiên chúng phải tìm lại được Người Chèo Thuyền Đen, người duy nhất có thể ngược dòng những con kênh trong thành phố và dẫn chúng tới Đảo Mặt Nạ.

Nhưng chúng phải nhanh chân tìm ra nơi ông Peter ẩn náu, vì cả ba đứa đã quá trễ rồi.

- Vấn đề là Oblivia sẽ đến trước bọn mình..., Julia thăm thì đầy lo lắng.

- Đừng có nghĩ vậy chị gái, - Jason nói nhỏ với chị. Cậu nhóc vẫn mặc bộ quần áo dính đầy hồ và lông công.

Cứ mỗi cử động cậu lại khiến những nhúm lông vũ bay bay trong không khí.

- Có lẽ mình có ý này..., - Rick nhìn quanh và lẩm bẫm.

Bây giờ tôi phải đi rồi. Nếu khám phá được thêm điều gì mới, tôi sẽ viết thư cho các bạn ngay lập tức.

Hẹn sớm gặp lại,

Pierdomenico

Tái bút: Tôi đính kèm một bức vẽ tôi tìm thấy trong cuốn nhật ký thứ tư của ông Ulysses.

